

Giải Đáp Thắc Mắc Người Cư Sĩ

Pháp sư Thông Kham

Mahà Medhivongse

Nguồn <http://www.buddhanet.net>

Chuyển sang ebook 17-5-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tai Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

-ooOoo-

Theravàda

Kỳ Viên Tự - Jetavana Vihàra

610 Nguyễn Đình Chiểu,

P.3, Q.3, TP. HCM. Việt Nam

ĐT. 8325 522 -- 8300 846

Email: kyvientu@hcm.vnn.vn

Mục lục

Lời Giới Thiệu

Chủ đề NGŨ GIỚI

Chủ đề NGŨ GIỚI (tt)

Chủ đề NGHIỆP BÁO

Chủ đề TỘI PHƯỚC

Lời Giới Thiệu

Ngày nay phong trào nghiên cứu Phật học không còn bị thu hẹp trong giới Phật giáo mà đã phổ biến vào mọi tầng lớp của xã hội, không phân biệt Tôn giáo. Thậm chí có những tôn giáo khác cố vận dụng giáo lý của Đức Phật, bằng một số hình thức nào đó, phổ biến cho tín đồ của họ. Điều đó cho chúng ta thấy rằng kho tàng giáo lý của Đức Phật rất sống động với thời đại và cũng rất gần gũi với đời thường. Vì bản chất của con người là tham sân si mà giáo lý của Đức Phật thì đối trị lại tham sân si. Ngày nào chúng ta còn tham sân si là ngày đó chúng ta vẫn còn khổ đau, thất vọng, chán chường và bất hạnh. Chừng nào chúng ta áp dụng giáo lý của Đức Phật trọn vẹn trong đời sống tu niệm, chắc chắn lúc đó chúng ta sẽ có hạnh phúc, an lạc và có một lối sống vô cùng thanh thoi. Vì giáo lý của Đức Phật là một chân lý về

nhân bản nên nó bất hủ với thời gian, thích nghi với không gian và hài hòa với cuộc sống nhân loại.

Những nhà Phật học và những trung tâm truyền bá chánh Pháp của Đức Phật trên thế giới đã nhận thấy kho tàng Giáo pháp của Đức Phật rất quý báu, nên họ cố gắng bằng mọi cách để phổ biến giáo lý này vào đời sống bằng mọi phương tiện như dịch kinh điển ra nhiều thứ tiếng, mở nhiều trung tâm hoàng pháp và trung tâm thiền trên thế giới, nhập tất cả Tam Tạng và chú giải kinh điển vào mạng Internet để phổ biến rộng rãi trên hoàn cầu, nhằm mục đích cho nhân loại am tường Giáo pháp của Đức Thiên nhân sư và áp dụng có hiệu quả thiết thực. Hòa trong niềm hoan hỷ đó, chùa Kỳ Viên, chúng tôi muốn góp sức giới thiệu những tác phẩm của các vị tiền bối Phật giáo Nguyên Thủy và những bản dịch của Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức để giúp cho hàng Phật tử có thêm tư liệu nghiên cứu Phật pháp và vững chắc niềm tin tu hành.

Nhận thấy tác phẩm **Giải Đáp Thắc Mắc Người Cư Sĩ** của tác giả Pháp sư **Thông Kham** có giá trị và gần gũi với đời sống của người Phật tử nên chúng tôi xin phép xuất bản. Hy vọng món quà đạo vị này sẽ giúp quý vị giải đáp những hoài nghi về đạo pháp.

Xin trân trọng giới thiệu tác phẩm này đến quý vị và các bạn.

Kỳ Viên, Mùa Hạ 2000

Tỳ Kheo Tăng Định

Ủy Viên Ban Văn Hóa và Hoằng Pháp

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam

-oOo-

[01-1]

Chủ đề NGŨ GIỚI

-oOo-

HỎI: *Thưa ông, giáo lý của Đức Phật thật là cao sâu mầu nhiệm. Vậy Phật pháp có ích gì cho nhân loại, cho hạng tại gia cư sĩ?*

ĐÁP: Người trần thế chia ra làm hai hạng:

* Hạng không phải Phật tử, quan niệm rằng: ở đời cần có nhiều tiền, danh vọng lớn, uy quyền to, vì những điều ấy mang hạnh phúc lại cho họ. Vì hạng người này không bao giờ lưu tâm tìm hiểu Phật giáo.

* Hạng Phật tử mặc dầu còn trong vòng thế tục, nhưng có xem kinh nghe pháp, nên nhận thấy Phật giáo là con đường đi đến chân hạnh phúc. Hạng Phật tử được thừa hưởng rất nhiều lợi ích trong Phật pháp. Nhưng có ba điều lợi ích là:

1. Lợi ích tránh xa tội lỗi.
2. Lợi ích hành theo lẽ chính (Làm việc lành).

3. Lợi ích dập tắt phiền não, giữ lòng thanh tịnh, để tiến lần ra khỏi vòng luân hồi khổ não.

Xin giải thích ba điều lợi ích kể trên.

Điều 1: Đức Thế Tôn dạy tránh xa tội ác thông thường:

1. Làm hại người và vật có thức tánh.
2. Trộm cướp, lường gạt, gian lận, cưỡng bách để đoạt của người về làm của mình.
3. Tà dâm.
4. Nói dối, nói đâm thọc, nói lời vô ích.
5. Chửi rủa.
6. Nói lời hung ác.
7. Tham lam.
8. Suy nghĩ phương thế làm hại người.
9. Cột oan trái, oán thù.
10. Tà kiến là không tin nhân quả luân hồi.

Muốn tránh 10 tội ác trên thì nên hành 10 Pháp đối trị:

1. Không làm hại người, vật, nghĩa là không sát sinh.
2. Không trộm cắp, lường gạt, gian lận, cưỡng bách để cướp lấy của người.
3. Không tà dâm.
4. Không nói dối, nói lời đâm thọc, nói lời vô ích.
5. Không chửi rủa.
6. Không nói lời hung ác.
7. Không tham lam.
8. Không bao giờ nghĩ đến sự làm hại người.
9. Không cột oan trái oán thù.
10. Chính kiến nghĩa là tin nhân quả luân hồi.

Chúng ta thấy rõ rằng: Phật giáo chủ trương dạy người tránh điều ác, làm việc lành, hầu xây dựng hạnh phúc cho mình và cho xã hội, đây là điều lợi ích thứ nhất của Phật pháp.

Điều 2: Làm việc lành như hành theo chính pháp, tức là tuân theo lời giảng dạy của Đức Phật lấy luân thường, đạo đức làm nền tảng, xây dựng xã hội lành mạnh. Đối với đạo, phải căn cứ trên tinh thần tự độ tự tha.

Muốn xây dựng đời:

1. Phải giúp đỡ lẫn nhau trong việc hoan, hôn, tang, tế, và chung sức lập cơ quan từ thiện, hầu cứu trợ đồng bào trong cơn hoạn nạn, nhất là giúp đỡ cô nhi quả phụ, cùng người già cả cô đơn, tật bệnh.

Phật giáo không chấp nhận sử dụng tiền của phát sanh do tà mạng như tiền trộm cắp, gian lận, vào trong mọi công tác từ thiện, vì tiền bất chính của kẻ bất chính làm việc thiện để che mắt thế gian và quảng cáo bản thân cho ra vẻ ta đây là người đạo đức.

Sự cung cấp rượu và nha phiến cho người ghiền, không phải là việc làm từ thiện của Phật tử.

2. Bỏ thí cho người hành khát, rải vật thực cho thú như cho chim ăn, hoặc mua thú phóng sanh, hoặc cung cấp vật cần thiết cho tu sĩ.

3. Cha mẹ có phận sự nuôi dưỡng và dạy bảo con cho nên người dân lương thiện đối với quốc gia, cho trở nên người đệ tử chân chính đối với đạo đức.

Phật giáo dạy cha mẹ phải áp dụng 5 pháp đối với con:

- a. Răn cấm con không cho làm tội ác.
- b. Khuyến dạy con làm thêm những việc lành.
- c. Cho con học nghề lương thiện hoặc học chữ tùy theo sở thích của con.
- d. Chọn nơi xứng đáng dựng vợ gã chồng cho con.
- e. Phân chia sự nghiệp cho con.

4. Làm con phải đền đáp cho tương xứng với công ơn cha mẹ theo đúng 5 pháp:

- a. Phụng dưỡng cha mẹ cho chu đáo.
- b. Giúp đỡ cha mẹ mọi việc, không nên đợi cha mẹ sai bảo mới làm.
- c. Luôn luôn vâng lời dạy bảo của cha mẹ.
- d. Gìn giữ tài sản của cha mẹ đã chia cho, không để hư hoại.
- e. Khi cha mẹ đã quá vãng phải tùy sức làm mọi việc từ thiện và hồi hướng phước báo đến cha mẹ.

5. Người bề trên thương yêu kẻ dưới như thân thuộc họ hàng phải đối xử theo 4 pháp dưới đây:

- a. Mở rộng tình thương.
- b. Giúp đỡ trong khi họ thiếu thốn, bệnh hoạn hoặc khi họ có tai nạn.
- c. Nâng đỡ họ lên địa vị cao.
- d. Đối xử công bằng không thiên vị.

6. Kẻ dưới đối với người bề trên cũng phải áp dụng theo 4 nguyên tắc:

- a. Không lẩn tránh phận sự.
- b. Hết lòng làm tròn nhiệm vụ.
- c. Không bê trễ, không làm hỏng công việc.
- d. Làm việc mau chóng và tốt đẹp.

Điều 3: Diệt trừ phiền não để giải thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi.

Điều này quan trọng nhất và lại khác hẳn với quan niệm của đời. Vì đời thường tìm hạnh phúc giả tạm trong vật chất nên không thông hiểu nỗi tinh thần siêu việt của đạo giải thoát.

Diệt phiền não để thoát khỏi luân hồi đến nơi hạnh phúc tuyệt đối của Niết bàn thật khó cho người đời lãnh hội được. Vì đạo và đời tương phản nhau, theo quan niệm người đời thì càng kiếm thêm được nhiều tiền của lợi danh càng hay, còn theo lý đạo biết tri túc (tự biết đủ) là thượng sách.

Hơn nữa người đời ít hiểu phiền não là gì, hay có biết chẳng nữa cũng chỉ biết một cách lơ mờ, nhiều người cho đó là nét hư tật xấu. Nhưng cũng có lắm chuyện tốt mà cũng là phiền não. Như ta muốn làm giàu, cặm cụi tới ngày quên ăn bỏ ngủ, nếu việc làm này đúng theo chính mạng thì không tội lỗi gì. Nhưng vì sự làm lụng quá mức ấy, đời sống sẽ giảm thọ, mất vui và quên trau dồi bề đạo đức nên kiếp vị lai cũng không hơn gì kiếp này mà còn e rằng kiếp sau càng tệ hơn kiếp này. Chính cái lo chạy theo tiền tài danh vọng ấy là phiền não, vì nó đem sự khổ đến cho ta. Khi bị thất bại thì đã đành rồi, nhưng nếu may ra có thành công cũng chẳng sung sướng gì hơn, vì còn phải để tâm giữ gìn của ấy nữa.

Vì thế nên Đức Thế Tôn dạy chúng ta rằng: Phiền não có rất nhiều loại và mang nhiều hình thái khác nhau, lắm khi hết sức vi tế khiến các bậc xuất gia trí thức mà vẫn còn chưa phân biệt được rõ rệt, nhưng cái làm ấy chẳng hạn như khi tham thiền, niệm một đề mục nào như niệm số tức quan, tức là niệm hơi thở, bỗng dưng thấy kim thân Đức Thế Tôn hay thấy rõ ràng Đức Thế Tôn hiện ra, vì thấy đề mục khác với cái niệm của mình, nhưng cái thấy ấy lại là thấy Phật thì vị Đại đức ấy chấp cho là thật nên rất vui thích nên khoe khoang rằng: Ta đã gặp Phật. Thật ra đó chỉ là một hiện tượng của vọng tâm, đó là một phiền não rất vi tế và tai hại, vì nó có thể đưa hành giả đến nơi tà đạo và làm ngăn trở con đường giải thoát.

Tóm lại, phiền não là nguyên nhân làm cho tâm như đục, bản thiu: Phiền não có rất nhiều, nhưng không ngoài ba nguyên nhân chính là Tham lam, Sân hận, Si mê.

Cũng có thể hiểu cho dễ là: Những ác pháp trói buộc chúng sinh không cho giải thoát khỏi vòng thống khổ.

HỎI: *Xin hỏi, Phiền não có nơi gọi là tham lam và ái dục, vậy sự khác nhau như thế nào?*

ĐÁP: Trong tham lam sẵn chứa sự khao khát. Sự khao khát ấy Đức Phật gọi là ái dục. Ái dục cũng đồng nghĩa với dục tình. Dục tình là cái bản tính khao khát không ngừng nghỉ của Lục căn đối với Lục trần.

HỎI: *Ngoài sự ham muốn sâu xa gọi là Tham lam, còn có hạng ham muốn tốt đẹp, vậy sự ham muốn tốt đẹp ấy có gọi là Phiền não, là Ái dục được không?*

ĐÁP: Xin ông cho tôi biết định nghĩa sự Tốt Đẹp của ông?

HỎI: *Tốt đẹp nơi đây tôi ngụ ý chỉ sự sang giàu danh vọng. Nhưng tôi không nói sự sang giàu danh vọng bất chính, nghĩa là sang giàu do nơi tạo tác của tôi, trong cái sang giàu ấy không lẫn tội ác như lường gạt.*

ĐÁP: Người đời vì còn ham giàu mặc dầu là cái sang giàu ấy không làm hại ai, chính mình tạo ra bằng tài năng của mình, thật ra không xấu, nhưng đối với Phật Pháp thì đó cũng không phải hoàn toàn tốt đẹp.

HỎI: xin giải thích thêm vì tôi còn hoài nghi chỗ tôi không làm tội mà cũng không lành?

ĐÁP: Vì tất cả sự tham muốn xấu cũng như tốt, đều là do nơi phiền não và ái dục. Nên bao giờ còn Tham muốn thì còn gây Nhân, tức là tạo Nghiệp, khi còn có Nghiệp thì vẫn còn trầm luân trong biển khổ, còn bị trôi giạt trong luân hồi.

HỎI: Người làm phước như bố thí có phải là Phiền não không?

ĐÁP: Bố thí có phiền não hay không còn tùy theo tác ý của người bố thí. Sự bố thí có hai tác ý khác nhau:

1. Người bố thí mà tâm còn mong được giàu sang, được sanh vào cõi Nhân, Thiên để hưởng quả, hoặc tác ý mong người được thọ thí trả ơn, người có tác ý như thế tất nhiên phải luân hồi tái sinh lại để hưởng quả. Đức Thế Tôn gọi sự bố thí ấy là Vattagàminikusala có nghĩa là Phước hữu lậu, có ý nói phước ấy còn đem con người luân hồi. Chẳng những là bố thí, nếu Trì giới hay Tham thiền mà tác ý còn muốn gặt hái quả lành thì không bao giờ diệt được phiền não vượt qua khỏi luân hồi.

2. Người làm bất cứ phước gì mà tác ý mong cầu giải thoát khỏi sanh tử luân hồi, và phát nguyện cho mau khỏi được biển Trầm luân. Phước báu ấy Đức Thế Tôn gọi là Vivattagàmini-kusala nghĩa Phước vô lậu, ý nói phước này không còn dư sót phiền não nên không còn luân hồi nữa.

Người Phật tử nên gieo phước lành theo thể thức thứ nhì, và nên tìm tòi học hỏi cho thông hiểu các loại phiền não, hầu gìn giữ tâm khỏi bị cảnh trần chi phối. Khi tâm không còn bị phiền não nhiễu nhiễu thì trí tuệ phát sanh thấy rõ: Luân hồi là nơi đáng kinh sợ nhất, cũng như người kinh sợ hầm chứa đầy rắn độc, thì không bao giờ dám mê luyện và trái lại càng cố gắng chạy cho xa mau ra khỏi nơi đầy sự kinh khủng ấy. Khi đã biết chán chê, ghê sợ phiền não và luân hồi thì con người sẽ thản nhiên trước sự vật được hay mất, vui hay buồn. Khi đã nhận được lý vô thường, khổ não và vô ngã thì cũng đã hiểu rõ thân này là của mượn thì hà tất phải mến tiếc sự vật ngoài thân ta. Đây là lý thuyết tuyệt đối của Phật giáo.

Nếu muốn đạt được chân lý ấy, người Phật tử chân chính nên thực hành theo ba điều:

1. Nên cố xa lánh tất cả những tội ác (tức là Trì giới).
2. Nên làm cho mình trở nên người toàn thiện toàn mỹ, ý nói là phải làm tất cả các việc lành như bố thí, tham thiền, nhẫn nại, từ bi v. v...

3. Nếu cố gắng dập tắt tất cả phiền não, nghĩa là phải dùng trí tuệ quan sát cho thấy rõ là thân này thật không bền vững, hằng đem đau khổ đến cho ta, và vật nào không thường hằng đem khổ đến, nó không phải là của ta, là vô ngã.

HỎI: *Vậy trong kiếp này người giàu có, sang trọng gọi là người có hạnh phúc hay có phước, nếu muốn kiếp sau cũng được như thế này hay là được giàu sang hơn nữa, thì người ấy phải làm thế nào? Ý tôi muốn hỏi là phải tu theo hạnh nào? Trong khi chính người ấy chưa rõ đủ trình độ giải thoát, và chỉ mong tu tập từng bước một thôi.*

ĐÁP: Đây là ước vọng chung của hàng Phật tử có chính kiến và có óc thực tế, biết tận dụng nghiệp lành sẵn có để xây dựng hạnh phúc cho tương lai. Những người ấy chắc sẽ tiến mãi từ thấp lên cao theo nhịp cầu nhân thiên và sẽ tạo đủ duyên lành để đắc đạo quả trong ngày vị lai.

Đôi với những người ấy, Đức Phật dạy những phương pháp sau đây:

1. Hãy ghê sợ tội lỗi, không xu hướng theo kẻ ác và cũng không dám nghĩ tới tội ác. Phải hổ thẹn tội lỗi khi ta lỡ phạm tội lỗi nơi khuất mắt và phải chừa cải. Hoặc khi ta vừa nghĩ đến tội lỗi liền tự thẹn lấy mình mà không dám hành động. Pháp này thật là quý báu, không khác nào bức tường kiên cố ngăn chặn tướng cướp sát nhân.

2. Thành thật tiếp độ vợ con và họ hàng quyến thuộc: nên tùy sức mình mà bố thí.

3. Phụng dưỡng mẹ cha.

4. Dành một phần thời gian học hỏi Phật pháp nơi các bậc Trí thức.

5. Nên thọ trì ngũ giới cho sạch, nếu có thể nên thọ thêm Bát quan trai giới.

6. Nên dùng trí nhớ và trí tuệ quan sát coi từ sáng đến tối khi đi ngủ thân tâm làm và nghĩ những gì, làm tội hay phước, nghĩ đến tội hay phước, hay nói cho rõ hơn là đã tạo được bao nhiêu điều thiện, và bao nhiêu việc ác, rồi thành thật sám hối khi nhận thấy mình có làm tội và nên tự nguyện không dám tái phạm nữa.

HỎI: *Tôi đã hiểu 6 điều kể trên và xin cố gắng thực hành theo, xin vui lòng giải thích rộng thêm về ngũ giới cho tôi được rõ?*

ĐÁP: Trước khi giải thích về ngũ giới, cũng nên nói sơ lược về lợi ích của Phật giáo để ông hiểu thêm.

Phật giáo ví như mặt trời soi đường cho khách lữ hành, kẻ đi tầm hạnh phúc khỏi bị sa vương vào chạm bẫy của Ma vương. Trước tiên có ba điều lợi ích:

1. Đức Phật dạy phương pháp kiểm soát thân tâm chặt chẽ để tránh những tai hại trong kiếp này và kiếp sau. Do đó người Phật tử phải nghiêm trì giới luật để kiềm chế lục căn không cho mê luyện theo lục trần. Sử dụng giới luật

làm hàng rào ngăn chặn các ác pháp, người Phật tử chỉ sống theo lẽ chính, làm toàn việc lành, và trở thành phần tử tốt đẹp trong gia đình và những công dân gương mẫu trong xã hội. Nhờ đó mà quốc gia được thịnh trị, cần chi có nhà giam, có trại cải huấn, có cảnh sát, có tòa án v. v...

Phật giáo là phương châm xây dựng tình thương. Trước hết, Ngài dạy thương mình, sau lại thương kẻ khác, và ban bố tình thương cho tất cả chúng sinh. Nếu những điều luật răn cấm của Đức Thế Tôn được mọi người tuân theo thì không có sự giết hại lẫn nhau, không còn cướp bóc, giặc giã, chiến tranh, thế giới sẽ được hòa bình.

2. Đức Phật dạy tín đồ phải cố gắng làm cho mình trở nên người hoàn toàn trên hai phương diện:

a- Đối với đời, nên học cho thông một nghề nào cho phù hợp theo sở thích của mình.

b- Đối với đạo, phải suu tầm học hỏi cho thông hiểu giáo lý của Đức Phật.

Ngoài đời phải siêng năng làm phận sự của mình, khi có nghề phải hết lòng khai thác với lương tâm nghề nghiệp. Như làm một vị Bác sĩ phải tận lực cứu chữa bệnh nhân, không phân biệt người thân kẻ thù, giàu, nghèo, chỉ biết có một điều là giành giật sinh mạng của bệnh nhân trên tay tử thần.

Đối với Đạo, khi thấu rõ chân lý, nên đem ra phổ biến cho mọi người, hầu cùng nhau thực hành theo chính pháp để đem sự lợi ích cho xã hội.

3. Phật giáo làm cho xã hội loài người được tốt đẹp. Mỗi xã hội đều có phong tục tập quán riêng tùy theo xu hướng và tín ngưỡng của mỗi dân tộc, cốt yếu là để xây dựng hạnh phúc an vui cho gia đình và hòa bình thịnh trị cho xứ sở. Mặc dù vậy, nhưng cũng không tránh khỏi được sự xáo trộn của những phần tử ngỗ nghịch khiến cho nhiều gia đình không được đầm ấm, an vui, vợ chồng xung khắc, cốt nhục phân ly, xã hội điêu tàn.

Đức Phật cho rằng: Không bao giờ có hạnh phúc, ngoài cuộc đời trong sạch căn bản trên nguyên tố đạo đức về tinh thần. Người học Phật mà không màng tới hạnh phúc xã hội, và không màng đến sinh hoạt kinh tế của dân gian là không hiểu rõ Phật giáo.

Phật giáo chủ trương tổ chức một xã hội an ninh thanh bình, một xã hội chỉ biết tôn kính người nào tự thắng phục được lòng mình, một xã hội đem tình thương rửa sạch hận thù, biết lấy lòng từ bi trả lại sự hung ác, lấy lòng khoan dung đối với mọi người.

HỎI: Thưa ông, bây giờ ta nên trở lại vấn đề Giới. Khi ta thọ trì giới được trong sạch, ai là người được hưởng quả ấy? Và người ấy được hưởng những gì?

ĐÁP: Điểm quan trọng trong sự giữ giới là cố ý xa lánh điều ác: Sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, và uống rượu. Đức Phật dạy trì giới là tỏ ý muốn cho con người trở nên thuần lương đạo đức.

Vì thường con người thiên về tội lỗi bởi bản tính Tham, Sân, Si nên không nhận định được điều tội lỗi để xa lánh. Vì sự tối mê không nhận định được chính tà nên Đức Phật gọi là vô minh. Vô minh là một phiền não quan trọng nhất, nó là nguyên nhân đưa chúng ta luân hồi mãi mãi không ngừng. Khi Đức Thế Tôn còn tại thế, Ngài thường dạy ta nên cố mau mau xa lánh đời để tìm giải thoát. Vì chúng ta còn nhiều phiền não nên không giác ngộ được các pháp cao sâu màu nhiệm là Thánh pháp.

Hôm nay chúng ta có được chút duyên lành gặp Phật pháp, vậy chúng ta nên gia tâm học suu tâm chân lý hầu mạnh tiến trên con đường giải thoát của Ngài đã vạch sẵn.

Khi ta trì Giới được trong sạch, thì chính bản thân ta được hưởng quả an vui, đồng thời người chung quanh ta như vợ con, quyến thuộc sẽ được ảnh hưởng đạo đức của ta, người trì giới là người tự tạo hạnh phúc cho mình, và làm cho người khác vui thích hạnh thanh cao để hành theo. Sự an vui của người xung quanh mình là trong gia đình, ông chồng là người có giới đức thì bà vợ được an vui, vì không còn sợ chồng mình làm những việc xấu xa nhất như tà dâm. Cha mẹ không lo sợ con mình phạm vào 5 điều tội lỗi. Đó là kết quả ta trông thấy hiện tại là cái quả nhỏ nhất, kế tiếp là khi những người nhỏ trong nhà như con em thấy vậy kính nể và noi theo gương mà hành theo. Người có giới đức trong sạch được hưởng quả tối thiểu là không sợ vi phạm pháp luật quốc gia, không lo có oán thù, không sợ có oan trái. Nhờ có tu giới người Phật tử dọn đường để tu định, và nhờ có giới định nên tuệ được tiên hóa đến nơi giải thoát Niết Bàn.

Trở lại vấn đề trì Giới, trì Giới là xây nền móng vững chắc của người tu giải thoát. Người giữ giới gọi là người xây nền tảng rất kiên cố cho thân và tâm, khi ấy thân tâm mới kiến thiết lâu dài "Định và Tuệ". Vì vậy Giới là điều quan trọng nhất mà người Phật tử chân chính cần phải có, nói một cách khác Giới là bước đầu tiên của người tu Phật.

Còn nói về nền tảng thì chắc ông đã hiểu rõ sự cần thiết của nó đến độ nào rồi. Phạm một cái nhà nhỏ mà chưa có nền chắc cũng không được, huống chi xây cất một tòa lâu, hay đắp một quan lộ mà thiếu nền móng vững chắc thì thật là tai hại. Phần đông người đời, quen xem hình dáng hào nhoáng bên ngoài của sự vật, ít ai chịu khó nhìn cho thấy rõ nền tảng trọng yếu bên trong. Như người lái xe chỉ thấy đường bằng phẳng thôi chớ không chịu nghĩ nhờ biết bao nhiêu công phu khó nhọc lúc bắt đầu khởi đắp nền móng vững chắc, nên ngày nay con đường mới được êm ái như vậy. Như người chỉ trông thấy lâu đài nguy nga đẹp đẽ nhưng mấy ai nghĩ đến lâu đài ấy cần

phải có một nền tảng kiên cố chắc chắn, tổn hao công lực đến chừng nào. Tuy nhiên xem xét nền móng một quan lộ, một lâu đài tương đối là dễ. Nhưng khi xem nền tảng của một tu sĩ, hay căn bản của sự tu học của chính bản thân ta, quả là một điều khó vô cùng. Ví như một nhà quý phái rất dễ nhận được sự sang trọng, nói năng hoạt bát bên ngoài, nhưng ta làm sao biết người ấy là người Thiện hay Ác.

Muốn biết được nền tảng đạo đức bên trong của người nào thì ta phải xem xét hành động và lời nói của người ấy, hay nói cho rõ hơn là phải lưu ý tới năm thói quen xấu sau đây:

1. Hung ác (sát sinh, hành hạ người hay thú).
2. Mau tay (trộm cắp).
3. Tâm lẹ (là Tà dâm, ý nói người thích tà dâm khi trông thấy sắc đẹp tâm chạy theo liền, ta dễ nhận thấy tính này bằng cặp mắt lơ lửng hay cử chỉ của họ).
4. Nói dối, nói lời hung ác, chửi rủa, mắng nhiếc, nói thâm thọc).
5. Thiếu trí nhớ (ý nói uống rượu say sưa tâm trí lu mờ).

Người có một trong năm tật xấu trên là người thiếu nền tảng đạo đức vững chắc, người ấy là người chưa đắp được con đường giải thoát chắc chắn.

Phàm người có được trong năm điều ấy thì không làm việc gì nên, chỉ chuốc lấy cái hại cho mình thôi. Nếu ta dùng phải người ấy trong chuyện gì thì càng đem lại tai hại cho ta mà thôi. Sự tu hành để đến nơi giải thoát cần có một nền tảng đạo đức kiên cố. Nền tảng này không thể làm bằng xi măng cốt sắt, nhưng lại bằng Ngũ giới: không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu. Năm điều này là nền tảng chắc chắn nhất của người tu giải thoát.

Khi ở trong một tòa nhà nguy nga lộng lẫy mà có một chỗ nứt rạn thì lòng ta chẳng yên vì ta không biết nó sụp đổ ngày nào. Cũng như người tại gia cư sĩ mà phạm một điều nào trong năm giới răn thì làm cho thân nhân hằng lo sợ dùm mình, như trẻ con tính tình ngộ nghịch cha mẹ biết rõ nó không thể giữ một trong năm điều răn cho trong sạch, khi đưa bé ấy đi đâu cha mẹ thường phập phồng lo sợ, vì không biết con mình sẽ bị tai hại lúc nào do bởi quả của người không có giới đức hoàn toàn trang nghiêm.

HỎI: Xin cho biết trì Giới ấy chính nghĩa là gì?

ĐÁP: Theo phạm ngữ trì Giới là "Giữ cho được tự nhiên". Trước hết, tôi xin giải thích tiếng Giới có nghĩa là tự nhiên, rồi sau sẽ giải thích đến tiếng thọ trì.

Thí dụ mặt trời mọc ở hướng đông, lặn ở hướng Tây, không bao giờ thay đổi vị trí, đó là tự nhiên của nó. Sự mọc lặn của mặt trời từ vô thủy đến bây giờ vẫn y như vậy nên gọi là tự nhiên.

Thân người có nhiều cơ quan khác nhau để dùng tùy theo chức năng của nó, như mắt để xem, vì đó là tự nhiên của mắt, không thể dùng mắt để nghe hay ăn. Nếu ta dùng ngũ quan không đúng chức năng của nó thì trái với tự nhiên sẽ không được việc.

Tất cả mọi việc gì yên tĩnh, thuận tình, hợp cảnh đó là Tự nhiên. Một trận bão to đột ngột làm hại người, sự việc đó không còn là tự nhiên nữa.

Những ví dụ trên cho thấy rằng: Vạn vật đều có sự tự nhiên của nó.

Muốn hiểu về giới tự nhiên ta cần nên biết tới lời khuyên của Đức Thế Tôn như giới không sát sinh chẳng hạn. Thử hỏi giết hại và không giết hại, điều nào tự nhiên? Chắc chắn ai cũng đáp: "Tự nhiên là sự không giết hại". Nếu sự giết hại là tự nhiên của con người thì chúng ta không còn ai sống sót tới ngày nay. Vì nếu ta tránh được người này thì chắc chắn không thoát khỏi tay người khác, mà rồi Pháp luật cũng không trừng phạt kẻ sát nhân. Bởi vậy cho nên mới nói người giữ giới không sát sinh là người giữ được tự nhiên vậy.

Bốn điều tự nhiên còn lại trong ngũ Giới đều có thể hiểu như lời giảng trên.

HỎI: *Thưa ông, nếu nói trì Giới là giữ được sự tự nhiên thì có gì gọi là cao thượng?*

ĐÁP: Người trì giới là người giữ cái bản năng tự nhiên, ông cho là không cao thượng và quý báu, bởi vì ông nghĩ cái gì tự nhiên đều là thông thường. Nhưng thử hỏi trong đời này có mấy ai dám tự hào đã giữ được cái bản chất tự nhiên một cách hoàn toàn? Thật ra người ráng giữ mình cho được tự nhiên không phạm Giới là người rất hiếm có, thật là người cao thượng vậy.

Tiếng nói tự nhiên đây đồng nghĩa với tiếng thanh tịnh. Có thể nói người phạm giới là người mất tự nhiên, mất yên tĩnh, thường thường ở trong tình trạng bối rối và lo âu trước mọi người khác. Trì giới là một việc làm tối quan trọng đối với người tu hành, vì nó là nền tảng đầu tiên, sẽ đem đến cho những điều lành khác. Giới ví như miếng đất có bốn phân. Thiên định như trồng cây trên miếng đất ấy. Tuệ ví như cây đơm bông trổ trái. Sở dĩ cây mọc tốt có trái nhiều ấy cũng do nơi miếng đất màu mỡ. Cũng như Định và Tuệ phát sinh dễ dàng là nhờ giới trong sạch.

Đức Thế Tôn có dạy: Giới năng sanh Định, Định năng sanh Tuệ. Người có giới trong sạch, khi bố thí mới có quả báu nhiều hơn người không có giới bố thí.

HỎI: *Có nhiều vị Đại đức dạy: Trì giới là một phương pháp xa lánh ác nghiệp chứ không phải là lành. Xin ông vui lòng giải thích rộng thêm cho dễ hiểu?*

ĐÁP: Dạy thế cũng đúng, vì trên thực tế trì giới cốt ý là để tránh xa điều ác, không tạo nghiệp dữ. Trì giới giúp ta ngăn ngừa được vài thói quen tật xấu như tham lam, sân hận chẳng hạn. Nhưng nếu muốn trừ tính bòn sẻn phải hành pháp bố thí tức là làm lành, vì trong trường hợp này trì giới không còn công hiệu. Hơn nữa bố thí còn tạo cho lòng từ nảy nở mạnh thêm. Nên nhớ rằng: Phật pháp dạy từng giai đoạn nghĩa là dạy từ thấp lần lần lên, càng lúc càng cao siêu mâu nhiệm. Ngài dạy từ dễ đến khó. Trước hết lánh dữ, sau dạy phải làm lành.

Có thể ví dụ trì giới như tạo hàng rào kiên cố. Bố thí như của quý để trong nhà. Sở dĩ hàng rào có ích lợi là để giữ gìn của quý trong nhà. Nếu hàng rào kiên cố mà trong nhà trống trơn thì vẫn còn thiếu sót nhiều.

Nói về quả báo thì trì giới để khỏi đọa vào con đường ác. Làm lành như bố thí chẳng hạn sẽ sinh vào cảnh nhân thiên để hưởng sự giàu sang phú quý.

Như vậy Bố thí và trì giới là hai pháp lành bổ túc cho nhau.

Nếu luận về tâm lý thì Trì giới là tác ý lành giữ cho Tâm được trong sạch không để ô nhiễm điều ác. Giới là một trong mười phương pháp lành Đức Thế Tôn gọi là Punnakiriyavatthu có nghĩa là Pháp làm cho phát sanh ra phước.

Trì giới cho được trong sạch thật khó. Vì ta phải cố gắng hết sức giữ cho tâm không cho rung động xu hướng theo sự vật bên ngoài. Đó là phương pháp thay đổi tâm từ xấu đến tốt, từ động đến tịnh.

Đức Phật dạy muốn thọ giới phải có Tác ý, nghĩa là người có ý muốn tránh xa điều ác do giới qui định. Nói cách khác là phải tự mình nguyện không để phạm vào những giới cấm. Người như vậy mới gọi là người có trì giới. Còn như kẻ cướp kia đang bị giam giữ trong ngục, không có phương tiện để trộm cướp được, chớ sự thật không phải là trì giới, hay không gọi là người có giới. Một người chưa thọ trì giới cũng vậy sở dĩ họ chưa hành ác vì chưa gặp cơ hội, người này cũng không gọi là người có giới.

Tóm lại người có giới là người có tác ý lành và nguyện ra lời là phải cố tránh xa không phạm những điều răn cấm của Đức Phật. Đức Phật có dạy Cetanàham bhikkhave silam vadàmi. Đây các thầy Tỳ khuru, Như Lai dạy rằng: Tác ý là giới. Quả báo của giới là tâm được an tịnh không sợ sệt tội lỗi khi còn sống cũng như lúc sắp lâm chung.

Chỉ có người Trì giới mới nhận thấy quả báo của giới, cũng như người nằm mộng mới thấy cảnh trong mộng của mình. Người Trì giới trong sạch mới hưởng được sự an vui trong thâm tâm mình.

Tâm cố gắng xa lánh điều ác là nhân làm cho phiền não càng lúc càng xa ta, đồng thời đặc ân cao quý của tâm thiện càng bành trướng, ác nghiệp càng giảm bớt dần.

Sự cố tâm thọ trì giới luật phạm ngữ gọi là Samàdàna. Sự cố tâm xa lánh tội ác sinh lên ngay khi ta phát nguyện thọ trì những điều ngăn cấm của Đức Phật. Người Phật tử phải cố gắng giữ giới cho được trong sạch, không nên dễ duôi, vì nếu dễ duôi thì phiền não sẽ len lỏi vào tâm ta, nó sẽ xâm chiếm bành trướng và phá hoại tâm ta.

Quả báo của sự trì giới có ba, mỗi khi thọ giới xong nhà sư thường nhắc *Silena sugatim yanti*. Người được sinh về cõi Trời cũng nhờ giữ giới. *Silena bhogasampadà*, được giàu sang cũng nhờ giữ giới. *Silena nibbutim yanti*, người được giải thoát nhập Niết Bàn cũng nhờ giữ giới.

HỎI: Nếu nói giữ giới được giàu sang tại sao chư vị Tỳ khuru giữ đến 227 giới mà không thấy quý Ngài giàu sang, trái lại còn phải đi khát thực?

ĐÁP: Câu hỏi này cần phải chia ra làm nhiều đoạn giải thích cho dễ hiểu.

Phạm ngữ "Bhoga" được dịch là tài sản hay là của cải có hai nghĩa là:

- Upabhoga, của cải là vật dụng.
- Paribhoga, của cải là vật thực.

Về phương diện thọ dụng có hai tính cách:

- Tạo của cải.
- Và dùng của cải đã có.

Mặc dầu thuộc loại một hay loại hai, hay là được tạo ra hoặc được sử dụng bằng cách nào, chung quy cứu cánh của tài sản (của cải) là phải đem lại sự an vui, thỏa thích và hạnh phúc đến cho con người.

Trên đời này có nhiều cách làm ra của cải, nhưng cũng không ngoài hai lối Thiện và Ác. Đề cập đến sự Thiện ác, lành dữ ta mới thấy điều lợi ích thực tiễn của sự trì giới. Thử hỏi, một người không biết giữ giới, hàng ngày tạo ra của cải tài sản bằng lối sát sinh, trộm cắp, lường gạt, tà dâm v. v... mặc dầu có giàu sang chẳng nữa người như vậy có hoàn toàn an vui, sung sướng không? Hay mãi lo âu sợ sệt, một ngày nào đó mưu mô thủ đoạn xảo trá của mình bị khám phá rồi sẽ bị truy tố, bắt bớ giam cầm khổ thân. Người sống với một tâm trạng như vậy thật không yên vui chút nào. Lại nữa người không thông hiểu đạo đức, không giữ giới, thì không biết tham lam là tai hại, thường là người làm nô lệ cho lòng ham muốn vô bờ bến của mình. Khi có của cải nhiều rồi càng muốn cho có nhiều hơn nữa, vì lòng tham nên bao giờ cũng thấy thiếu thốn, rồi mãi chạy theo dục vọng, lo thu góp tài sản cho thật nhiều, không còn thì giờ rảnh dẫu mà an hưởng. Một đời sống như vậy, dù có của cải nhiều đến đâu cũng vô bổ vì nó không đem đến an vui và hạnh phúc bao giờ.

Sao bằng người trì giới biết chắc chắn là tài sản của cải của mình có đây là nhờ chính nghiệp, chính mạng, nên lúc nào tâm trí cũng thanh thoi thỏa thích, yên vui và được hạnh phúc.

Cũng có thể hiểu câu nói trên dạy về quả báo của sự trì giới. Hiện tại được giàu sang là do nhờ từ trước đã có giữ giới. Do nhân giữ giới hiện tại, sau này sẽ được quả vui, có nhiều của cải. Nhưng ngay bây giờ người giữ giới trong sạch tinh nghiêm có lợi ích là được nhiều người khen ngợi yêu mến, tin cậy, sẵn sàng giúp đỡ. Và người có giới như vậy sẽ được dễ dàng hành theo bốn pháp:

1. Siêng năng làm việc.
2. Biết cách giữ gìn tài sản của mình.
3. Có bạn lành.
4. Nuôi mạng chân chính.

Chính nhờ bốn pháp này mà làm cho con người trở nên khá giả nếu không nói là giàu có.

Tóm lại trì giới là nhân, của cải là quả. Một người trì giới cho trong sạch dù chưa giàu sang nhưng cũng được an vui, hạnh phúc.

Còn như ông hỏi tại sao vị Tỳ khuru thọ 227 giới mà không có vị nào giàu sang, là tại vì ông chưa hiểu rõ giới hạnh, nguyện vọng và nhất là của cải hay tài sản của một vị xuất gia.

Trì giới đối với các Ngài cũng có nghĩa là tự nguyện từ bỏ của cải thế gian, các Ngài đã tỉnh ngộ. Đối với các Ngài vinh hoa phú quý tài sản danh vọng ở cõi trần gian này không khác nào miếng mồi thơm móc ở lưỡi câu. Người nào chạy theo bả danh lợi không khác nào cá đớp mồi. Càng nuốt vô sâu, càng bị lưỡi câu móc chắc vào miệng vào bao tử thì càng thêm khổ.

Đối với quý Ngài tài sản ví như món thuốc độc có hòa vào một chút mật ong, khi mới nếm thì ngon thật đấy, nhưng khi đã thấm thuốc rồi thì sẽ biết chất độc ấy hành hạ thế nào. Người ham mê tài sản cũng vậy, khi được thì cũng vui thật, khi bị mất cũng như bị cháy, trôi hay bị người cướp giật thì mới thấy cái buồn thấm thía, hay biết rằng có người muốn cướp giật nhưng ta không thể nào giao cho họ được, chừng ấy mới thấy rõ của cải là chuốc thêm khổ. Khi các Ngài (Tỳ khuru) hiểu rõ thật như vậy các Ngài càng thêm chán nản, ghê sợ, không vị nào dám mong cầu giàu sang phú quý bao giờ. Trái lại các Ngài lo hành pháp tri túc, tức là biết vừa đủ và giảm thiểu nhu cầu của mình đến mức tối thiểu, chỉ còn có Tam y và quả bát là của cải.

Giới hạnh cao quý nhất của các Ngài là càng xa lánh của cải chừng nào hay chừng ấy. Các Ngài có một nguyện vọng và xa lánh những gì mà người thế gian có, Ngài chỉ muốn một cuộc đời thanh bạch cho đúng câu "Hạnh phúc là thoát ly trần tục".

Nói thế không phải phủ nhận tất cả tài sản của cải của các bậc xuất gia.

Chính nhờ các Ngài giữ giới hạnh thanh cao tinh khiết mà các Ngài được người đời và hàng thiện nam tín nữ tôn trọng lễ bái cúng dường. Các Ngài là phước điền của nhân loại. Vị nào trì giới được trong sạch tinh nghiêm thì

suốt đời không sợ thiếu thốn Tứ vật dụng. Điều này cũng có thể gọi là tài sản vô tận của các Ngài.

Ngoài hai thứ vật chất kể trên, các Ngài còn có một tài sản thứ ba còn cao quý hơn, tuy khó nhận thấy được vì nó là vật vô hình, đó là duyên lành hay gọi là phước báu, hay cũng gọi là vật thực dành để ăn khi đi đến Niết bàn. Trong Tam giới này không có tài sản nào quý báu bằng quả phước thiện, người đi đường trong cõi Sa bà này phải mang theo. Nhưng của quý này khỏi phải mang gánh hay chở chuyên chi hết, mà chính nó chạy theo mình, đây mới là đặc điểm quý báu nhất khó mà có vật nào sánh bằng. Vì lý do này nên các bậc trí thức hay xuất gia chân chính bỏ cả cái giàu sang hạnh phúc cõi này để tạo cái hạnh phúc cao quý hơn. Các Ngài coi giới luật còn quý hơn mạng sống của mình.

Còn một điều nữa xin đừng hiểu lầm vì nghèo khổ mà các Ngài phải đi *xin ăn*. Trì bình khát thực là một hạnh cao thượng của các bậc xuất gia.

Nếu nói vì nghèo quá nên mới đi xin? Vậy xưa kia Thái tử Siddhattha (Sĩ Đạt Ta) xuất gia đi trì bình khát thực độ nhật cũng vì quá nghèo hay sao?

HỎI: Xin ông giải thích thêm cho tôi biết sự trì giới còn có lợi ích nào khác nữa không?

ĐÁP: Người trì giới còn là nguồn an vui cho xã hội. Sự thật tất cả sự an vui của nhân loại đều do sự an tịnh hay thái bình mà có. Khi sự an tịnh hay thái bình mất đi thì sự an vui cũng chẳng còn. Người có giới đức là người biết làm cho mình an tịnh thái bình, người trì giới trong sạch thì không bao giờ biết làm khổ ai, do đó nên luôn luôn được an vui mà còn làm cho người khác được an vui. Nếu mọi người trong xã hội này đều tự biết làm cho mình an tịnh thì thế giới này là một thiên đàng vậy. Riêng trong gia đình người Phật tử là một tiểu xã hội nếu ai ai cũng lo giữ giới nghĩa là làm cho bản thân mình được an tịnh, thì gia đình ấy là một tiểu thiên đàng trong trần gian.

Ngoài đời có luật lệ để giữ gìn trật tự, thì trong Phật giáo cũng có giới răn cấm làm cho con người trở nên người tốt đẹp. Giáo lý của Đức Phật dạy khởi từ một cá nhân. Nhưng khi tất cả mọi người đều biết giữ giới cho tròn phận sự mình thì trong gia đình cũng như ngoài xã hội đều được an vui. Vì vậy nên lời dạy của Đức Phật lúc nào cũng hợp thời, hợp tình hợp lý.

Chủ đề NGŨ GIỚI (tt)

-oOo-

HỎI: Những điều răn mà Đức Thế Tôn đã dạy, hàng Phật tử phải thừa hành như thế nào?

ĐÁP: Theo Phật pháp gọi đó là điều học. Người Phật tử phải học cho hiểu rõ lời dạy của Đức Thế Tôn rồi hành theo cho thật đúng.

Đối với hàng tại gia cư sĩ, Đức Phật khuyên giữ năm điều học và mỗi điều học đều có chia ra bốn phần khái quát:

1. Trọng điểm của điều học.
2. Ý nghĩa của điều học (cũng gọi là giới răn).
3. Chi tiết của điều học. Nghĩa là tất cả mọi khía cạnh, mọi trường hợp phụ thuộc để dễ biết khi nào phạm và khi nào không phạm.
4. Nhân và Quả của mỗi điều học.

Điều học thứ nhất: Tránh xa sự sát sinh (*Pàṇātipātā veramani*).

Trọng điểm. Trọng điểm đây có nghĩa là sự quan trọng của điều học mà mình đã thọ trì. Ta nên đặt câu hỏi: Tại sao Đức Phật khuyên không nên sát sinh? Có phải ngài sợ thú vật chết hết không? Vậy điều học thứ nhất này có mục đích gì?

Đức Phật dạy không nên sát sinh, và cần phải tự nguyện không giết hại một sinh vật nào, dù là một con kiến nhỏ. Đó là Đức Phật muốn dạy cho con người phải có lòng Từ (là thương lẫn nhau dù người hay thú).

Ý nghĩa của điều học thứ nhất:

Không nên sát sinh, nghĩa là không nên giết hại chúng sinh có thức tánh. Điều này dạy cho chúng ta có lòng thương yêu nhau. Người trì giới phải tránh xa ba điều hành động:

- Sự giết.
- Sự hủy hoại thân thể của người và thú.
- Sự hành hạ người hay thú.

Giải rộng thêm:

A- Sự giết có nghĩa là làm cho chúng sinh không còn sống.

* Tội của sự giết: Giết chúng sinh có thức tánh là phạm vào giới sát. Nhưng còn tùy theo trường hợp tội lỗi có nặng nhẹ khác nhau.

* Đối tượng của giới sát: Nói về thú, giết thú vật nuôi trong nhà hữu ích cho nhân loại tội nặng hơn thú rừng thú dữ.

Nói về giết người, giết người hung ác như trộm cướp, hay người không có giới đức, tội nhẹ hơn giết người lương thiện, giết những người lương thiện tội còn nhẹ hơn giết người tu sĩ hay bậc ân nhân của mình (như ông bà, cha, mẹ, thầy tổ). Giết cha, mẹ, A La Hán hay làm cho Đức Phật chảy máu vì ác ý phải phạm vào ngũ nghịch đại tội. Sau khi chết phải đọa vào a tỳ.

* Tác ý của người phạm giới: Khi giết mà cố tâm vì sân hận, oán thù hay giết mướn, tội nặng hơn khi bị bắt buộc phải giết để tự vệ.

* Phương pháp giết: Nếu giết bằng cách hành hạ cho phải thật khổ sở chết từ từ trong sự rên siết đau đớn, tội này rất nặng.

Ngoài ra còn có hạng người si mê giết thú để tiêu khiển (như đi săn) giết để khoe tài như đấu bò, đem thú thả cho chạy rồi thì đua nhau bắn xem ai bắn giỏi. Hạng người này mua vui bằng cách không lương thiện đã phạm vào điều ác mà không hay. Nếu những người này đến lò sát sinh họ sẽ trông thấy con thú biết chảy nước mắt khi bị đem đi giết, vì chúng nó cũng biết tham sống sợ chết như người vậy.

Ba tội ác trên đều do sự hành động khác nhau, dĩ nhiên hậu quả cũng sẽ nặng nhẹ không đồng nhau.

b- Sự hủy hoại thân thể như chặt tay, chân, hay khoét mắt... làm cho người bị tàn tật suốt đời.

C- Sự hành hạ là sự đày đọa khổ sở đánh đập người dưới quyền hoặc kẻ thù của mình.

Sự hành hạ có nhiều cách:

1/- Sử dụng như bắt thú kéo xe nặng quá sức mà còn đánh đập không hề thương hại, không cho ăn uống đầy đủ. Đối với người cũng xử sự như với loài vật.

2/- Nhốt thú lại để tự mình xem chơi, hoặc cho người khác coi, nhưng nếu nuôi dưỡng tử tế, không để thiếu thốn, cực khổ tạm cho là được. Nhưng về một phương diện khác là muốn làm cho vừa lòng mình mà làm mất sự tự do của chúng sinh khác, thì cũng không tránh khỏi nghiệp ác. Thử hỏi nếu có ai nuôi ta đầy đủ, nhưng chỉ cho ở trong phạm vi một căn phòng nhỏ hẹp, thiếu sự tự do, ta có bằng lòng không?

Nhốt thú dù với dụng ý nào, mà không cho ăn uống đầy đủ đều thuộc về việc làm khổ hay hành hạ.

3/- Đem đi, như đem gà vịt đi bằng cách cột chân treo cánh, treo theo xe, phơi nắng không cho ăn uống ... đều phạm vào tội hành hạ súc vật.

Chi tiết của điều học thứ nhất.

Muốn biết có phạm giới hay không, coi theo năm chi tiết dưới đây:

1. Pàna, chúng sinh có thức tánh.
2. Pànasannito, biết chúng sinh có thức tánh.
3. Vadhakacittam, tính giết.
4. Upakkamo, ráng sức giết.
5. Tena maranam, chúng sinh chết bởi sự ráng ấy.

Tự mình giết, bảo kẻ khác giết hay nói khéo bằng cách này cách khác, hay ra dấu cho người khác biết để giết. Khi thấy giết được rồi lấy làm thỏa thích.

Cả hai, kẻ xúi giết cũng như người giết, đều phạm vào tội sát sinh.

Nhân và quả:

Thông thường hay nói Tội và Phước cho gọn và để lãnh hội, thật ra, hiểu theo giáo lý của Đức Thế Tôn chỉ có trạng thái vui buồn, hoặc sướng hay khổ của thân tâm mà thôi. Đức Phật dạy không có một đấng uy quyền tối

cao nào hay một vị Thiên vương nào có thể ban phước cho ta như phần đông ta lầm tưởng. Sự thật thì mọi việc gì đến với ta đều do ta mà có hết. Chỉ có sự hành động và kết quả của sự hành động mà thôi. Nói và hiểu theo Phật pháp là luật Nhân quả, làm lành được vui, làm ác gặp khổ. Thân này khi già thì phải chết, có người chết trước tuổi già, nhưng trái lại tâm là phần vô hình thì không bao giờ chết, khi chết tư tưởng cuối cùng đưa con người đi tái sinh một cảnh nào tùy theo tốt xấu mà mình đã tạo. Cái gọi là tư tưởng cuối cùng ấy có nghĩa là khi mình sắp chết có hiện tượng sinh ra trước mắt người sắp lâm chung. Phạm ngữ gọi Gatinimitta nghĩa là Kiển mộng. Sở dĩ có kiển mộng là vì do chúng ta tạo nghiệp, khi sắp lâm chung, Nghiệp ấy hiện ra một cảnh vui hay khổ tùy theo nghiệp mà mình đã tạo.

Tóm lại, luân hồi hưởng cảnh an vui hay chịu khổ cũng do nơi ba phiền não tham lam, sân hận, si mê. Khi tâm thanh cao được sinh về cảnh an vui, tâm xấu xa đê hèn phải sinh về cõi khổ. Con người đang tu hành tinh tấn, tâm đang trong sạch mà bị phiền não ấy sinh lên rồi thiếu trí nhớ, không kiểm soát được tâm để phiền não xâm nhập làm cho tâm tối mê quên giới răn, không khác nào như người xuống thang vậy. Bậc thang cuối cùng của tâm là khi đã phạm giới.

Mỗi một bước xa giới răn là một bậc thang của tâm và đi gần đến nơi khổ sở là ác đạo.

Tội thật ra là hậu quả xấu của sự hành động trái với giới luật làm cho thân tâm trở nên nhơ bẩn và con người phải đau khổ mãi mãi.

HỎI: Tại sao trong năm điều học Đức Thế Tôn lại để giới không sát sinh đứng đầu? Đây là sự tình cờ hay Đức Phật có ý sắp như vậy?

ĐÁP: Đức Phật là đấng Toàn giác. Nên mỗi lời Ngài đã giảng dạy đều có một ý nghĩa cao siêu, không phải vì tình cờ mà nói. Trước khi nói Ngài đã dùng tuệ giác xem xét, và nói với sự giác ngộ chớ không phải như chúng sinh nói mà không suy nghĩ. Đức Phật đặt giới không sát sinh hàng đầu vì nó là giới quan trọng hơn hết. Ngài thấy chúng sinh không thương yêu nhau, và người không thương gì bằng thương thân ta. Mất thân này đối với chúng sinh là mất hết tất cả. Mặc dù thế giới này là một khối kim cương đi nữa cũng vô ích, một khi chúng sinh không có thân này để hưởng, vì thế chúng sinh quý mạng sống này nhất không gì sánh bằng.

Đời người có hai điều quan trọng nhất: Sống và Chết. Ai ai cũng ham sống sợ chết, có chăng một số rất ít, vì thất vọng, thực tại vì quá khổ không còn chịu nổi nên muốn tự tử mà thôi. Cái muốn trọng đại nhất của người đời là muốn sống mãi.

Nếu phải chọn ba điều:

- Một người phụ nữ tuyệt đẹp.
- Tiền của thật nhiều.
- Và sự sống.

Chắc chắn con người sẽ chọn sự sống, và trái lại còn muốn sống thật lâu nữa là khác.

Trên đời này không vật gì quan trọng bằng sinh mạng vì vậy tất cả các tội lỗi ở đời không tội nào bị kết án nặng bằng tội giết người.

Trên thế gian này các tôn giáo tuy bề ngoài có khác nhau nhiều điểm nhưng có một điểm giống nhau là cấm giết người, và một vài con vật mà tôn giáo ấy không được phép giết như Bà la môn giáo cấm giết bò trái lại còn thờ bò, Hồi giáo cấm giết heo. Chỉ có Phật giáo khuyên chớ giết người và tất cả động vật có thức tánh dù thật nhỏ. Đối với Đức Phật, tất cả những loài hữu tình (có sinh mạng) đều có giá trị hầu như ngang bằng nhau. Vì vậy nên Ngài gọi một tiếng là Chúng sinh, ý Ngài gọi tất cả nhân vật Thiên vương, Phạm thiên. Ngài biết rõ đã là chúng sinh thì chúng sinh nào cũng tham sống sợ chết. Vậy chúng ta không nên vì tư lợi, oán thù hay vì một lý do gì mà giết hại nhân vật khác. Loài thú không có tài sản như chúng ta, nhưng cũng có tài sản quý nhất là mạng sống của nó. Sinh mạng là vật có giá trị rất cao quý riêng của mỗi chúng sinh. Vì những lý do kể trên, nên Đức Thế Tôn khuyên tất cả hàng Phật tử nên thương yêu nhau, không nên giết hại một nhân vật nào vì một lý do gì.

HỎI: *Thưa ông, nói giết nhân vật ngoài mình ra có tội đã đành, còn nếu tự mình giết mình, có tội hay không?*

ĐÁP: Nói về vấn đề tự sát, ta hãy tìm nguyên nhân của sự hành động đó.

Khái quát ta phải hiểu ba lý do là:

- Tự tử để trốn cái khổ mà chính mình không còn chịu đựng nổi.
- Tự tử để phản đối việc làm của người khác.
- Tự tử để tỏ ra lòng cương quyết của mình.

Nếu đem ba nguyên nhân trên để so sánh với mạng sống của con người là vật vô giá thì sinh mạng của con người còn quý hơn nhiều. Trên đời này không có vật gì quý bằng sinh mạng. Vì vậy chúng ta không nên cẩu thả nhất thời thiếu suy nghĩ mà tự tử hay hủy hoại nó.

Nếu theo giáo lý của Đức Phật thì tự sát cũng có tội. Vì khi người tự sát là người đang ở trong trạng thái của tâm Si mê, không còn sáng suốt nhận định được phải quấy lành dữ, người chết trong trạng thái như vậy chỉ bỏ cái xác thân vô dụng này. Chủng tử là mầm của tâm si mê sẽ đưa người đi tái sinh vào cảnh tối tăm tương xứng với tâm si mê và cũng tiếp tục hứng chịu tất cả hậu quả mà đã tạo. Đã nói là nghiệp thì không khi nào chúng ta trốn nó được, vì vậy nên Đức Phật có dạy: Nghiệp là nơi sinh ta ra -

Kammasakomhi... người Phật tử chân chính không nên làm chuyện quá si mê như thế.

HỎI: *Nếu người này giết người kia để trả thù cho mình hay cho cha mẹ mình hoặc thân nhân mình, như vậy có tội hay không? Theo ý kiến tôi thì không tội. Vì sở dĩ mà người ấy phải giết người kia để trả thù nghĩa là người đi giết người kia không còn chịu nổi cái khổ của người bị giết gieo vào lòng họ. Thì tôi nghĩ không tội.*

ĐÁP: Sự cố ý giết người với tâm ác, thì làm sao khỏi tội được, khi đã giết được kẻ thù rồi ta cũng không mập thêm mà cũng không ăn thịt người ấy được, trái lại còn mang thêm tội lỗi oan trái oán thù. Lòng ta luôn luôn phập phồng lo sợ, vì sợ ngày nào đó tội sát nhân bị khám phá thì bị tù đầy giam cầm khổ sở. Nếu may ra mà trốn tránh được khỏi luật trên đời này rồi cũng chưa yên vì tâm hằng phập phồng lo sợ con cháu họ trả thù. Người ấy sống với một tâm trạng lo âu như vậy, thử hỏi làm sao yên vui được. Do đó nên gọi là Tội. Người Phật tử chân chính biết giữ giới rất trọng giới luật của mình, hết sức không cho phiền não phát sinh.

Đức Phật dạy sở dĩ chúng sinh phải bị luân hồi, một phần cũng vì còn lòng sân hận ngoan cố không chịu dứt bỏ sự thù oán và oan trái. Vì có trả thù nên mới có oan trái triền miên không bao giờ ngừng nghỉ. Vì vậy nên Ngài có dạy trong kinh Pháp cú rằng;

*Lấy oan trái cột oan trái thì oan trái ấy không bao giờ dứt.
Lấy ơn trả oán, oán ấy mới tiêu tan. (Kinh Pháp cú câu 3, 4, 5.)*

Đức Phật thường dạy Phật tử tha là mình chịu khổ, đừng làm khổ kẻ khác. Trên thực tế Ngài dạy chúng ta nên cố nhẫn nại, hỷ xả để tha lỗi kẻ khác. Nơi đây tôi xin nhắc lại một tích, mặc dù có hơi dài, nhưng không ngoài ý chỉ cho ta thấy oan trái không nên cột, đây là tích trong kinh Pháp cú. (Kinh Pháp cú câu 5, Tích Người sinh làm nữ Dạ xoa. Xin xem thêm "Chú giải Kinh Pháp cú" do Ngài Trưởng lão Pháp Minh dịch, xuất bản năm 1997, 1998.)

Có một gia đình khá giả, nhưng chỉ sinh được có một người con trai. Sau khi cha đã quá vãng, một mình phải lo việc đồng áng còn lo việc gia đình thật là cực nhọc. Bà mẹ thấy con quá lao lực nên lấy làm thương hại, nên bà lo cưới vợ cho con trai bà để có người phụ lo việc trong nhà. Dâu bà cũng là con nhà khá giả, hiền lành, bà cũng hết lòng thương yêu, nhưng khổ nỗi dâu bà không sinh nở gì cả. Vì vậy nên bà định cưới vợ lẽ cho con bà.

Cô dâu nghe tin ấy nghĩ rằng: "Ta nên cưới vợ bé cho chồng ta, nếu để cho bà đứng cưới thì về sau này ta sẽ không có quyền gì với cô vợ bé ấy cả." Cô liền lo kiếm nơi xứng đáng cưới về cho chồng, không lâu cô vợ bé có thai.

Cô vợ lớn mới nghĩ rằng: "Nếu nàng này mà có con thì sẽ làm chủ gia đình này. Vậy ta phải làm cho nó không có con mới được. " Nghĩ rồi cô mới nói với cô vợ bé rằng: "Khi nào em có thai, em hãy bảo cho chị biết, để chị chia vui với em. "

Cô vợ bé là người chất phác thật thà nên cô mới nói thật với người vợ lớn là cô đã có thai. Cô vợ lớn mới tìm thuốc phá thai cho cô vợ nhỏ uống. Vì vậy nên thai ấy hư. Đến lần thứ nhì cũng vậy. Đến lần thứ ba, người hàng xóm lấy làm lạ mới hỏi cô vợ bé, và cô ta mới thuật cho mà nghe. Khi biết chuyện, người hàng xóm mới khuyên cô: "Từ nay đi phải giấu đưng cho cô vợ lớn biết. "

Đến lần thứ ba cô vợ lớn biết thì đã muộn lắm rồi, nhưng cô cũng cứ vẫn cố tìm thuốc phá thai cho cô vợ bé uống. Cô vợ lớn nói dối rằng đây là thuốc dưỡng thai. Vì thai bào đã quá lớn nên sức thuốc không phá được. Nhưng cũng hành hạ cô vợ bé thật là khổ sở, rồi thai ấy cũng hư và cô vợ bé cũng chết thảm thiết.

Trong những ngày đau đớn trên giường bệnh, trước khi sắp chết cô ta mới cật oan trái rằng: "Người đã cố làm hại ta hai lần, lần này lại giết ta nữa. Sau khi chết, ta nguyện sinh làm giống gì cũng được miễn là ta ăn thịt lại mẹ con người mới hả lòng."

Sau khi chết cô được tái sinh lại làm mèo trong gia đình ấy.

Còn người chồng sau khi biết rõ chuyện ác đó, ông ta tức giận đánh chết cô vợ lớn, cô này lại tái sinh làm gà mái cũng trong gia đình ấy. Không bao lâu gà đẻ, ấp con, mèo ăn luôn như thế hai lượt, đến lượt thứ ba mèo ăn cả mẹ lẫn con của gà.

Khi gà sắp chết có cật oan trái với mèo rằng: "Người đã ăn con ta hai lần, lần này lại ăn cả ta. Kiếp sau ta nguyện ăn con người và người lại. "

Kiếp sau đó người vợ lớn sinh làm cọp, người vợ bé sinh làm nai. Khi nai sinh, cọp đến ăn con của nai hai lần, đến lần thứ ba ăn cả mẹ lẫn con.

Nai tức giận mới cật oan trái rằng: "Người ăn con ta hai lần trước rồi, hôm nay người lại ăn cả mẹ con ta nữa. Ta nguyện kiếp sau ta ăn cả mẹ lẫn con của người lại."

Kiếp sau đó, nai sinh làm Dạ xoa, còn cọp sinh làm con gái của một gia đình trong thành Sàvatthi. Khi lớn lên cô cũng có chồng người thành Sàvatthi.

Khi cô ấy sinh, Dạ xoa hóa thành một người đến thăm, rồi bắt đứa trẻ ấy ăn. Đến lần thứ nhì cũng vậy. Đến lần thứ ba cô nọ có thai gần ngày sinh mới nói với chồng rằng: "Nơi đây có Dạ xoa và đã đến ăn con ta hai lần rồi, vậy lần này cho tôi về sinh ở gia đình tôi." Chồng cô bằng lòng.

Vì Dạ xoa bận việc nên năm tháng sau khi sinh của cô kia, Dạ xoa mới trở lại tìm cô vợ lớn để ăn thịt con cô. Tìm khắp nơi mới biết cô kia đi về sinh ở bên gia đình cô, Dạ xoa lập tức đi đến nơi ấy, nhằm lúc hai vợ chồng đang

trên đường về nhà. Khi vừa đi đến chùa Kỳ Viên nơi ao tên Pokkharani là nơi mà Đức Thế Tôn hằng ngự đến tắm (ao ấy ở ngoài vòng chùa Kỳ Viên), lúc ấy trời đang nóng cô trao con cho chồng để xuống ao tắm. Khi tắm xong, lên bờ con thay chồng xuống tắm, thì Dạ xoa cũng vừa đến. Cô lấy làm kinh sợ ngó trước sau không thấy nơi nào có thể trốn khỏi Dạ xoa, cô liền bồng con chạy thẳng vào tịnh xá Kỳ Viên nơi Đức Thế Tôn đang ngự. Cố nhiên khi Đức Thế Tôn ngự nơi nào đều có chư Thiên theo hầu nơi ấy, nên Dạ xoa vừa đến nơi ấy bị chư Thiên không cho vào. Còn cô kia thì quá kinh sợ, không còn biết gì hết. Cô thấy Đức Thế Tôn đang ngự trên pháp tọa thuyết pháp giữa hàng tứ chúng, cô để đại đũa bé vào tay Đức Phật và bạch: "Bạch Đức Thế Tôn, con xin cúng dường đũa bé này cho Ngài, xin nhờ oai đức Ngài cứu sống mạng nó."

Khi ấy Đức Thế Tôn mới dạy Đại đức Ananda ra gọi Dạ xoa vào hầu Phật. Ngài dạy:

- Tại sao người tạo ra ác nghiệp như thế này? Nếu hai người không gặp được Như Lai hôm nay thì các người còn cột oan trái đến cả kiếp (Đức Phật muốn ám chỉ Kiếp là tuổi của trái đất chứ không phải một đời người). Cũng như oan trái giữa rắn và chồn, hay con gấu và cây cắm xe, hoặc như con quạ và chim mèo. Oan trái mà dứt được là nhờ nơi không cấu kết với nhau. Đức Thế Tôn dạy thêm rằng: "Từ cổ chí kim, oan trái không khi nào dứt được vì sự cấu kết với nhau, nhưng oan trái sẽ dứt nhờ sự diệt bỏ oan trái. Đây là pháp tối cổ, làm dứt oan trái là con đường đi của bậc Thánh như như Thánh Văn, Duyên giác, độc giác hay Chính Đẳng Chính Giác."

Khi Đức Thế Tôn thuyết vừa dứt câu Dạ xoa đắc quả Tu đà hườn. Đức Thế Tôn mới bảo cô gái kia:

- Người hãy trao con người cho Dạ xoa.

Cô ấy đáp:

- Bạch Đức Thế Tôn con vẫn còn sợ quá.

Đức Thế Tôn dạy:

- Người chớ lo, sự tai hại giữa người và Dạ xoa không còn nữa.

Nghe vậy cô mới trao con cho Dạ xoa. Dạ xoa bồng con hôn rồi trả lại cho cô kia. Trả xong, Dạ xoa lại khóc.

Đức Thế Tôn phán hỏi:

- Tại sao người khóc?

- Bạch Đức Thế Tôn, bởi vì tôi không còn nuôi mạng sống được như xưa nữa. Từ nay tôi không biết phải sống bằng cách nào.

Đức Thế Tôn biết người đã đắc quả Tu đà hườn rồi thì không còn phạm một tội nào rất nhỏ trong Ngũ giới. Dạ xoa là hạng ăn thịt sống thì làm sao sống theo đúng chính pháp được. Đức Thế Tôn dạy cô kia đem Dạ xoa về nuôi, cả

hai thương yêu nhau và dứt bỏ oan trái, oán thù. Nhờ đó mà cả hai sống an vui.

Khi ấy Đức Thế Tôn thuyết câu kệ:

*"Akkochimam avadhinam ajininam ahàsi me ye ca tam upaneyyanti veram
tesam na sammanti...*

*Na hi verena veràni samantidha kudàcanam. Averena ca sammanti esa
dhammo sanandano"*

Nghĩa:

Kẻ nào cật oan trái rằng, họ đã giết ta, đã đánh ta, đã thắng ta, đã cướp của ta, oan trái của người ấy không bao giờ dứt. Người nào không còn oan trái như thế, thì oan trái của người ấy sẽ dứt. Và từ cô chí kim, oan trái không bao giờ dứt được bởi sự cật oan trái. Oan trái chỉ dứt được bởi sự không cật oan trái.

Cật oan trái: nghĩa là cố nhớ tội lỗi hay điều mà người ta đã làm trái nghịch với ta, và có cơ hội đặng trả thù trả oán. Người hành động như thế gọi là *kết cấu oan trái oán thù*. Khi người cật oan trái oán thù cũng như vay rồi trả, trả xong lại vay, không biết chừng nào mới hết, nếu người không có trí tuệ để nhận định chân lý về cái khổ của mình khi bị người làm hại. Trước khi muốn dứt oan trái thì người nên dẹp sự giận hờn, oán ghét và gieo mầm tử ái trong tâm mình, rồi rải lòng từ đến cho tất cả chúng sinh, người làm được như thế mới mong giải thoát khỏi sự oán thù và oan trái.

Trở lại vấn đề giết để trả thù. Người có tâm trả thù. Trước hết trong tâm người ấy chứa đầy sự oán giận, căm hờn. Tâm ấy thuộc về tâm ác, đó là nhân tạo ác nghiệp. Gây thêm oan trái. Tâm người nghĩ muốn trả thù là tâm đã hướng về điều ác, hay đang đi trên con đường tới nơi khổ là bốn đường ác. Người mà nghĩ đến trả thù, họ không nghĩ rằng, họ đang tăng thêm sự lo sợ và khổ vào lòng họ, đã gọi là giết thì dù với nguyên nhân nào cũng đều phạm vào giới sát, nếu khi nhận thấy đủ chi tiết.

HỎI: *Còn một điều nữa mà tôi lấy làm nghi ngờ là: Khi tôi còn nhỏ thấy chó hoang bệnh, đói nằm một chỗ, trông thật là khổ não, mà nhất là mùa rét. Tôi nghĩ nhất định con chó này thế nào cũng chết không sớm thì muộn. Nếu để nó sống thế này mãi thì nó càng bị kéo dài chuỗi ngày đau khổ. Vì thương hại nó nên tôi đập nó chết. Tác ý tôi là để giúp con chó mau thoát khổ để sinh vào kiếp khác. Thưa ông như vậy tôi có tội không?*

ĐÁP: Theo trong câu hỏi này có hai điều lẫn lộn nhau là tâm từ và tâm Ác. Chiếu theo kinh luật của Đức Thế Tôn như đã giải thì ông đã phạm vào tội sát sinh có đầy đủ tất cả năm chi.

Giờ đây tôi xin nhắc lại sự làm tội do nơi ba nguyên nhân là:

- Lobhahetu - Nguyên nhân làm tội do lòng tham lam.
- Dosahetu - Nguyên nhân làm tội do lòng sân hận.
- Mohahetu - Nguyên nhân làm tội do lòng si mê.

Vì si mê nên không nhận định phải quấy rồi làm tội mà cho là phước. Giờ hãy suy nghĩ xem việc tội giết con chó do nguyên nhân nào? Có phải là si mê không? Theo việc làm của ông thật là thiếu sáng suốt. Mặc dù thấy chó khổ, nhưng làm sao biết rằng: Nó muốn chết hay không? Điều này khó mà cả quyết được.

Còn như ông bảo đập nó chết để giúp nó mau tái sinh vào kiếp khác khỏi khổ thì lấy gì làm bằng chứng mà dám tin chắc như vậy. Hơn nữa, ông làm sao biết được nghiệp con chó ấy hết hay chưa?

Theo Phật giáo thì chỉ có những chúng sinh nào không còn nghiệp ác mới khỏi bị đọa vào các cảnh khổ, chúng sinh nào tạo nghiệp thiện mới được sinh vào nơi nhân cảnh.

Cái chết dù chớp nhoáng hay dây dưa trong tình trạng bị bệnh tình hành hạ oằn oại cũng chưa hẳn là dứt được cái khổ.

Muốn thoát khổ chỉ có con đường duy nhất là trì giới, lo tu hành, sống một đời sống đạo đức đúng theo chính pháp.

Như vậy thử hỏi làm sao biết được con chó kia ở trong trường hợp nào mà dám quả quyết chết như vậy nó sẽ mau được tái sinh kiếp khác an vui khỏi khổ hiện tại.

Thật là một điều đáng tiếc cho ông vì thiếu sáng suốt và kém thông hiểu Phật Pháp. Nên cho việc quấy là phải.

HỎI: Thưa ông nếu trường hợp mình gặp một chúng sinh khổ như thế, ta là Phật tử phải làm thế nào giúp đỡ, không lẽ để vậy, lấy mắt nhìn hay sao?

ĐÁP: Trong trường hợp đó, có hai điều ta cần làm nếu ta có thể thực hành là:

- Nếu có thể ta cho thuốc trị bệnh hay là cho tiền của, cơm nước tùy theo hoàn cảnh.
- Nếu tự mình không đủ sức làm việc trên thì tìm người khác có đủ phương tiện hơn để giúp đỡ. Nếu trường hợp này mà là nhà sư thì chỉ có một phương pháp là rải lòng từ, hồi hướng phước báo cho người hay vật đang thọ khổ ấy hết bệnh hay khỏi khổ. Ngoài ra không còn phương tiện nào khác hơn.

Điều học thứ nhì: Tránh xa sự trộm cắp.

HỎI: Thưa ông? Tôi đã rõ được điều học thứ nhất, xin ông giải cho tôi điều học thứ nhì.

ĐÁP: Điều học thứ nhì: *Adinnàdànà-veramani* là: Tác ý lánh xa sự trộm cắp.

HỎI: Trọng điểm của điều học này ở chỗ nào?

ĐÁP: Trọng điểm của điều học này là chỉ cho ta thấy rõ cái khổ vì bị mất của và dạy cho người Phật tử ăn ở cho thành thật. Theo Phật giáo gọi là chính mạng.

Điều răn này có ba là:

A. Corakammam - Việc làm của kẻ trộm cắp, cướp bóc. Điều này có thể chia ra làm 14 chi:

1. *Trộm* nghĩa là lén lấy của người ta, trong khi chủ nhân không hay biết chi hết.

2. *Giật* nghĩa là đoạt ngang trên tay người khác khi mà chủ nhân không bằng lòng cho, hay không để ý rằng sẽ bị giật.

3. *Dọa* nghĩa là nói những gì làm cho người khác kinh sợ phải đem của mình ra cho, hoặc ăn uống trong tiệm xong rồi làm cách cho chủ sợ, như làm lòi dao, hay súng rồi nói khéo làm cho người chủ nghe biết mà không dám đòi tiền.

4. *Cướp* nghĩa là dùng bạo lực để uy hiếp tài gia lấy của, không kiêng nể pháp luật.

5. *Phao vu* nghĩa là đưa tin không đúng với sự thật như nói: Nhà người kia có chứa đồ quốc cấm, người ấy là kẻ sát nhân v. v... để làm cho chủ nhân kinh sợ đưa tiền ra.

6. *lường* nghĩa là lừa dối, bịp bợm người để lấy của.

7. *Gạt* nghĩa là lừa đảo có tác ý nói cho người tin theo để đưa của ra cho mình. Lời nói này là lời nói dối. Nhưng tác ý là lấy cho được của. Như thường thấy có người đến than khóc kể lẽ nói chồng con hay quyến thuộc chết trong bệnh viện, nhưng không có tiền mua hòm chôn... khi người hảo tâm thấy vậy động lòng thương giúp đỡ.

8. *Lừa tráo* nghĩa là *Thiếu* như những người buôn gian bán lận, mua cân già bán cân non. Như kẻ không tàn tật nhưng giả bộ bị tàn tật, để đi xin ăn.

9. *Giả* nghĩa là không đúng sự thật, như hàng nội hóa nói hàng ngoại mới nhập cảng, để bán giá cao. Hay vàng giả nói vàng thật để làm cho người lầm.

10. *Mượn* nghĩa là không chịu trả, vì người chủ quên.

11. *Ấn lời* nghĩa là làm không đúng sự thật, như người làm công mua đồ cho chủ rẻ nói cho đắt để được lời một số tiền. Hoặc hùn vốn buôn bán với nhau khi chia lời, chia cho mình nhiều, cho phần của kẻ khác ít hơn, mặc dù vốn góp và công sức bỏ ra như nhau.

12. *Đổi* nghĩa là của mình giá rẻ đem đổi lấy cái giá đắt hơn, hay của mình cũ đổi lấy cái mới của kẻ khác.

13. *Lậu thuế* nghĩa là buôn bán không chịu đóng thuế, hay đóng mà khai gian, nhiều khai ít.

14. *Thụt két* nghĩa là lấy cắp tiền trong quỹ do mình được giao giữ; như người được chủ tin cậy giao cho một số tiền rồi lấy trốn đi, hoặc khi đi thu tiền được xong trốn luôn không đem về cho chủ.

Mười bốn phép kể trên thuộc về tội trộm cắp.

B. Anulomacorakammam - tạm gọi là trộm cướp, điều này không hẳn là trộm cắp, vì tác ý có khác hơn 14 điều trên. Điều này lại chia ra làm ba chi khác nhau:

1. *Đồng lõa* nghĩa là giúp mua đồ do trộm cắp được hay trốn lậu thuế, hoặc oa trừ của bất chính, để kẻ trộm cho hoa hồng, hay giúp đỡ cơm gạo vật ăn thức uống.

2. *Chơi thân* nghĩa là chơi thân với kẻ trộm vì thâm tâm muốn kẻ trộm cho tiền của khi lấy được của người khác.

3. *Hối lộ* nghĩa là trường hợp công chức có thể lực ăn của đút lót để tha hoặc chỉ cách cho người khác để qua mặt pháp luật. Khi xong việc được người đền ơn.

Nếu điều thứ ba này người giúp cho kẻ gian làm hại cho quốc gia hay cho nhiều người khác thì luật lệ hiện hành sẽ lên án nặng vì nó là một trọng tội.

C. Chayàcorakammam - bóng dáng của sự trộm cướp, điều này có hai ý nghĩa khác nhau:

1. Làm cho người bị phá sản, hay bị mất đi một phần nào tài sản. Không đem của cải ấy về cho mình, nhưng chỉ cốt làm cho người bị mất hay bị hại.

2. Lấy của người vì nghĩ rằng: Nếu chủ nhân biết hoặc thấy cũng bằng lòng cho ta, vì là chỗ thân bằng quyến thuộc.

Giới này khi phạm đầy đủ năm chi gọi là phạm vào tội trộm cắp.

Năm chi ấy là:

1. *Parapariggahatam* - Vật có chủ gìn giữ.

Có nghĩa là vật ấy có chủ, ta lấy họ không hay biết chi hết. Người chủ của ấy là người thường, hay của chùa, của hội hoặc của cơ quan chính phủ...

2. *Parapariggahanam* - Biết rõ rằng, vật này có chủ, nghĩa là người biết rõ rằng: vật ấy có chủ ta lấy họ không biết, hoặc bán đồ thuộc loại quốc cấm như nha phiến, nha phiến trắng, hoặc đồ ấy phải đóng thuế, nhưng lại trốn thuế. Nếu thật tình không biết đồ này phải đóng thuế hay thuộc loại quốc cấm, không dối lòng mình thì không phạm giới, nhưng đối với pháp luật hiện hành thì không dung chế được.

3. *Theyyacittam* - Tính trộm cắp hay cố ý trộm cắp. Câu này có nghĩa là: khi người lấy của ấy có tác ý là chỉ mượn thôi. Nhưng khi không ai thấy mình lấy và khi dùng coi thích quá nên không trả, hoặc khi thấy của rơi, trước hết

tác ý chỉ lượm đem trình cho nhà chức trách, nhưng khi nghĩ lại làm cho lòng tham phát sinh lấy làm của mình luôn.

4. *Upakkamo* - Ráng sức làm đủ cách để chiếm lấy. Nghĩa là đang rình rập hay đi đến chỗ trộm cắp đồ vật, khi đưa tay ra lấy được vật ấy về cho mình là phạm giới trộm cắp. Hoặc giả viết thư hoặc nói ra lời phao vu cho người tài gia để lấy của ấy. Khi lấy được là phạm vào tội trộm cắp.

5. *Tenaharanam* - Trộm cắp được do nơi sự cố gắng ấy.

Theo điều học này cho chúng ta nhận thấy rằng: Chính yếu của điều học là do nơi tác ý. Vì tác ý là nguyên tố làm cho con người hành động.

Điều học thứ nhất và thứ nhì liên quan mật thiết đến đời sống hàng ngày của con người, hai điều này thuộc về chính mạng một trong Bát chính đạo.

Người đời thường nghĩ rằng: Nuôi mạng là chuyện riêng về vật chất, thì tại sao lại có liên quan đến tinh thần? Có người lại nghĩ sở dĩ khuyên tránh xa trộm cắp là không muốn cho kẻ khác buồn rầu thất vọng khổ sở vì mất của. Nhận định như vậy thật đúng, nhưng chỉ đúng một phần nào thôi. Sự thật người trộm cắp muốn làm giàu bằng sự cực nhọc của kẻ khác. Đây là về phương diện vật chất, còn về phương diện tinh thần, người trộm cắp là người muốn được an vui trên cái đau khổ buồn rầu của kẻ khác.

Do nhân chẳng lành ấy, người trộm cắp thường bị tù đày về phần thể xác (vật chất). Về phương diện tinh thần, tức là tâm của người đó cũng không bao giờ được bình tĩnh để hưởng an vui, luôn luôn sống trong phập phồng lo âu sợ sệt, ăn năn, hối tiếc tội lỗi đã làm.

Đó là chưa kể tâm người trộm cắp càng ngày càng bị ô nhiễm tánh tham lam, vì ác pháp là nguyên nhân đem phiền não đến cho người kiếp này và đời vị lai.

Người không giải thoát hay đang mang nặng tội lỗi nên cố mài giũa, nếu có thể được thì nên quăng bỏ được của nhiều chùng nào càng tốt chùng ấy. Tham lam là một gánh thật nặng nề của con người còn trong luân hồi.

Trong năm chi trộm cắp, hết bốn chi thuộc về phần Tâm rồi.

Bốn chi ấy là:

1. Biết rõ rằng của lấy trộm ấy có chủ.
2. Nghĩ đến sự trộm của ấy.
3. Cố ráng hết sức mình tìm phương thế trộm cắp.
4. Đã đem của ấy về cho mình (đoạn này thuộc về Tâm và Thân).

Ta có thể ví như người có thói quen xấu hay lân la gần bên hầm phân, rồi té xuống đó. Nếu không sớm vớt lên, chất hôi thối càng ngày càng ngấm vào người, hoặc sẽ phải uống nhiều nước phân, để rồi phải chết chìm luôn trong đó.

Tâm kia cũng vậy, nếu không sớm thức tỉnh ngăn ngừa các ác ý xâm chiếm, thì càng ngày càng đi sâu vào tội lỗi, y như chứng bệnh, nếu không sớm lo chuyên trị thì sẽ trở thành nan y.

HỎI: Xin giải thích rõ thêm 5 chi trên cho dễ hiểu?

ĐÁP: Năm chi ấy có thể hiểu đại cương như thế này:

1. Của có chủ (khi người mới nghĩ đến của này có chủ, nơi đây chưa có thể nói là phải tội hay không, nó còn lưng chừng).
2. Biết rằng vật ấy có chủ, (đoạn này cũng còn trong vòng chưa phải là tội hay không).
3. Tính trộm cắp (nơi đây tâm đã bắt đầu bị phiền não xâm chiếm quấy nhiễu rồi và cũng bắt đầu quên điều lành. Tâm đã hướng vào tội lỗi, giới luật bắt đầu bị đe dọa).

4. Cố gắng hay ráng sức trộm (đoạn này tâm đã tụt xuống một bậc thật thấp vì nó đã quá khăng khít với tội ác).

Đến giai đoạn này thật cũng khó cho người kéo tâm trở lại được, phải cần có nhiều nghị lực và hai pháp hỗ trợ và ghê sợ tội lỗi cho mạnh.

5. Khi chính mình biết rằng: đã trộm được vật mà mình cố ráng đem về rồi (đây là tội thật sự, và cũng đã đi tới mức cuối cùng của tâm trộm cắp).

Trên đây tôi phân tích sơ lược để ông dễ nhận xét về những giai đoạn của tâm, nhưng nếu nói về Sát na của tâm thì rất là lẹ, thật ra trong tam thế này không có gì lẹ bằng Sát na của tâm. Tâm con người hằng vọng động, sự luân hồi của chúng sinh không có ai có thể đoán trước được. Khi còn trong Tam giới có thể mới là một vị Thiên vương sẽ trở lại làm người hay là súc sanh ngựa quỉ. v. v... tùy theo sát na cuối cùng xấu hay tốt của tâm. Vậy chúng ta đang có được thân này hiện tại đây chúng tỏ kiếp trước, chúng ta có tâm thanh cao tinh khiết, nếu nay sớm biết tội nên lánh xa tội và mau mau cố tạo thêm thiện pháp là đào tạo cho mình con đường xán lạn về ngày vị lai.

Sở dĩ Đức Thế Tôn khuyên không nên trộm cắp của kẻ khác. Điều này nếu chúng ta giữ được là có ích cho bản thân ta chớ không lợi gì cho Ngài. Nhưng chỉ vì lòng Từ bi muốn chúng sinh mau giải thoát khỏi đời sống lầm than cơ cực này. Đức Phật dạy sự biết kính nể quyền lợi của kẻ khác. Phạm ngữ gọi là Manussa-dhamma có nghĩa là Pháp trong tâm của con người (ta cũng có thể gọi là nhân đạo hay lòng nhân đạo).

Người có học và hiểu lý đạo thấy rõ rằng: Cướp bóc, lường gạt của kẻ khác đem về xài cho toại lòng tham lam đó không phải là khôn ngoan hay có trí tuệ mà trái lại là sự dại dột và thường bị lỗ lả. Vì khi ta lấy được của người bằng cách bất chính nào để nuôi dưỡng thể xác này, còn Tâm là một vật rất quý báu thì lại để thoái hóa, nếu không muốn nói là đã tụt xuống thấp.

Sự trộm cắp hay sang đoạt của người bằng phương pháp nào đem về cung phụng cho thể xác như nhóp này và người trong gia tộc, chỉ được một thời gian nào đó thôi, nhưng rồi sau bị trả quả sẽ thọ khổ trong bốn đường Ác không có hạn định năm tháng bằng con số được, mà khi chịu khổ ấy quyên thuộc, vợ con ta không ai chịu thể cho ta được. Thật là đại đột làm tội để kẻ khác thọ hưởng. Nói đây tôi không dám ám chỉ người ích kỷ chạy trốn phận sự làm chồng, làm cha, làm con, nhưng người muốn làm tròn phận sự thì phải làm việc chân chính Phật giáo gọi là Chính nghiệp.

HỎI: Thưa ông, giới răn không trộm cắp rất hữu ích cho một cá nhân, nhưng đối với xã hội có ích lợi gì hay không?

ĐÁP: Nói về ích lợi cho xã hội, thì không thể kể hết được.

Nếu trong xã hội mà toàn là kẻ trộm cướp, thì thử nghĩ coi Chính phủ phải khổ tâm đến độ nào? Chính phủ làm sao có đủ nhà giam để giam giữ kẻ trộm cướp ấy. Tài chính đâu để trả cho Cảnh sát canh phòng. Đắt đầu mà chôn cho đủ những kẻ trộm cướp giết hại nhau.

Phật dạy chúng sinh tránh tội lỗi không phạm vào điều ác được bao nhiêu người, thì đỡ cho xã hội bấy nhiêu. Thí dụ như Việt Nam có 80% tín đồ Phật giáo giữ giới, thì chính phủ Việt Nam khỏi lo 80% dân số ấy phạm vào tội trộm cắp. Vậy Phật giáo có đem lợi ích cho quốc gia xã hội hay không?

Chủ đề NGŨ GIỚI (tt)

-oOo-

Điều học thứ ba: Tránh xa sự tà dâm.

HỎI: Thưa ông, điều học thứ ba Đức Thế Tôn dạy những gì?

ĐÁP: Điều học thứ ba là *Kāmesu-michàcàrà veramanì* nghĩa là "Tác ý tránh xa Tà dâm".

Trọng điểm của điều này là: Tạo ra sự đoàn kết và ngăn ngừa sự chia rẽ gia đình này với gia đình kia, và làm cho xã hội được an vui.

Điều răn này có bốn chi:

1. Agāmaniyathānam - Người nữ không nên Tà dâm (nghĩa là người nữ có người gìn giữ).
2. Tasaminsevannacittam - Tính tà dâm với người nữ ấy.
3. Động tác hành dâm
4. Maggāmaggappattānam - Đã hành dâm xong.

Giải thích:

Giới này có hai hạng người bị cấm là Nam và Nữ. Người nam nào hành dâm với người nữ đã có người gìn giữ đều phạm vào bốn điều kể trên là người phạm giới Tà dâm. Người nữ nào tà dâm với người nam đã có người gìn giữ thì người nữ ấy phạm vào tội Tà dâm. Nếu cả hai Nam và Nữ đều là người ở trong khuôn khổ của Pháp luật răn dạy, cả hai đều phạm tội Tà dâm.

Người nữ không nên tà dâm có ba hạng:

a- Sasàmikà - người nữ đã có chồng, ý nói người nữ này ở với nam với danh nghĩa vợ chồng, mặc dầu có cưới gả hay không người nữ này cũng ở trong phạm vi của điều học răn cấm. Ngoại trừ vợ chồng người ấy ly dị, hay chồng chết. Nếu người chồng đi xa hay ở tù nhưng chưa chính thức ly dị, người nữ ấy cũng còn trong phạm vi của người nữ có chồng.

Người thiện nam chân chính có giới đức trong sạch không nên có hành động cũng như lời nói không được chính đáng. Tốt hơn hết không nên giao tiếp với người nữ ấy. Nếu Tri túc.

b- Natirakkhita - Người nữ dưới quyền giám hộ của quyền thuộc hay của người nào do cha mẹ hay quyền thuộc nhờ giám hộ. Tóm lại người phụ nữ này không có quyền chọn lựa lấy tình yêu mình, vì còn trong vòng kiểm soát của một người nào đó. Nếu muốn có chồng phải có lễ cưới hỏi theo phong hóa lễ giáo.

Người nam nào phạm vào điều này là người nam phạm vào sự làm mất danh giá của gia đình người nữ, làm cho người giám hộ khổ tâm. Điều này nếu hai người đồng tình nhau thì cả hai nam và nữ đều phạm.

Người phụ nữ nào sau khi được người giám hộ nhận lễ hỏi xong người hôn phu mới được phép đến thăm tự do, trừ phi đã từ hôn.

c- Dhammarakkhita - Người phụ nữ dưới sự giám hộ của Pháp luật. Ý nói các cô còn vị thành niên, hay các bậc tu nữ.

Người nam không được phép tà dâm:

a- Người nam đã có vợ.

b- Người nam dưới quyền giám hộ của pháp luật và hàng tu sĩ.

HỎI: Thưa ông, vì lý do gì mà Đức Thế Tôn lại chế ra điều luật này?

ĐÁP: Đức Thế Tôn dạy điều răn này vì Ngài hiểu rằng: Chúng sinh trong cõi dục này lòng tham dục không bờ bến, nếu để tùy ý họ thì chắc chắn rằng: ở thế gian này trở thành một nơi giết hại nhau vì tranh giành nữ sắc, sự dâm dục là nhân của tội lỗi và pháp rất thấp kém. Như ta thường biết khi xưa thường có chiến tranh giết hại nhau nhiều không sao kể xiết chung quy cũng chỉ tại sắc đẹp. Vì nhận thấy tai hại như vậy, nên Đức Thế Tôn chế ra điều học để răn cấm tín đồ.

Theo điều học này thì người nam lẫn nữ đều phải cố giữ cho trong sạch. Trong Kinh Hạnh Phúc Đức Thế Tôn có dạy phải biết Tri Túc là không nên ham muốn tình dục ngoài vợ nhà. Đây nếu người cha trong gia đình giữ được điều này thì gia đình không bị đổ vỡ và được an vui.

Giới này ngăn hai điều tai hại xảy ra:

1/- Làm cho đời bại, mất cả phong hóa lễ giáo.

2/- Làm cho xã hội suy đồi.

Người Việt Nam rất trọng lễ giáo là người đàn bà giữ chữ trinh. Trước khi Phật giáo truyền bá đến Việt Nam. Dân tộc Việt Nam có một nền luân lý căn bản nhất là giới cấm tà dâm. Trong xã hội nào mà không phân biệt vợ chồng anh em thì xã hội ấy thật rất là tồi bại. Nên chi giới Tà dâm là một điều học rất cần thiết cho mọi người và mọi tầng lớp trong xã hội, không nên để thiếu sót.

Trong Phật giáo có chia ra làm ba cảnh giới:

1/- Dục giới.

2/- Sắc giới.

3/- Vô sắc giới.

Chúng sinh nào còn sinh trong cõi dục là cõi của chúng ta đây rất khao khát tình dục. Trong cõi này có thể chia ra làm ba hạng:

a. Hạng thấp nhất là hạng đam mê tình dục, có vợ con mà chưa đủ, muốn tìm thêm vợ lẽ... mặc dầu theo pháp luật đời cưỡng như đạo, đều ngăn cấm gắt gao nhưng cũng chưa thu lượm được kết quả khả quan.

b. Hạng trung bình là hạng ráng thu thúc và trì giới Tri túc không cho tâm đam mê tình dục, vẫn còn có vợ, nhưng giữ giới tà dâm thật là chín chắn.

c. Bậc cao thượng là hạng ly gia cắt ái, không còn ham muốn về tình dục, lánh xa trần tục bỏ cả lợi danh, các Ngài là bậc xuất gia chân chính, là bậc đáng cho ta kính trọng cúng dường. Các Ngài lo trau dồi phẩm hạnh làm cho lòng trong sạch, yêu mến giới luật hơn cả đời sống của mình.

HỎI: Thưa ông, đoạn trên ông có dạy đến chuyện người phụ nữ khi chồng bị tù mà chưa ly dị hẳn với người vợ, người nam nào hành dâm với người phụ nữ ấy đều phạm vào giới Tà dâm cả nam lẫn nữ, thưa ông có phải vậy không?

ĐÁP: Phải, nếu chưa ly dị hẳn thì cả hai người đều phạm vào điều cấm thứ ba này. Vì lẽ người chồng khi trong tù cũng vẫn tin tưởng rằng: Vợ ở nhà, vẫn lo cho vợ và không tránh khỏi sự nhớ thương.

HỎI: Xin ông cho phép tôi hỏi thêm điều này đáng lý ra thì không nên hỏi ông, nhưng xin ông thông cảm cho.

ĐÁP: Chuyện chi mà ông rào đón vậy. Tôi rất sẵn lòng giải đáp những gì ông hỏi mà tôi có thể giải đáp được. Tôi chỉ xin miễn giải đáp câu hỏi nào có lẫn chính trị và có sự chia rẽ Phật giáo cùng các Tôn giáo khác.

HỎI: Thưa ông, tôi muốn đề cập đến một hạng người mà tôi chưa tìm ra tiếng nào để nói với ông cho thanh nhã hơn. Người ấy tôi xin tạm dùng tiếng là buôn hương bán phấn. Thưa ông, những người ấy có phạm vào tội tà dâm không?

ĐÁP: Người hành nghề như thế trái với Manussadhamma nghĩa là pháp làm người, hay chúng ta gọi là Nhân đạo, làm như thế ấy mất giá trị của con người. Trên đời này ai ai cũng khinh khi nghề ấy đến nỗi người ta còn gắn vào cái tên không mấy đẹp đẽ là mại dâm là một nghề mà xã hội nào cũng cho là xấu, hèn hạ, tội lỗi.

HỎI: *Thưa ông, có lúc trước tôi nghe ông nói dư luận và phê bình của thế gian không quan trọng thì việc làm của mình mà có gì đáng ngại đâu. Vì chúng ta sống cho chúng ta chứ chúng ta đâu có sống với dư luận.*

ĐÁP: Ta sống phải cho ra người sống chân chính, không để phạm vào một lỗi nào. Khi ta sống chân chính như vậy mà có người phê bình hay chỉ trích thì ta chẳng cần lo, vì ta sống cho ta, ta đã sống theo đúng chân lý, người phê bình ấy là người không thông đạo đức thì không nên lấy lời chỉ trích phê bình ấy mà buồn. Còn đảng này ta hành động trái với chính pháp mà khi bị người chỉ trích lại viện lý lẽ để bào chữa là người ngoan cố, thật là chuyện không nên có trong tâm của người đệ tử Phật.

Sự thật người đời phải sống cho giá trị của gia tộc cùng với nhân phẩm của bản thân mình. Phaûi giữ hai điều này cho thanh cao. Điều tai hại của sự mua vui với những người phụ nữ không chân chính ấy điều mà mình trước hết là tổn tiền và sức khỏe, đây chưa nói là bị lây nhiễm bệnh xã hội, còn là một tai hại rất lớn cho gia đình. Không có một vị trí thức nào khen những người phí sức trong việc này. Nơi đây ông hỏi về người phụ nữ hành nghề không đẹp ấy. Theo lời Phật dạy thì người mua cũng như người bán đều có tội.

HỎI: *Thưa ông, vì lý do gì mà có tội? Vì một người bằng lòng bán và người kia bằng lòng mua?*

ĐÁP: Xin nói thêm về giới tà dâm. Đối với vợ nhà mà dâm dục quá độ cũng phạm vào giới tà dâm. Khi vợ hay chồng bệnh mà còn hành dâm cũng phạm giới tà dâm. Khi người vợ gần ngày sinh mà còn hành dâm cũng phạm giới tà dâm. Khi người vợ có kinh mà hành dâm cũng phạm vào giới tà dâm. Khi hành dâm trước bàn thờ tổ tiên hay nơi thờ phụng đáng mà mình kính trọng cũng phạm giới tà dâm. Ngày giới chính bát quan trai mà không kiêng cử cũng phạm giới tà dâm.

Xin nhớ những điều trên đây để giữ mình cho được trong sạch. Giữ được giới tà dâm thật là một việc đem lại nhiều hạnh phúc cho gia đình của người cư sĩ. Theo những điều nêu trên thì ông thấy tại sao hành nghề ấy giới tà dâm không trong sạch.

Điều học thứ tư: Tránh xa sự nói dối

HỎI: Thưa ông, điều học thứ tư Đức Thế Tôn dạy những gì?

ĐÁP: Điều học thứ tư gọi là *Musavàdà veramani* nghĩa là: Tác ý cố tránh xa sự nói dối.

Trọng điểm là:

Điều này Đức Thế Tôn dạy chúng sinh giữ lấy để đem sự lợi ích cho mình và không làm hại kẻ khác, hay làm cho người đau khổ hoặc làm hại tài sản người khác. Giữ lời nói của mình gây sự tin tưởng và tín nhiệm với người khác, nhất là làm cho lời nói của mình tăng thêm nhiều giá trị, giữ được giới này thật quý báu vô cùng.

Điều răn này có ba nguyên nhân khác nhau:

- *Musa* nghĩa là nói dối.
- *Anulomamusà* tạm gọi là nói dối.
- *Patisevana* nghĩa là từ chối.

Nếu người phạm vào điều thứ nhất tròn đủ bốn chi của giới không nói dối là phạm vào điều răn "Không nói dối". Còn nếu phạm vào điều thứ nhì và thứ ba là phạm vào "Bất tịnh".

Theo điều học này Đức Phật chẳng những dạy rằng: lời nói dối làm cho người ta tin đã đành mà đến hành động của mình cũng có thể dối người được. Khi người tin theo lời nói hay hành động thì người có tác ý làm cho người tin đều phạm tội nói dối.

HỎI: Thưa ông nói dối ấy có mấy cách nói?

ĐÁP: Có cả thảy bảy cách là:

1. Dối có nghĩa là không biết mà nói biết. Biết nói không biết. Thấy bảo rằng không. Không nói rằng thấy. Chuyện không nói có. Chuyện có nói không.
2. Thề nghĩa là sự ấy không thật cũng thề thốt cho là thật làm cho người ta tin rằng: Đó là chuyện thật. Thề ấy lắm khi ả ý nguyên rửa hay không, miễn là thề để cho người ta tin lời nói của mình.
Thề có ả ý nguyên rửa ấy là: Khi người nghi chuyện không có mà người kia nói có. Người không chịu tin bắt buộc người nói phải thề mới chịu tin. Người nói mới thề nếu tôi có nói dối xin cho tôi... và tùy theo ý của người thề, người ấy tự rửa lấy mình cho người kia tin.
3. Viện chứng có cho người tin. Ý nói khi bị người hỏi điều gì coi bộ trả lời không xuôi lại viện có là có đáng linh thiêng mách, hay cho biết trước... và nói sao cho người tin.
4. Mánh khéo. Như người làm công lười biếng đau ít nói đau nhiều để được nghỉ lâu hay nhiều ngày.
5. Mưu mô, ý nói khi bị người hỏi chuyện muốn cho người tin lại bịa ra chuyện nói xa nói gần làm cho người lầm lạc và tin theo.

6. Phóng đại, ý nói sự thật thì rất ít nhưng khi nói ra thì thêm vào cho nhiều để người nghe tin hơn. Như những người đứng làm quảng cáo giá trị món đồ thật ra thì không tốt lắm nhưng theo lời họ quảng cáo thì vật ấy thật tốt. Đây là nói dối.

7. Dấu chuyện: Đây có ý nghĩa đối lại với phóng đại là chuyện nhiều lại nói ít, nghĩa là bỏ bớt câu chuyện thật mà đã nghe thấy.

Nếu muốn biết rằng có hoàn toàn phạm giới không nói dối hay không hãy xem bốn chi sau đây:

- Attham atthu, Chuyện không thật.
- Visamvadanacittam, Tâm nghĩ sẽ nói sai với sự thật.
- Tajjo vàyàmo, Cố ý nói sai sự thật.
- Parassavàgamo, Người nghe lời ấy tin là thật.

Giải bốn chi trên:

1/- Chuyện không thật mà người bịa ra nói cho người khác tin.

2/- Tâm nghĩ sẽ nói sai sự thật, ý nói cố ý dùng lời lẽ nói cho sai với sự thật.

3/- Cố ý nói sai sự thật. Đã có mưu định trước rằng nói dối. Nghĩa là có tác ý đặt điều nói dối trước khi nói.

4/- Người nghe lời ấy tin rằng thật. Ý nói người nghe tin theo lời người nói cho là thật. Người nói phạm vào bốn chi tiết kể trên, là người phạm vào điều học mà Đức Phật đã giáo truyền.

Anulomamusà tạm gọi là nói dối. Nghĩa là sự nói ấy không thật, mà người nói cũng không cố ý nói cho người nghe tin rằng thật.

Ví dụ, có người kia làm việc chậm quá. Người nọ nói: Anh làm chuyện như vậy hằng năm rồi mà cũng chưa xong. Sự thật người bị chê ấy chỉ làm chuyện ấy chậm hơn người khác chút ít thôi. Người nói như thế biết rằng: Không ai tin nhưng vẫn cứ nói. Vì vậy giới hạnh của người nói không hoàn toàn phạm nhưng người Phật tử chân chính không nên nói. Vì nói như thế đã phạm vào giới bất tịnh rồi.

Patisevana - Chối, ý nói rằng: Đã nhận lời của người kia bằng tác ý thành thật, sau lại từ chối không chịu làm theo lời hứa mặc dầu không dối thật, nhưng người này không giữ được thành thật của mình. Sự nói đi nói lại như thế làm cho giới bất tịnh. Người Phật tử chân chính cũng nên cố mà xa lánh điều ấy.

HỎI: Thưa ông, vậy chớ có những điều nào không thật mà người nói không bị phạm vào vọng ngữ chăng?

ĐÁP: Có bốn điều không thật mà nói vô tội.

1/- Lời thường dùng theo đời như dưới cuối đơn thường viết: Kính xin ông nhận nơi đây tấm lòng biết ơn của tôi.

Người nói như thế chỉ vì thói quen hay tỏ lòng kính trọng lễ phép, nhưng thật sự trong lòng người viết đơn không nghĩ mang lời nói trong đơn.

2/- Những người viết chuyện, tiểu thuyết và tuồng hát bịa đặt ra những chuyện vui buồn viết ra để đọc giả xem cho vui thôi. Tác ý của người viết rằng: Đọc giả hay khán giả không bao giờ tin chuyện mà tác giả viết ra là sự thật.

3/- Hiểu lầm, nghĩa là người nói, nói theo sự hiểu biết của mình ví như người ấy nói sai ngày, tháng, năm, vì quên hay nhớ không chắc. Ví như hỏi hôm nay ngày thứ mấy rồi? Người kia thay vì nói thứ ba là đúng mà lại trả lời thứ tư. Người hỏi tin là thật nhưng người nói vô tội.

4/- Nói lẫn. Nghĩa là người thuật chuyện lại còn đang ở trong tình trạng tâm trí mê loạn, thuật hay là nói lại không đúng sự thật hay các ông bà cụ vì quá già nên nói lẫn nói không đúng, hay những người nói lịu. Ví dụ khi con chó chạy đung họ, hết hồn la cha mày đung.

Tóm lại người nói dối là người có tác ý nói cho người khác tin mình.

HỎI: *Thưa ông, người nói dối và người bị người khác nói dối, trong hai người ấy ai bị thiệt hại nhiều.*

ĐÁP: Xin nhắc lại cho ông nhớ thêm rằng: một lời nói dối mà người ta đã nói ra phải đi qua cơ thể của mình hai lần và vào cơ thể người nghe cũng hai lần.

Phàm người nói dối thường nghĩ trong tâm rằng: ta sẽ nói dối và nói ra bằng lời.

Người bị người nói dối cũng có hai lần là: nghe lời nói. Và lời ấy đã vào tâm.

Theo Phật giáo dạy tất cả chúng sinh là người và thú đều có Tứ đại và ngũ uẩn như nhau, nhưng sở dĩ mà người được đứng vào địa vị cao hơn thú vì người có *luong tâm*. Ý tôi muốn nói rằng trong lòng người ai ai cũng có thiện pháp (như năm điều răn của Đức Thế Tôn đã giáo truyền). Nếu con người không có thiện pháp trong tâm thì không khác nào là con thú mà có thể còn làm nhiều việc ác vĩ đại hơn thú nữa.

Sở dĩ mà tôi nói đây để ông nhìn thấy cái cao thượng của thiện pháp là ngũ giới. Nếu người mà thiếu thiện pháp ấy gọi là thiếu Manussadhamma nghĩa là thiếu *Pháp làm người*, chúng ta thường gọi là *Nhân đạo*.

Nói về người nói dối, trước khi chưa nói dối thì tâm không thiên về ác pháp, khi vừa định nói dối thì tâm đã từ chỗ thiện hay không thiện, không ác đã xuống một bậc là gần nơi thấp hèn chính là ác pháp rồi, người khi ấy đã bỏ quên nhân tính và để thú tính chen vào. Tâm ấy cũng đã đang bị Tam độc là tham lam, sân hận, si mê xâm chiếm và đang điều khiển nên phải hành động theo nó. Tóm lại người đang suy nghĩ để nói dối là tâm đang ở trong tà tư

duy. Tâm con người đang ở nơi sạch sẽ mà lại xuống thấp đi một bậc điều này cũng ví như người có vật báu bị kẻ trộm lấy mất. Người ấy ví như tâm, vật báu ấy là giới đức trong sạch. Còn kẻ trộm ấy là ác pháp. Ác pháp chen vào tâm ta rất dễ và lấy cắp vật quý của ta càng dễ hơn. Vì vậy người muốn trì giới trong sạch cần phải có trí nhớ để canh chừng pháp ác, như cảnh sát luôn luôn trông chừng kẻ trộm vậy.

Quả báo đáng sợ nhất là người hay nói dối khi đến già hay lẫn, nếu không thì tâm cũng không được minh mẫn, hay quên vì lẽ tâm thường hay thay đổi không ngừng nghỉ, nhất là tâm không thành thật thì càng vọng động và thay đổi hơn. Chúng ta nên nghĩ lại lời nói dối của mình trong buổi sáng, đến chiều nếu có ai hỏi lại chuyện nói dối ban sáng thì tất nhiên tâm thấy bối ngỡ, dầu có thuật chuyện đó lại cũng thiếu sót hay không cũng dư, vì chuyện ấy không có sự thật nên tâm không nhớ kỹ nổi. Hơn nữa, khi nói dối tâm làm việc rất nặng nề vì nó phải cố gắng nhớ lời nói dối, để phòng sau này ai có hỏi nói lại cho đúng. Xin hãy nhớ kỹ lời nói dối của người, dầu chuẩn bị chu đáo đến đâu cũng vẫn còn sơ hở, và rồi sau cùng người ta cũng biết rằng: đó là chuyện không thật. Đó mới là cái hậu quả của người nói dối.

Người sở dĩ thích nói dối vì nghĩ: sự nói dối đem lợi ích đến cho họ, nếu không dối thì sẽ không có lợi. Như hai người đi buôn, một người nói dối được nhiều người tin tưởng và hàng cũng bán chạy hơn, mặc dầu hàng ấy không tốt lắm, còn người nói chân thật nên bán không được cao giá và ít người tin tưởng. Còn có nhiều người nhất định nếu không nói dối là không buôn bán được.

Tôi không dám bàn qua những câu chuyện của cá nhân nào, vì tôi không phải là người buôn, nên không biết được việc làm của người. Đây tôi chỉ là người thuật lại lời Đức Phật dạy, trước hết chúng ta nên nghĩ tại sao Đức Thế Tôn dạy hàng Phật tử: không nên nói dối, phải hết lòng tránh xa sự nói dối.

Đức Phật cấm hàng tín đồ không nên nói dối vì ngài muốn Phật tử phải là người lương thiện, phải đối với thế nhân một tấm lòng thành thật, ngài dạy hàng Phật tử trở nên người dân lương thiện, người bạn chân thành, người chồng có phẩm hạnh đáng được vợ kính yêu, người chỉ có được sự thành thật. Đức Thế Tôn dạy chúng sinh không nên nói dối. Ngài không sợ chúng sinh dối Ngài, mà Ngài chỉ sợ chúng sinh làm tội phải luân hồi khổ mãi mà thôi.

Nếu người nghĩ rằng: nói dối đem sự lợi ích đến cho mình, trái lại người ấy chỉ thấy sự lợi ích thiên cận riêng cho bản thân mình, không nghĩ xa hơn sự lợi ích lâu dài của những việc làm khác khi người bị lường gạt hay bị dối, họ đem chuyện xấu của người doái họ ra thuật cho nhiều người nghe, tất nhiên

người nói dối sẽ mất nhiều tín nhiệm. Chắc chắn đã có nhiều người lâm vào cảnh này.

Vì lẽ có nhiều người hay nói dối về phương diện buôn bán nên chính chủ phải lập ra ban kiểm soát giá cả, và hàng hóa... nếu người buôn bán ai ai cũng thành thật theo chỉ thị của chính phủ thì Chính phủ khỏi phải tốn tiền lập ra cảnh sát kinh tế để theo dõi gian thương.

HỎI: *Nói chuyện buôn bán tôi mới nhớ đến người bán đồ lậu thuế như đem vàng bạc vào hoặc đem ra mà không trình nơi ty quan thuế, hoặc bán chợ đen có phạm vào điều răn của Đức Thế Tôn không?*

ĐÁP: nhiều người hiểu hai tiếng pháp luật không đúng với ý nghĩa của nó. Người tu Phật hiểu tieáng pháp là lời giảng dạy của Đức Phật, còn luật là điều răn của Phật. Pháp là phương pháp Đức Thế Tôn dạy chú trọng dạy về tâm có nghĩa là dạy cách thức ngăn đỡ tâm không cho làm tội lỗi và bắt buộc tâm phải bỏ những điều ác ở trong tâm ra. Còn luật là phương pháp ngăn ngừa thân, và khẩu không cho làm những việc ác. Còn người đời hiểu pháp luật là chính sách của chính phủ ban hành. Người nào không tuân theo thì bị chính phủ trừng phạt tùy theo tội trạng.

Sự thật của hai tiếng pháp luật của nhà Phật có ý nghĩa cũng giống với pháp luật của chính phủ. Vì vậy người phạm vào luật của chính quyền thì đối với pháp luật của nhà Phật cũng có tội.

Nói đến người bán đồ lậu, người ấy có tác ý và đang cố gắng đưa đồ ấy cho khỏi sự kiểm soát của ty quan thuế mặc dầu ty quan thuế không biết chằng nữa mà người ấy đã đem qua lọt. Khi đem đồ ấy qua khỏi nơi kiểm soát là phạm vào giới trộm cắp mà Đức Thế Tôn đã giáo truyền. Ý kiến riêng của tôi trộm của chính phủ tội càng nặng vì của chính phủ là của đóng góp chung của dân chúng. Còn nói đến vấn đề bán chợ đen, người Phật tử chân chính nên tránh xa vì đó kể như là tội làm giàu trên sự đau khổ của người khác. Người tiêu thụ biết rõ rằng: Mình bị lường, cướp, nhưng không thể nói ra được. Vì vậy chính phủ mới có điều luật cấm bán chợ đen.

Nói một cách dễ hiểu hơn là: Khi người làm điều nào phạm vào luật pháp của chính quyền là phạm vào điều học của nhà Phật rồi. Như tôi đã nói với ông tiếng pháp luật của nhà Phật có ý nghĩa giống với Pháp luật của chính quyền.

HỎI: *Thưa ông, tôi hỏi ông lạc đề rồi, xin trở lại vấn đề nói dối. Thưa ông, người bị tình nghi là phạm tội, khi đã đem ra xét xử họ không chối mà cũng không nhận tội, họ nín thinh mãi, vậy người ấy có phạm vào tội nói dối không?*

ĐÁP: Như tôi đã nói, người phạm vào giới nói dối phải hội đủ bốn chi.

Nói về mặt luật không có phương pháp nào châm chế cho người phạm tội được, không thể thiên vị. Vì vậy nên đôi khi lặng thinh cũng vẫn phạm vào tội nói dối, hay người ấy đầu lỗi bằng cách nào chẳng hạn nhưng người ta biết rằng: Người ấy nói những gì. Có khi người ta gạt đầu hay nháy mắt hoặc mím môi đó là dấu hiệu của sự nói dối. Trong Tạng Luật nói về thầy Tỳ khuru khi đã phạm tội chư luật sư hội lại để xét tội, vị Tỳ khuru phạm vào tội nín thinh không nói có hay không. Tội kia chưa biết ra sao, nhưng đã thêm vào cho mình một tội nữa là nói dối.

Điều học thứ năm: Tránh xa sự dễ duôi uống rượu và các chất say.

HỎI: Thưa ông, điều răn thứ năm Đức Thế Tôn dạy những gì?

ĐÁP: Điều thứ năm là *Sura-mereyya-majja-pamàdatthànà veramani* nghĩa là: Tác ý cố tránh xa sự dễ duôi uống rượu.

Trọng điểm của điều học này: Điều răn này là cố ý dạy chúng sinh nên giữ cho có trí nhớ không nên dễ duôi đem chất say vào mình.

Điều răn: Không nên uống tất cả những thứ nước nào có chất say là nguyên nhân làm cho con người mất trí nhớ, dễ duôi làm những điều tội lỗi.

Có hai thứ nước say:

1. Surà, rượu. Ý nói thứ nước mà người ta phải nấu bằng các chất khi người uống vào say làm mất trí nhớ trở nên người hung dữ, nếu không hung dữ cũng làm cho mất bản tính con người.

2. Merayya: Nước say này không phải nấu bằng các chất khác mà vì các chất ấy ngâm lâu ngày biến thành thứ nước say. Như chất nước thốt nốt, trước nguyên chất nó ngọt, nhưng để lâu thành ra chất say, người ta gọi là rượu thốt nốt.

Giới không uống rượu có bốn chi:

- Madaniyam, Rượu (chất say).
- Pàtukammayatàcittam, Tâm tính uống rượu.
- Tajjo vayàmo, Ráng uống rượu, hay cố ý uống rượu.
- Pitappasevanam, Đã uống rượu ấy.

Khi người thấy mình đã phạm đủ vào bốn chi này là phạm giới cấm không uống rượu, nếu không đủ chi gọi là giới baát tịnh.

Giải thích bốn chi:

1. Nước mà người uống ấy phải là rượu. Khi thấy rượu mà tưởng là nước, uống vào mới biết là rượu, vì không có tác yù nên không phạm. Làm vật thực để vào một ít để báng mùi hôi của món ăn, đây kể như mùi gia vị vì nó không có mùi rượu, vị rượu, và làm cho người say.

2. Điều thứ nhì: Tâm tính uống rượu, ý nói người ấy cố uống cho được, hay là đang tính uống khi người muốn uống rượu như vậy, thấy chai đựng nước

tướng là rượu cổ lén lấy để mà uống, mặc dầu tác ý uống rượu nhưng nước ấy không phải là rượu nên khi uống vào không say không có tội.

3. Điều thứ ba. Cổ uống rượu, hay ráng sức uống rượu. Ý nói người ấy tính uống rượu lấy rượu ra rót và đưa vào miệng uống, rượu ấy trôi qua cổ vào bụng hoặc người bị cha mẹ vợ con, hay bác sĩ không cho uống rượu. Người bị cấm ấy cố tìm lấy rượu trong nhà hay mua lén uống cho thỏa thích, trong khi rót rượu ra uống, khi ấy gọi là *cổ uống* hay *ráng uống*. (Sở dĩ nơi đây tôi phải nói rõ là rượu qua khỏi cổ vào bụng, đoạn này với văn chương Việt Nam thật là thừa. Nhưng theo luật phải nói cho rõ như vậy để khỏi có sự cãi vã sau. Nên điều luật của Đức Phật đã chế ngự khó cho người phạm tội chối cãi và cũng để cho luật sư nghị tội).

Khi người đi chơi gặp bạn đang uống rượu, bạn mời uống, lại uống với bạn vì trong thâm tâm nghĩ rằng: Tôi không cố uống rượu nhưng tại bạn mời, thật là trường hợp bất khả kháng. Mặc dầu nghĩ vậy mới uống, nhưng khi rượu ấy qua khỏi cổ là phạm vào giới cấm uống rượu.

Nói cổ hay là ráng đây ý nói lấy rượu ra rót vào vật đựng rồi đưa đến miệng uống.

4. Điều thứ tư là điều trọng yếu nhất, người đã nuốt rượu ấy qua khỏi cổ. Nếu người cố uống, nhưng khi vừa ngậm rượu vào miệng nhớ lại giới hạnh của mình, lập tức nhổ ra không để rượu ấy qua khỏi cổ. Như thế chưa phạm vào tội uống rượu.

HỎI: Thưa ông, tại sao Đức Thế Tôn răn không cho uống rượu?

ĐÁP: Sở dĩ Đức Thế Tôn cấm uống rượu vì Ngài nhận thấy có sáu điều tai hại đối với người uống rượu.

1/- Làm cho hao tiền tốn của. Điều này chắc chắn không ai nghi ngờ gì được, vì rượu chúng ta không tự làm lấy được. Nếu có làm được chẳng nữa cũng tốn nhiều công phu thời giờ và chúng ta cũng không tự nấu được, nếu có tự nấu được chẳng nữa cũng tốn công của như củi. Theo luật lệ hiện hành thì không ai được quyền tự do nấu rượu.

Có người bảo tôi chỉ uống ít thôi, uống cho tiêu vật thực thì nào có hại gì, Tôi không phủ nhận điều này, vì một khi người đã thích uống rượu, dầu ta có nói sao cũng không thể ngăn cản được. Nhưng riêng tôi, tôi muốn nói rằng: từ ít đến nhiều thật không xa mấy. Ví như người đứng giữa rồi đào đất quanh mình mỗi ngày chừng 5cm thôi, thử hỏi đào như thế trong một năm coi có thể chôn người ấy được không?

Ta quên tính tới tiền mua rượu mỗi ngày, nếu uống ít vậy, mỗi ngày chừng bao nhiêu. Thôi ta cho mỗi ngày 5 đồng. Vậy mỗi tháng hết bao nhiêu, một năm bao nhiêu... Khi ta tính ra mới thấy số tiền ấy lớn. Vì thế nên Đức Thế Tôn dạy điều thứ nhất là tốn tiền mua.

2/- Rượu là nhân sanh ra sự gây gổ, hay cãi vã nhau. Các ông cũng từng thấy người say thường thì hay la lối om sòm, cãi vã nhau, có khi chửi mắng nhau, hay kiếm chuyện gây sự với người hàng xóm, nếu không thì gây sự với vợ con, có người khi chưa say thì hiền lành thật là deã mển, khi say rồi trở nên hung dữ, có những việc khi chưa say không bao giờ dám làm, nhưng khi say thì không biết lẽ phải nữa.

3/- Rượu là nguyên nhân làm cho người sinh bệnh. Tôi không phải bác sĩ, nói như vậy để ông không nghĩ rằng tôi bịa chuyện, tôi xin thuật lại những điều mà các vị bác sĩ chuyên môn đã nói để ông dễ tin hơn.

Ở Mỹ có hội bài trừ rượu Alcoholics Anonymous. Hội này có sưu tầm những lời dạy của các vị bác sĩ chuyên nghiên cứu về hậu quả do rượu gây ra, có thu thập những điều tai hại làm cho người uống rượu phải sinh ra nhiều chứng bệnh:

- Pathological: bệnh say.

- Delirium Tremens: bệnh sốt rượu có thể mê man vì sốt từ ba đến mười ngày. Hãy thận trọng trông nom người này sẽ trở nên người mê và thấy cảnh tượng hãi hùng.

- Korsakoff's syndrome: bệnh rượu làm hại thần kinh không thích ăn uống, tê bại, hay nói lịu và nói nhảm.

- Acute hallucinosis: bệnh rượu làm hại tinh thần.

Tâm người say thường nhận định sai lầm, hiểu sai lầm và thường hay kinh sợ chuyện ảo tưởng. Có khi thấy những màu sắc kỳ lạ mà người thường không thấy được. Chịu không nổi với những sự việc đã thấy nên la lối, chửi rủa, và đập phá.

Ngoài ra người ta thử tính ở Mỹ có khoảng 5 tới 8 triệu người như điên làm hại lợi tức quốc gia với 8.000 triệu mỹ kim mỗi năm.

Ở Budapest người ta chứng nhận rằng 80% người tự tử đều là người say. Bác sĩ Foreil tổng cộng ở Thụy Sĩ, 3/4 người ra trước pháp luật vì nguyên nhân là say. Có 1/3 người phải đi điều trị ở dưỡng đường, đây chỉ nói một số rất nhỏ mà tôi được đọc báo biết thôi. Còn ngoài ra thì không biết bao nhiêu tai hại khác nữa.

Như thế này chắc ông đã nhận thấy cái hại của rượu tới mức độ nào rồi. Những điều tôi thuật lại đây do một vị bác sĩ người Thái tên Prasub ratankorn là vị bác sĩ rất có tiếng trị về tâm bệnh và ông có đi tham khảo ở Mỹ.

4/- Rượu làm mất danh giá của người say. Thật ra người say rượu có thể làm những điều mà khi chưa say không bao giờ dám nghĩ tới. Nhưng khi đã say rồi thì chẳng những việc nhỏ mà việc quan trọng cũng có thể làm. Điều đáng chú ý là: Nếu người say có nói điều gì đầu thật cũng ít có người tin,

nếu không muốn nói là không ai tin. Người ta thường cho là: Lời nói của người say không có giá trị gì hết.

5/- Rượu làm cho người say không biết thẹn. Cũng một người ấy, nếu ta gặp họ trong lúc chưa say thì ta thấy họ nói năng rất lễ phép, ăn mặc đàng hoàng, nhưng nếu ta gặp lại người ấy lúc đang say, thì hẳn thấy phong độ thay đổi khác liền, nói năng không nên câu, nên lời gì cả, quần áo xóc xếch mất hết tư cách của người trí thức. Đi ngã nghiêng ngã xẹo không còn chút hổ thẹn với việc làm của mình. Nhưng nếu khi ấy ai nói họ say thì họ rầy rắm. Có lắm lúc cũng dám nằm bờ, ngủ bụi nữa.

Nói tóm lại, người đã say rồi không còn biết mình là ai thì đâu còn biết hổ thẹn và xấu xa.

6/- Rượu làm giảm trí tuệ và trí nhớ. Khi người uống nhiều rượu quá thì hay lẫn lộn và rất mau quên. Trí tuệ hao mòn, có khi phải điên vì rượu. Người tài giỏi đến đâu khi đã say rồi thì không còn dùng đâu được, người ấy tự làm cho mình mất hết tín nhiệm, người đã tin cậy dần dần cũng giảm đức tin.

Nếu ông muốn biết rõ tai hại của uống rượu, xin hãy xem quyển "38 pháp hạnh phúc" của tôi đã xuất bản. Xem "Pháp an lành thứ 20".

Người không uống rượu sẽ được 10 điều hạnh phúc.

- 1)- Là người có nhiều trí nhớ, được danh thơm tiếng tốt, có nhiều người kính nể.
- 2)- Không hay quên, không dễ duôi, không phạm vào điều răn của Đức Phật.
- 3)- Không có sự kính sợ, không có oan trái, ai ai cũng thương mến, yêu kính.
- 4)- Không mất tiền mua rượu, không gây gổ với mọi người, ít bệnh. Không bị giảm sức khỏe và trí tuệ, không bị người đời chỉ trích.
- 5)- Tự mình tạo cho mình một nơi nương nhờ cao thượng.
- 6)- Người đã giành sẵn vật thực ăn theo đường xa là đi đến nơi giải thoát, hay là đi đến cõi Trời.
- 7)- Đã có được của báu của Chư thánh hơn để trong tâm.
- 8)- Được sanh về nơi nhân cảnh: người, trời và Niết bàn.
- 9)- Được gọi là người thừa hành theo chính đạo.
- 10)- Tự mình đi ra khỏi vòng luân hồi.

HỎI: Theo lời chỉ giáo của ông đã giải tỏa được sự nghi ngờ tôi, hôm nay tôi mới nhận thấy: Phật giáo là một con đường để cho mọi người đi không phân biệt giai cấp, và con đường ấy không có sự nguy hiểm, chúng sinh nào đi theo đường ấy sẽ tránh khỏi nhiều tai nạn và được an vui.

Tôi còn nhớ mãi một câu chuyện về người say rượu. Người ấy đang say nhưng nghe nói làm phước và trong lễ làm phước ấy có thuyết pháp, người

ấy phát tâm tin thành trong sạch, đến thọ giới vì thấy mình không trong sạch. Sự thật người ấy có chất say trong người nếu không muốn nói người ấy đang say. Vậy khi người ấy thọ giới có giới hay không?

ĐÁP: vấn đề này có thể chia ra làm hai phần là:

1- Người say ấy, say đến nỗi không còn trí nhớ và biết mình. Nếu như thế thì tác ý của người ấy không được hoàn toàn nên không thể nói người ấy có giới, nhưng nói về phước thì tôi không phủ nhận là không có, nhưng có không hoàn toàn tròn đủ như người thường. Sở dĩ người đó có một phần phước là do tâm trong sạch và muốn làm lành.

2- Nếu người say ít, danh từ của giới uống rượu gọi là ngà ngà hay ba ngù, người này vẫn còn sáng suốt còn phân biệt phải trái và tác ý họ vẫn còn trong sạch không lầm lẫn. Khi có ý thọ giới thì giới họ có cũng như người không say.

HỎI: *Thưa ông, nếu nói cho đúng, người say mà còn hơi tỉnh, hay gọi là ngà ngà ấy thọ giới có giới trong sạch như người thường? Vậy lượng rượu mà ông ấy đưa vào bụng thì phải tính sau đây? Và nếu nói người ấy có giới, vậy phước của họ có tròn đủ hay không?*

ĐÁP: Phạm người say quá độ, trí nhớ không còn, nên tác ý không được hoàn toàn, mặc dầu khi họ xin thọ giới cũng là một thiện tâm, nhưng trí nhớ không đủ sức giữ tâm bình tĩnh nên không hoàn toàn mỹ mãn được. Nhưng đối với người ngà ngà còn trí nhớ và biết mình đầy đủ khi họ thọ giới thì giới vẫn trong sạch. Còn rượu trong bụng không thành vấn đề và nó thuộc về quá khứ. Nếu sau khi thọ giới xong, người ấy còn tái phạm là người phá giới. Còn nói về phước, khi người có đủ tác ý và thọ trì vâng giữ hành theo sau khi đã được truyền giới thì vẫn có phước như chúng ta vậy.

HỎI: *Thưa ông, khi muốn thành một người thiện nam hay tín nữ phải có thể thức làm sao để nhập môn?*

ĐÁP: Theo Phật pháp thì trở thành thiện nam hay tín nữ không có gì gọi là khó, vì không bắt buộc phát nguyện phải thừa hành hay tin nơi Phật giáo, không được xem Kinh luật của chi đạo khác. Nói tóm lại là không có sự bắt buộc, nói ra thật dài dòng, muốn khỏi mất thì giờ quý báu của ông, tôi xin tặng ông một quyển *Nhật hành* của Ngài Hộ Tông sưu tập là một bộ kim chỉ nam cho người mới bắt đầu tu Phật, ông xem sẽ hiểu làm thế nào để trở thành thiện nam, tín nữ.

Phạm người giữ giới phải có thêm 5 pháp nữa gọi là Pancadhamma mà cũng gọi là Klayànadhamma có nghĩa là pháp bạn của Ngũ giới.

Đã là Phật tử thì ai ai cũng biết rằng: Phật pháp chia ra làm hai phần: Kinh và Luật. Kinh và Luật ấy có cả thảy 8 muôn bốn ngàn pháp môn.

Kinh là phần chuyên về phương pháp dạy và sửa chữa tâm. Có nhiều phương pháp tùy theo duyên lành của chúng sinh mà Đức Phật thuyết pháp để tế độ.

Luật là những điều răn dạy để kiềm chế thân khẩu không cho phạm vào những điều tội lỗi gọi là giới.

HỎI: *Còn luận là những gì tôi không nghe ông đề cập tới?*

ĐÁP: Khi Đức Thế Tôn còn tại thế Ngài không nói gì về luận. Ngài chỉ nói Kinh luật thôi. Nhưng sau khi Đức Thế Tôn nhập diệt kết tập Tam tạng lần thứ nhất, chư thánh tăng làm lễ kết tập xong, các Ngài mới chọn. Những đoạn kinh nào nói về tâm, Ý, danh sắc và Niết bàn, các Ngài đề riêng gọi là Abhidhamma, dịch là Vi diệu pháp, nghĩa là kinh ấy có lý thuyết cao siêu, khó thông đạt được, chúng ta thường gọi là luận. Kỳ thật lời Phật dạy chỉ có kinh và luật thôi.

HỎI: *Xin cho tôi hỏi thêm, đã nói người thọ trì giới luật trong sạch là người lành mà còn phải có pháp gì đi đôi với giới nữa, tại sao không nói luôn là 10 giới.*

ĐÁP: Tôi không phủ nhận sự trong sạch của người thọ trì giới luật là điều học chín chắn làm cho người trong sạch đáng kính trọng. Nhưng sự thọ trì giới trong sạch đó chỉ mới là bước đầu tiên của sự tu tập để đi đến nơi giải thoát chứ không phải tuyệt đối trong sạch. Năm pháp mà tôi nói đây đi đôi với giới luật thì càng làm cho giới luật người thọ trì ấy càng thêm vững mạnh có nhiều năng lực mạnh tiến trên đường giải thoát hơn là không có. Nếu trường hợp người không có thêm năm pháp bạn của giới, thì giới cũng vẫn trong sạch nhưng không mạnh tiến bằng có thêm năm pháp ấy. Tôi xin ví dụ cho ông thấy là người thọ giới trong sạch khi thấy người chết đuối mà không chịu cứu trong khi người ấy có thể cứu được, thực ra giới hạnh của người ấy không có hại chi hết, nhưng thật ra không hoàn toàn có lòng từ bi thương hại kẻ khác. Vì vậy nên cần có thêm người bạn lành của giới, khi người đã thọ giới không sát sinh cần phải tạo thêm pháp lành là phóng sanh hay giúp cho nhân vật khác thoát khỏi nạn tai.

Sự thật không sát sinh gọi là người hành theo lời răn dạy của Đức Thế Tôn là hành theo luật.

Người cứu kẻ bị nạn sắp chết, hay phóng sanh là người hành đúng theo Pháp từ của Phật dạy.

Phật dạy chúng sinh:

1/- Xa lánh các điều ác là trì giới.

2/- Cố gắng làm thêm các việc lành là theo kinh hay gọi là theo pháp.

Tôi muốn nói pháp nơi đây là 5 pháp bạn của giới. Khi người giữ giới có 5 pháp này đi đôi làm cho giới càng trong sạch, tiến hóa mau lẹ.

Năm pháp ấy là:

1/- **Mettakaruna**, Từ và Bi. Hai pháp này đi đôi với giới không sát sinh. Sở dĩ mà người trì giới được trong sạch là do nhờ có lòng thương hại nhân vật ngoài mình ra, và hết lòng giúp đỡ, không đánh đập hành hạ. Hợp với không giết gọi là Nhân.

2/- **Sammàjiva**, chính mạng. Pháp này đi đôi với giới không trộm cắp. Vì người nuôi mạng chân chính không khi nào làm điều gì trái với pháp luật nhất là sự trộm cắp. Điều này hợp với không giết gọi là Nghĩa.

3/- **Kàmasamvara**, thu thúc trong tình dục. Pháp này đi đôi với giới không tà dâm. Khi người có hạnh này thì không bao giờ ngoại tình, hay làm chuyện tồi phong bại tục. Điều này hợp với không giết gọi là Lễ.

4/- **Saccavàcà**, nói lời chân thật. Điều này đối nghịch với sự nói dối. Vì khi người nói lời chân thật không bao giờ biết thất hứa, nghĩa là giữ được lời hứa của mình. Điều này hợp với không giết gọi là Tín.

5/- **Sati**, nghĩa là trí nhớ. Điều này đi đôi với giới không uống rượu. Khi người có trí nhớ là người không dễ dãi, nghĩa là không bao giờ dám uống rượu, hoặc để một tí rượu nào qua khỏi cổ. Nhờ có trí nhớ nên chận đứng không cho quên mình chạy theo lợi quyền hay sự quyến rũ của thể nhân mà uống rượu. Điều này hợp với không giết gọi là Trí.

Ngũ giới có chỗ gọi là Manussadhamma có nghĩa là pháp hằng nằm trong tâm của người (nhân đạo). Phạm con người và thú giống nhau ở chỗ có thân tứ đại, ngũ uẩn, ăn ngủ, tình dục và thay đồ vật thật cũ trong bao tử ra. Nhưng sở dĩ mà người hơn thú ở chỗ trong tâm có năm pháp là ngũ giới. Nếu người mà thiếu 5 pháp ấy thì chắc ông cũng biết là thể nào, xin miễn giải.

Phạm ngữ tiếng Manussa ta cắt nghĩa là người. Tiếng người của ta không biết bao hàm ý nghĩa là gì chớ tiếng Manussa bao hàm một ý nghĩa thật là sâu xa và rất thâm thúy. Đây tôi xin chiết tự tiếng Manussa.

Trước khi biến thể ra tiếng Manu là Mana, Hán âm là Mạc na ta cắt nghĩa là Tâm. Thêm vào tiếp vị ngữ là Ussa. Ussa có nghĩa là cao thượng, hai tiếng ấy ráp với nhau là Manu + Nusa thành Manussa có nghĩa là chúng sinh nào thuộc vào hạng có tâm cao thượng chúng sinh ấy gọi là Manussa, người (nhân). Nếu mang lấy cái thân người mà tâm không cao thượng thì chỉ là cái hình nộm mà thôi.

Vì vậy người thọ trì ngũ giới cho trong sạch gọi là người có Manussadhamma, nghĩa là pháp của con người, hay ta có thể gọi là nhân đạo.

Chủ đề NGHIỆP BÁO

-oOo-

HỎI: Thưa ông, tôi làm mất thì giờ của ông nhiều, nhưng tôi thấy rằng, tôi chưa thông suốt, xin ông cho phép tôi hỏi thêm. Thưa ông, người đã phạm vào một điều răn nào và bị tù đầy rồi, theo tôi nghĩ người ấy đã trả xong tội. Không biết đối với đạo còn có tội nữa không? Nghĩa là phải sanh vào một ác đạo nào để chịu tội nữa không?

ĐÁP: Nói về Nghiệp thì không ai có quyền, hay có thể định đoạt được số mạng của người khác được. Như nói: Nghiệp ấy trả quả chừng ấy cũng đủ rồi, hoặc chưa đủ phải trả thêm nữa. Chỉ có đức Thế tôn mới thấy rõ nghiệp ấy còn trả quả nữa hay không. Ngài thấy bằng tuệ giác của ngài. Tôi xin nhắc ông một lần nữa: Ngài thấy bằng tuệ giác chứ không phải Ngài có quyền cho tội phước cho một chúng sinh nào hết, và Ngài cũng không thể ngăn đón nghiệp giùm cho một chúng sinh nào cả.

Ngài chỉ dạy chúng sinh lánh điều dữ làm việc thiện mà thôi. Khi người làm điều ác thì phải bị thọ khổ, nếu hành theo Thiện nghiệp thì sẽ được hưởng an vui.

Tóm lại, nghiệp ấy còn trả quả hay không đều do nơi hành động của người trong cuộc. Vì vậy nên nói về nghiệp không có ai có thể nhất định như thế này thế nọ, vì nó thuộc về hậu quả sự tạo tác của con người. Tôi muốn nói là **do nơi tác ý** khi tạo nghiệp.

HỎI: Thưa ông, xin cho tôi biết dứt khoát rằng: "Nghiệp ấy còn trả quả nữa không? "

ĐÁP: Như tôi đã nói: Không ai có thể giải quyết dứt khoát được rằng: Anh A hay anh B bị ở tù là trả xong tội ấy rồi, nghiệp ấy không còn hay trả quả nữa. Tại sao? Vì nghiệp có nhiều thứ khác nhau và sự trả quả không giống nhau. Có nghiệp khi đã trả quả kiếp này xong, còn theo đến nhiều kiếp sau. Có nghiệp chỉ trả quả trong một kiếp này rồi thôi không theo trả nữa.

HỎI: Thưa ông, vậy trong 12 cái nghiệp có cái gọi là **Quá nghiệp** vậy nghĩa là gì?

ĐÁP: Quá nghiệp Phạn ngữ gọi là Ahosikamma có nghĩa là Nghiệp trả quả xong rồi không theo trả quả nữa. Ví như người chủ nợ lấy đủ vốn lời rồi không theo đòi thêm nữa.

Sở dĩ nghiệp ấy không theo đòi nữa vì có nhiều nguyên nhân:

1. Vì nghiệp ấy không phải là Garuhamma, nghĩa là đại nghiệp có nơi cũng gọi là Trọng nghiệp; nên chi không đủ sức theo dính bên người để trả quả thêm. Hơn nữa khi người phạm tội biết ăn năn cải tạo đời mình, nghĩa là biết

tu hành tinh tấn nên nhờ Thiện nghiệp ấy chạy mau nên nghiệp kia không thể chạy theo kịp trả quả. Đây không có nghĩa là mất luôn, nghiệp ấy vẫn cố gắng chạy theo nhưng không có cơ hội thuận tiện nên không trả được. Nghĩa là khi nào đến Niết bàn mới có thể nói Quá nghiệp.

2. Hoặc nghiệp ấy là đại nghiệp, nhưng kịp thời ăn năn lo tu hành tinh tấn đắc A La Hán quả và đã nhập Niết bàn, nghiệp ấy không còn cơ hội trả quả. Như tích Ngài vô não. Khi còn là tướng cướp, Ngài giết hàng muôn người.

Sau khi xuất gia đầu Phật, Ngài ráng tu hành tinh tấn đắc A La Hán, nhập Niết bàn, thì những nghiệp Ngài đã tạo chỉ trả quả cho Ngài rất nhẹ khi Ngài chưa đắc A la hán quả thôi. Nghiệp ấy trả quả như thế này, khi Ngài xuất gia đi khất thực bị người dùng đá ném Ngài lỗ đầu chảy máu, y rách, bát bể. Tôi không ngụ ý nói khi đắc A La Hán quả không bị trả quả, nhưng nhờ sự tu hành của Ngài nên Nghiệp ác theo chưa kịp thôi.

Xin ông nên nhớ rằng: Quá nghiệp không có nghĩa là không trả quả, nhưng có nghĩa là: Sở dĩ nghiệp ấy chưa trả quả hay không trả vì theo không kịp thôi.

HỎI: *Thưa ông, người điên làm quấy có tội hay không? Theo ý kiến cá nhân tôi hành động của người điên làm không có tội vì người ấy không có trí nhớ, không phân biệt được phải quấy, hay nói theo giáo lý nhà Phật gọi là có Tác ý chắc là khỏi tội.*

ĐÁP: Theo lời Phật dạy nên tin ở Nghiệp, vì có câu Phật ngôn *Cetanàham bhikkhave kammam vadàmi*, nghĩa là: *Này các thầy Tỳ Khuru, Như Lai dạy rằng Tác Ý là Nghiệp*. Cũng nên hiểu rõ câu Phật ngôn rằng: Con người làm việc gì cũng do nơi tác ý làm chủ động. Người thiếu trí nhớ và biết mình thì làm việc gì mặc dầu có tác ý cũng khó mà có kết quả mỹ mãn được.

Theo Phật giáo Nghiệp chia ra làm 12 điều khác nhau. Một trong 12 điều ấy có Nghiệp, Phạn ngữ gọi là Kattatàkamma ta cắt nghĩa là Hoặc Nghiệp là hành động thiếu chú tâm. Những hành động như thế đem lại kết quả rất ít. Nếu đem việc này so sánh với việc làm của người điên vẫn còn hơn.

HỎI: *Thưa ông, tôi vẫn còn nghi ngờ từ Cetanà dịch là Tác ý. Thưa ông, không biết từ gọi là Tác ý aáy có ý nghĩa thế nào, có thể nói là Cố tâm, Quan tâm hay Chú tâm được không?*

ĐÁP: Được, có thể có ý nghĩa như vậy.

HỎI: *Nếu vậy thì tôi tin rằng: Người điên cũng có chú tâm, Cố tâm. Như khi người điên giận hay oán ghét ai, họ đánh chửi, hoặc giết hại người ấy chớ không làm hại người khác. Vì vậy tôi tin rằng: Người điên cũng có tác ý,*

nhưng thiếu trí nhớ và biết mình như người thường. Vậy người điên làm như thế có tội hoàn toàn như người thường không?

ĐÁP: Sự thật không như lời ông buộc tội, mặc dầu người điên ấy cố ý thật, nhưng họ vẫn thiếu trí nhớ và biết mình, và chính người ấy cũng không hề biết mình làm như thế là sai, là có tội. Vì lẽ thiếu hai pháp trên nên người điên không bị hậu quả nặng bằng người không điên. Ta có thể nói nghiệp mà người điên đã tạo vẫn có hậu quả ít hơn nghiệp mà người thường tạo gọi là Hoặc Nghiệp.

Nếu nói về điên, theo Phật dạy trong tạng luật, thầy Tỳ khưu điên không phạm giới. Đức Thế Tôn dạy: Khi mà người điên không còn phân biệt được phân với vật thực mới gọi là điên và không bị phạm luật.

HỎI: *Xin trở lại vấn đề Nghiệp. Khi nghiệp điên mà có dư sót thì kiếp sau vẫn còn sanh làm người điên. Nhưng hiện nay, khoa hoïc thịnh hành phần đông người ta ít tin nếu không muốn nói là ít người nhìn nhận có nghiệp quá khứ. Vậy xin ông vui lòng giảng giải cho thaáy rõ Nghiệp, và nếu có thể xin đem Nghiệp của Phật giáo ra so sánh với khoa học để cho dễ lãnh hội?*

ĐÁP: Trước hết ta hãy thấy rằng luật nhân quả và nghiệp báo trong Phật giáo rất hợp lý và dễ chứng minh. Người Phật tử không bao giờ tin nơi một vị chúa tể hay vị thần thánh nào có oai lực ban phước hay đem tội đến cho chúng sinh. Ngoài cái định luật tự nhiên của Nghiệp báo không còn có một lý do nào chính đáng khác đáng tin hơn. Đức Thế Tôn có dạy sự an vui hay đau khổ mà chúng ta đang thọ đây là do nơi nghiệp hay có thể nói do hành động của ta trong quá khứ. Như năm rồi làm ruộng nên năm nay mới có gạo ăn. Nhưng có nhiều người còn thắc mắc khi thấy lắm kẻ làm ác mà vẫn giàu sang hạnh phúc, còn người tu hành hay lương thiện trái lại bị hoạn nạn nghèo khổ. Điểm này là nguyên nhân chính làm cho người đời hoài nghi về luật nghiệp báo như trường hợp vừa nêu. Vậy ông nghĩ sao?

HỎI: *Lời tôi hỏi ông trên đây là do sự nghi ngờ của phần đông bạn tôi. Riêng tôi thì tôi nghi ngờ rằng: Nghiệp quá khứ trả quả, nhưng không thấy đưa ra bằng chứng cụ thể nào cho thaáy rõ: đây là do nghiệp quá khứ, hay nghiệp hiện tại. Ví dụ như người kia đang làm ăn chân chính thì bị bắt về tội do người khác phao vu. Vậy xin hỏi tội của người ấy là do nghiệp quá khứ hay do nghiệp hiện tại?*

ĐÁP: Người bỗng dưng bị phao vu, hay bị tai nạn như chết bất đắc kỳ tử đều do nơi nghiệp quá khứ. Còn nghiệp hiện tại là khi người ấy làm chuyện bất chính thật sự nên bị chính quyền xử lý.

HỎI: Thưa ông, còn biết bao nhiêu người làm chuyện phi pháp hay tội lỗi mà họ vẫn an vui phú quý như thường thì sao?

ĐÁP: đó là nghiệp chưa trả quả nên người ấy chưa thọ khổ, ví như người mới vừa trồng cây có chất độc, nhưng chưa tới thời kỳ trở bông sinh trái. Hơn nữa, người ấy tạo nghiệp xấu, nhưng không phải là Garukamma nghĩa là Trọng nghiệp hay có chỗ cũng gọi là Đại nghiệp như giết cha, giết mẹ, làm cho Phật chảy máu, chia rẽ tăng và dâm hãm Tỳ khuru ni. Chỉ có ngũ nghịch đại tội này mới bị trả quả ngay tức khắc trong kiếp hiện tại này.

HỎI: Thưa ông, phóng sanh chim cá có phước thật hay không? Theo ngụ ý của tôi, có phước. Vì mình thấy thương hại nó, cứu chuồng nó ra khỏi cảnh giam cầm hay sắp bị giết. Nhưng tôi có một người bạn, khi thấy phóng sanh chim ông ta phản đối, vì ông ta cho rằng: Phóng sanh như thế thật không có phước; mà mình vô tình bị những người buôn bán chim cá lợi dụng, vì họ biết người tu Phật thường hay phóng sanh, hơi càng bắt nhiều thêm để bán thu lợi. Như ta thấy, mấy ngày rằm lớn chim bán rất chạy và rất đắt. Như vậy, có phải là vô tình ta làm khổ thêm cho loài thú chăng?

ĐÁP: Theo câu hỏi của người bạn ông, ta cần biết tác ý của người mua. Nếu vì lòng Từ, thương hại loài vật nên mua để thả, để giải phóng chúng nó, như vậy là có tác ý lành rồi thì tự nhiên được phước chẳng sai. Thật ra người mua không bao giờ có ý giúp cho người bán thú làm giàu, mà cũng không có ý xúi bả bắt thêm để bán mà buộc người ấy vào tội vô tình bị lợi dụng hoặc làm khổ cho nhân loại.

HỎI: Thưa ông, cũng người bạn này nói với tôi rằng, họ không tin nghiệp. Vì khi anh ta còn nhỏ, rọu chè be beùt, là đứa con xấu nhất trong gia đình. Anh ấy xấu đến độ dám lấy trộm đồ của cha mẹ ông bà đem cầm bán mà không bị ai nghi ngờ chi hết. Tới nay anh ấy cũng chẳng thấy có tội gì, vẫn bình an như thường. Vì lẽ ấy, anh thường bảo tôi rằng: Không có tội phước gì hết, chẳng qua là chuyện "nhát ông Kẹ" cho trẻ nít sợ mà thôi, hoặc tội phước là chuyện may rủi ở đời.

Xin ông vui lòng chỉ bảo tôi, phải trả lời thế nào cho bạn tôi biết rõ đâu là tội, đâu là phước. Anh ta thật tốt, nhưng chỉ không tin gì hết mà thôi.

ĐÁP: Theo Đức Phật dạy, khi người đã làm một điều gì, tức là đã tạo nghiệp, mà khi đã tạo nghiệp thì không bao giờ mất, nó vẫn theo bên ta như hình với bóng. Nghiệp dẫu Thiện hay Ác đều vẫn theo dính bên ta để chờ cơ hội thuận tiện xen vào trả quả. Đức Thế Tôn có dạy nghiệp thiện ác ví như một chuồng bò nhỏ mà nhốt nhiều con bị bỏ đói khát mấy ngày, khi mở chuồng chúng chen nhau mà ra. Nghiệp cũng vậy chúng giành nhau chen nhau để trả quả. Nghiệp nào mạnh thì chen vào trước quả trả trước, yếu theo

sau. Sở dĩ mà nghiệp của người bạn ông chưa trả quả vì nó không phải là trọng nghiệp, nó chưa đủ sức mạnh trả quả sớm đó thôi. Bao giờ nghiệp lành của ông ấy yếu đi, nghiệp xấu sẽ trả quả, chừng đó ông ấy sẽ than van rên xiết.

Phần nhiều người chỉ nhìn vào hiện tại, không nghĩ đến vị lai và quá khứ nên khó phân biệt được nhân quả.

Về thời gian trả quả ta có thể chia nghiệp ra làm 4 loại khác nhau:

1)- *Dittavedaniyakamma* nghĩa là *Hiện nghiệp*, ý nói Hiện nghiệp là nghiệp làm trong kiếp này trả quả liền trong kiếp hiện tại. Mau là trong thời gian bảy ngày. Nếu có trễ lắm, cũng không qua khỏi kiếp này. Như ông Đề Bà Đạt Đa (Devadatta) làm hại Phật, hay nàng Chindh-cha (Cindhà) phao vu Đức Phật ở với bà đến mang thai. Hai người này bị đất sụp rút đi.

Hiện nghiệp trả quả sớm hay muộn còn do nơi nhiều nguyên nhân khác. Người làm phước hay tội có kết quả lành hay dữ đều do nơi những nguyên nhân sau đây:

- *Gatisampatti* nghĩa là Hợp cảnh. Có ý nói chúng sinh tạo nghiệp này phải có thân ngũ uẩn như Người, Trời hay súc sinh.

- *Kàlasampatti*: Hợp thời. Nghĩa là người tạo nghiệp nhằm thời cơ thuận tiện đưa đến. Như sinh lại nhằm lúc Đức Phật còn tại thế, còn có Thánh tăng. Và gặp nhằm lúc có Phật Bích chi, và được cúng dường đến các vị ấy mà nhằm lúc quý Ngài vừa xả Diệt thọ vô tướng định. Nơi đây tôi xin nhắc sơ lược tích của một cô bé giữ vườn bắp (ngô).

Khi Đức Thế Tôn còn tại thế, có một cô làm rẫy bắp, cô ta thật nghèo, phần lớn đời sống của cô ăn ngô khoai ít khi được ăn cơm. Ngày kia cô đi thăm rẫy, cô mang theo bắp rang để ăn trừ cơm. Khi ấy, Đại đức Ca Diếp, sau khi nhập định được bảy ngày, liền xả định. Ngài thường dùng trí tuệ xem coi chúng sinh nào có duyên và trong sạch cúng dường cho Ngài, nhất là người ấy phải là người thật nghèo. Vì Ngài có hạnh nguyện là độ người nghèo.

Thấy cô làm rẫy bắp có duyên với Ngài, khi gặp Ngài thì cô sẽ phát tâm trong sạch cúng dường vật thực cho Ngài, nên Ngài liền đi ngay đến nơi rẫy bắp.

Khi cô gái làm rẫy bắp trông thấy ngài Đại đức thì phát tâm trong sạch, nghĩ rằng: "Lắm khi ta không có vật gì để dâng cúng đến Đại đức thì ta lại gặp Ngài, còn khi ta có vật thực lại không gặp được Ngài. Hôm nay thật là ngày hạnh phúc cho đời ta, là đã sẵn có vật cúng dường mà lại gặp được Đại đức. Vậy ta phải làm việc lành này."

Nghĩ xong cô liền đến đánh lễ Đại đức dâng bắp rang và nói: Xin Ngài mở lòng từ bi tế độ kẻ nghèo khó.

Ngài Đại đức ngừng lại nhận gói bắp rang của cô. Ngài cầu cho cô được như ý nguyện. Sau khi được Ngài Đại đức thọ lãnh vật cúng dường, cô lấy làm

mừng rỡ. Cô đi ngay đến chòi giữ bắp, trên đường đi cô lấy làm mừng vui vì cô thấy đã làm được việc lành. Khi đang vui vẻ như vậy cô bị một con rắn độc cắn chết tại bờ rẫy bắp. Do nhờ phước báo rất sạch dưng cúng đúng vào vị thánh tăng vừa xuất đại định, nên cô được sinh về cõi Trời Đao lợi ở trong một tòa lầu đẹp lộng lẫy, trước hai bên cửa nhà có cây to bông trắng và rụng xuống những hoa toàn bằng ngọc đẹp. Cô được sinh vào cõi Đao lợi như người nằm mơ. Cô nghĩ lại vì lẽ nào cô được sinh vào cõi này, cô biết rằng do nhờ sự cúng dường đúng nơi của cô.

Tích này trong Kinh Pháp Cú còn dài, nhưng tôi chỉ tóm lại một đoạn ngắn. Nhắc lại đây để ông thấy rằng: Làm phước phải hội đủ nguyên nhân mới có kết quả mỹ mãn trong kiếp hiện tại. Như cô làm rẫy bắp có vật thực cúng dường, có tâm trong sạch muốn cúng dường, và gặp đúng người đáng thọ lãnh của cúng dường, nên khi cô làm phước được kết quả liền.

- *Paohgasampatti* - Phải có sự cố gắng làm việc lành mà mình đã nhất định làm không hề thoái chuyển.

Khi người làm việc thiện hay ác mà có đầy đủ ba nguyên nhân kể trên, nghiệp ấy sẽ trả quả kiếp hiện tại này.

2)- *Uppajjedaniyakamma* nghĩa là hậu nghiệp. Đây là nghiệp chờ trả quả kiếp sau nếu chưa hội đủ nguyên nhân để trả quả thì nó đợi trả quả kiếp thứ hai kế kiếp sau ấy.

3)- *Aparàparavedaniyakamma* nghĩa là tùy nghiệp. Đây là nghiệp trả quả kế kiếp thứ ba, thứ tư, thứ năm, nghĩa là nghiệp này theo mãi đến bao giờ nhập Niết Bàn.

4)- *Ahosikamma* nghĩa là quá nghiệp. Nghiệp này tôi đã giải rồi, nhưng nơi đây xin nói sơ lược để ông nhớ, nghiệp này có thể trả quả hay không là do sự tu hành tinh tấn của người, nghiệp ấy không đủ sức theo kịp để trả quả.

HỎI: Thưa ông, trong giáo pháp của nhà Phật có dạy cách nào làm cho nghiệp ấy không thể trả quả được, khi mà người đã lỡ tạo rồi hay không?

ĐÁP: trong Phật pháp cũng có phương pháp chỉ cho những người biết hối hóa ăn năn hồi đầu hướng thiện, ráng lo tinh tấn tu hành thì cũng chưa gọi là quá trễ. Nếu người biết lỗi, ráng tu theo đúng lời Phật dạy, khi người ấy còn trong thời kỳ hưởng quả của thiện nghiệp, thì nên cố gắng hàng ngày bồi đắp công đức là thiện nghiệp cũng như người nhìn thấy thủy triều dâng lên rất mạnh, nếu không đắp đê ngăn thì mình không thể sống được. Người nhờ phước báo ngăn đón nên khỏi bị tai nạn, hay bị quả báo, cũng như người đắp đê ngăn nước lũ vậy. Nói đây, tôi xin nhắc lại ông rằng: Tôi không phủ nhận nghiệp ác mất, hay có luật bù trừ, mà tôi chỉ nói ngăn ngừa, hay chạy trốn ác nghiệp mà mình đã lỡ tạo thôi, ý tôi nói sở dĩ người chưa bị ác nghiệp trả

quả nhờ sự tu hành của mình, nghiệp ác không đủ sức theo kịp như chó săn rượt chưa theo kịp mỗi thoi.

Điều này cũng có thể, ví như người cùng đi chung với bọn hung ác mà không hay biết chi hết, khi biết rồi lật đật lên ngựa chạy thật mau để tránh xa bọn ác. Bọn ác dù có cố gắng để rượt theo bắt lại, nhưng người kia nhờ có ngựa hay nên chạy thoát khỏi bọn hung ác ấy. Khi chạy đến chân thành người ấy vào thành, bọn ác kia không dám vào, vì trong thành có quan quân canh phòng cẩn mật, luật lệ nghiêm minh, kẻ ác bị khai trừ nên không dám đến gần.

Bọn hung ác ấy ví như tội ác, con ngựa của người ấy cưỡi là thiện pháp. Người kia chính là tâm kính sợ tội lỗi, còn thành kia tôi xin ví như Niết bàn. Vì Niết bàn là nơi đi ra ngoài tam giới, nơi hoàn toàn trong sạch, tội lỗi không thể nào lẫn lộn được.

HỎI: *Thưa ông, thí dụ của ông làm cho tôi hiểu rõ. Nhưng tôi còn thắc mắc con ngựa ấy do những gì cấu tạo thành, tôi ráng mua một con để cưỡi chạy thoát khỏi nơi này.*

ĐÁP: Tôi sẽ biếu ông một con, nếu ông bằng lòng nuôi dưỡng nó. Ngựa này là ngựa vô giá, không có nơi nào bán. Nhưng Phật giáo chỉ biếu không cho người cần giải thoát.

Ngựa quý ấy là:

1/- *Pubbekatapunnatà* - tư cách của người đã làm việc lành để dành từ khi trước. Đây cũng có nghĩa là người nên cố làm điều lành từ bây giờ để dùng ngày vị lai. Những việc lành mà người cần phải làm ấy là: Bồ thí, trì giới, tham thiền, nhẫn nại, từ bi. Những pháp này hợp lại ví như mình ngựa, chắc chắn mạnh, người có thể ngồi rất êm chạy xa không mỏi.

2/- *Patirupadesavàso* - Nên ở trong xứ nên ở, nghĩa là ở trong xứ có Phật pháp, có các bậc thiện trí thức dạy người làm lành lánh dữ.

3/- *Saddhammasavana* - Nghe lời chỉ bảo của các vị trí thức ấy và ráng vâng giữ hành theo.

4/- *Sappurisapassayà* - nên xa kẻ ác và phải thân cận với các bậc trí thức.

5/- *Attasammàpanidhi* - Cư xử theo lẽ chính, có nghĩa là hành theo chính đạo mà các bậc thiện trí thức, nhất là Phật, đã dạy.

Bốn pháp sau này ví như bốn chân của ngựa quý.

(Năm pháp vừa kể trên có giải rõ trong quyển "30 Pháp Hạnh Phúc" cùng một tác giả đã ấn tống.)

-oOo-

Chủ đề TỘI PHƯỚC

-oOo-

HỎI: Thưa ông, những lời ông dạy thật là dễ hiểu. Nhưng tôi còn thắc mắc rằng không biết phước có rửa sạch tội không?

ĐÁP: Xin ông nhớ kỹ, những gì mà ông đã nói, tôi nhắc lại tóm tắt là: Người cố ý làm phước là được phước, chứ phước ấy không thể rửa tội được. Song khi người tạo phước nhiều thì ngăn không cho nghiệp ác trả quả tạm thời để tùy tiện mà chạy khỏi khổ thôi. Đây cũng như câu nói "Giục huẩn cầu mưa" vậy. Chớ phước không thể nào rửa tội được. Khi người để xuôi thì tội ấy có cơ hội trả quả liền.

Người tu Phật hằng biết mình rằng: Nghiệp ác mà mình đã làm sẽ trả quả cho mình, người ấy cố gắng làm lành là thực hành đúng theo chính pháp để ngăn ngừa nghiệp ác trả quả và sám hối cải thiện cố tránh khi gặp hoàn cảnh phải tái phạm. Người này cố hết sức mình để ngăn đón và diệt hết tội ác sắp đến hay đã xâm nhập vào tâm. Ngày nay, người ấy lười biếng thì nghiệp ác hay tội lỗi đã làm sẽ nổi dậy và cũng nhờ cơ hội ấy là nghiệp ác cũ lại nhập vào.

Tóm lại: Phật tử là người ngăn ngừa nghiệp ác trả quả bằng pháp tu hành tinh tấn, không giải đãi, chớ không phải làm phước để bù tội hay rửa tội mà mình đã tạo ra.

HỎI: Thưa ông, ông đã nói phước, tội đều theo ta như bóng với hình, thì ta làm sao trốn khỏi tội cho được vì nó là bóng của ta.

ĐÁP: Được chớ sao không? Khi người ta đã đắc đạo quả Niết bàn rồi không còn hình ảnh nữa thì đâu có bóng. Hơn nữa cũng có khi còn có hình mà cũng không có bóng. Như khi chúng ta núp trong một cái bóng mát lớn thì bóng nhỏ của hình người không lộ ra. Đây tôi cũng ví như khi người sinh lên cõi Trời thì tội không trả quả được, nhưng khi ra khỏi cõi Trời thì còn tùy theo nghiệp thiện còn oai lực trả quả hay không.

Một lẽ nữa, người tu hành chân chính là người đang núp dưới cái bóng mát vĩ đại là thiện pháp. Điều người cần nhớ nhất là muốn cho có bóng mát mãi mãi thì nên thu thúc lục căn, cần có trí nhớ, trí tuệ để nhìn thấy tội lỗi mà tránh, tìm lấy thiện nghiệp mà tạo thêm.

HỎI: Thưa ông, không biết tại sao, người không ai thích tội lỗi, điều hung ác, mà người lại tạo toàn là những điều hung ác?

ĐÁP: Sự thật không ai ưa xấu, không thích cái xấu đến với mình. Nhưng vì chúng sinh chưa diệt trừ được tam độc là tham lam, sân hận và si mê nên vẫn còn làm ác.

LOBHATIKA - Tham lam, có ba chi khác nhau là:

- *Lobha*, Tham.
- *Màna*, Ngã mạng.
- *Ditthi*, Tà kiến.

DOSACATUKA - Sân hận, có bốn chi:

- Dosa, Sân.
- Isasa, Ganh tỵ
- Macchàriya, Bỏn sẻn.
- Kukkucca, Phóng tâm.

MOHACATUKA - Si mê, có bốn chi:

- Ahirika, Không hổ thẹn tội lỗi.
- Anottappa, Không ghê sợ tội lỗi.
- Udhacca, Hôn trầm.

Thinamiddha vicikicchà, Lười biếng, hoài nghi (về nhân quả tội phước).

Đây là những nguyên nhân đưa người đi tới nơi tội lỗi.

HỎI: *Thưa ông, người đã nhiễm sâu vào tham lam, sân hận và si mê từ lâu làm sao mà trừ được để khỏi luân hồi?*

ĐÁP: Muốn diệt trừ được chúng phải có những pháp sau đây: Trước hết là trí nhớ, phạm ngữ gọi là Sobhanacetasika, có nghĩa là tác ý thiện, có ý là trí nhớ, là tác ý hành việc thiện.

Phương pháp tập cho có trí nhớ càng ngày càng gia tăng, đại khái có ba:

1/- Học Pháp bảo (có nghĩa là phải học thông Tam Tạng pháp bảo, hiện nay rất ít người, cả tăng lẫn tục, thuộc được Tam Tạng. Theo ý tôi thì ta học được càng nhiều càng hay chớ khó thuộc hết Tam Tạng).

2/- Học Thiên định. Thiên định có hai là:

- Samatha: Chỉ quán.
- Vipassanà: Minh sát.

Chỉ quán có 40 đề mục tùy theo căn cơ và duyên lành của hành giả. Hành giả học đề mục nào phải cố chuyên cần, làm sao cho đắc được định. Định mới chỉ là một phương pháp làm cho tâm không vọng động, chớ chưa phải là giải thoát, vì vậy cần phải có điều thứ hai gọi là Minh sát.

3/- Học Minh Sát Tuệ, nghĩa là dùng trí tuệ quan sát cho thấy thân này vô thường, khổ não và vô ngã, khi suy nghĩ như vậy mới có thể tiêu diệt được 16 điều phiền não.

Muốn hiểu rõ 16 điều này xin xem "Tam độc và pháp đối trị" (cùng một tác giả đã xuất bản).

Dưới đây tôi xin giải sơ lược về phương pháp hành minh sát tuệ có 14 chi là:

1. Phải phân biệt rõ ràng trong con người chúng ta có hai phần là danh và sắc. Danh tức là thọ, tưởng, hành, thức. Sắc là thân tứ đại này.
2. Thấy nguyên nhân sinh ra danh sắc này đó là ái dục.

3. Thấy rõ danh Sắc còn ở trong vòng tam tướng là vô thường, khổ não và vô ngã.
 4. Thấy rõ danh và sắc này hằng sinh và diệt trong mỗi Sát na và không bao giờ ngừng nghỉ, ý nói tiếp tục sinh diệt như thế mãi nên người phải bị khổ (người hằng nhận thấy như thế, người ấy mới bước vào được ngưỡng cửa của người có trí nhớ).
 5. Thấy rõ sắc này có một trạng thái là bị tiêu diệt không ở với ta mãi được.
 6. Thấy danh và sắc là nhân đem khổ vĩ đại đến ta.
 7. Thấy danh và sắc này hằng đem tai hại đến ta từng giờ từng phút.
 8. Chán nản danh và sắc nghĩa là không còn quyến luyến đến danh và sắc nữa.
 9. Hằng muốn chạy trốn danh và sắc.
 10. Cương quyết hành phương pháp nào để diệt trừ danh và sắc.
 11. Coi sự sinh diệt của danh và sắc là chuyện thường mà đã là chúng sinh thì không ai chạy khỏi. Đó là một định luật tự nhiên vậy.
 12. Thấy rõ theo pháp Tứ diệu đế (nghĩa là thấy rằng danh sắc này khi đã sinh lên thì cái diệt đi kèm theo không sớm thì muộn cũng tiêu hoại).
 13. Thấy danh và sắc tiêu diệt chớp nhoáng chỉ trong một Sát na mà thôi.
 14. Khi đạo tuệ phát sinh lên thì không còn kinh sợ gì nữa và cũng chẳng còn ham muốn thương yêu quyến luyến gì nữa.
- Khi người có tròn đủ 14 pháp trên đây mới gọi là người có đủ trí nhớ. Người như vậy sẽ không bao giờ làm tội lỗi.

HỎI: Theo lời ông thì chắc chắn rằng, trên thế gian này chưa có ai được đầy đủ 14 pháp trên, vậy làm sao có đủ khả năng chống phiền não để đi đến nơi giải thoát.

ĐÁP: Đúng như nhận xét của ông, nhưng xin ông chớ nên ngã lòng nản chí. Phàm người muốn đắc đến nơi siêu việt không phải hành một ngày một buổi được, mà phải có nhiều công phu và thời gian dài để tu tập. Như người muốn đắc được quả vị nhỏ là thánh văn duyên giác cũng phải gia công tu hăng hai A tăng kỳ và trăm ngàn kiếp. Phần đông, người nghe thuật lại việc đắc đạo quả của những vị chỉ nghe qua một câu kinh đắc quả vị dễ dàng nên nghĩ tu cũng dễ, có người nghĩ "tu nhất kiếp ngộ nhất thời". Nhưng nên nhớ rằng chư vị mà đắc được dễ dàng như thế phải trải qua bao nhiêu kiếp tu hành diệt trừ phiền não... và phiền não của các Ngài đã giảm đi hầu hết rồi, chỉ còn đợi Đức Chánh Đẳng Chánh Giác, nhắc đúng nhân đúng chỗ là giải thoát được.

Xin nhắc lại một lần nữa để ông nhớ rằng: Trên đời này không có việc gì khó, nhưng chỉ khó ở chỗ người không chịu khó thực hiện theo chính pháp

mà thôi, nên ông cố gắng thực hành đi, mỗi kiếp thêm một ít, thì làm sao không đắc thành sở nguyện.

HỎI: *Thưa ông, tôi được biết hiện nay có rất nhiều người học và nghiên cứu giáo lý của Phật. Những người ấy thường dạy đời "Làm lành gặp lành, làm ác gặp ác". Nhưng chính tôi biết rõ là họ không làm lành mà lại làm ác. Không biết tại sao vậy?*

ĐÁP: Rất hân hạnh được nghe ông hỏi câu này. Phần đông người đời đều thuộc nằm lòng câu ấy, thậm chí họ lại nói nguyên văn câu ấy là "Tích thiện phùng thiện, tích ác phùng ác". Nói mà không thực hành, nói để người khen là thông hiểu đạo đức, nhưng kỳ thực là con vẹt thôi. Thật sự thì họ nói thuộc lòng chớ không thâm nhiễm được giáo lý. Người nói được nhưng không thực hành theo là do ba nguyên nhân:

1. Vì không nhận định và không hiểu rõ lành và dữ đúng theo đường lối của Đức Phật.
2. Vì không biết cách làm lành lánh dữ.
3. Không phân biệt hay không biết rõ kết quả của việc lành và dữ lợi hại như thế nào.

HỎI: *Thưa ông, ông vừa dạy phải nhận xét lành và dữ đúng theo giáo lý của đức đại giác khác hơn lẽ lối thông thường của người đời. Xin ông vui lòng giảng giải thêm cho dễ phân biệt.*

ĐÁP: Nhiều người nghĩ thiện ác theo lẽ đạo cũng giống như ngoài đời, nhưng sự thật thì có khác nhau.

Người đời hiểu "Lành" theo sự việc thọ hưởng và thỏa mãn lòng ham muốn của họ. Chẳng hạn như được yêu thương, quý mến, gặp được gì mà họ hằng mơ ước, họ cho rằng đó là lành hay gọi là phước. Nếu có ai bảo rằng: Những sự việc mà mình được hưởng trong đời này không chắc toàn lành thì không bao giờ họ tin. Muốn biết sự thật thử hỏi mấy ông thích uống rượu và hút thuốc phiện coi có phải các ông ấy nói đó là thú vui không? Nhưng trái lại các bậc trí thức không nhận là lành. Như vậy ta thấy người đời hiểu hai tiếng lành dữ khác nhau hơn lời Phật dạy.

Theo lời Phật dạy: muốn biết lành dữ thì nên tìm hiểu nguyên nhân và hậu quả của sự việc. Nếu việc làm nào do thân, khẩu, ý không trong sạch, tâm sân hận, tác ý ác, hành động như vậy sẽ làm cho con người khổ, đó là điều ác. Trái lại việc làm nào tác ý mát mẻ không lẫn phiền não là tham lam, sân hận và si mê, những sự việc ấy sẽ làm cho lòng mình mát mẻ vui vẻ, mà người khác cũng được vui và lợi ích điều ấy gọi là lành.

HỎI: Thưa ông, người đời cho rằng lợi lộc, quyền tước, khen tặng và an vui là lành. Vậy bốn điều này theo Phật pháp có công nhận là lành hay không?

ĐÁP: Cũng có thể gọi là lành, nhưng đó là lành của thế gian, nghĩa là cái lành của người còn phiền não, cái lành ấy còn làm cho người phải luân hồi mãi. Cái an vui của bốn điều nói trên cũng ví như cái ngọt của mật mà trong ấy có chất độc giết người dần dần mà không ai hay. Vì vậy Đức Thế Tôn khuyên chúng sinh nên tìm cái lành, an vui hạnh phúc của lòng thanh tịnh, của tâm giải thoát khỏi vòng phiền não. Sự thanh tịnh ấy mới là an vui tuyệt đối và vĩnh cửu.

HỎI: Thưa ông có nhiều người cho rằng: Phước là chuyện nói khích lệ con người thôi, chắc gì có thật. Vì họ nói đã làm nhiều việc lành mà có thấy trả quả gì đâu.

ĐÁP: Hạng người này thuộc về hạng thứ hai mà tôi đã nói khi nãy. Người nói đã làm lành mà không hưởng quả là vì người ấy chưa biết phương pháp làm lành, hay đã biết mà làm chưa đúng. Ví như người làm nước mắm chấm, cũng nước mắm, chanh, đường, ớt và tỏi đó, nhưng có người làm ngon có người làm không ngon. Tại sao? Tại vì làm không đúng độ lượng của mỗi thứ thì làm sao ngon được.

Người làm phước cũng vậy, chưa làm đúng cách hay còn thiếu chưa đúng độ nên chưa có kết quả mỹ mãn đó thôi. Dù vậy cũng không phải là mất hết công đức nhưng chỉ vì còn quá ít nên chưa trả quả thôi.

Vì vậy Đức Thế Tôn dạy cần phải học cho lâu thông Tam Tạng để biết cách làm lành. Người làm việc mà thiếu trí tuệ thì không có kết quả mỹ mãn. Khi làm việc thiếu trí tuệ, thì công việc ấy không được chu đáo, giảm bớt phần kết quả tốt đẹp.

Hơn nữa người làm lành mà chưa được hưởng quả là vì chưa tới phiên nó, hay là nó chưa có cơ hội để chen vào. Hoặc vì ác nghiệp còn nhiều năng lực đang mạnh, quá nặng và dày hơn phước báo, còn phước ta mới làm đã ít, nhỏ thì làm sao có đủ khả năng chen vào trả quả cho được. Nếu là người Phật tử chân chính không bao giờ nghĩ gì khác hơn là: Cố gắng làm lành, càng ngày càng nhiều để diệt trừ phiền não. Người còn vui, còn khổ là vì còn nhiều phiền não. Khi đã hết phiền não thì đâu còn vui khổ nữa.

HỎI: Thực ra nếu ai ai cũng hiểu như ông nói thì không cảm thấy có gì ràng buộc. Nhưng thưa ông, tôi còn nghi ngờ làm thế nào để phân biệt rõ kết quả lợi hại của lành và dữ.

ĐÁP: Câu này ám chỉ: Người không tin tưởng làm lành được lành, làm dữ gặp dữ như vậy là bởi ba lí do sau đây:

1. Vì người thiếu sáng suốt để nhận thức được lành thực sự theo lời Phật dạy là cái gì?

2. Không thông hiểu phương pháp làm lành đúng theo lẽ đạo.

3. Không có trí tuệ suy xét lành và dữ có tính cách khác nhau như thế nào?

Câu thứ ba có ý nói: Người làm lành cần biết trạng thái của việc làm lành có hai điều là:

- Quả của việc lành.

- Ảnh hưởng của việc lành.

Xin ví dụ cho dễ hiểu, như người kia trông thấy kim thân Đức Phật phát tâm tín thành trong sạch đánh lễ ngài. Khi làm như thế người ấy sẽ được những gì? Tâm người ấy được trong sạch khi đánh lễ đó là quả của sự làm lành. Tâm người ấy được vui vẻ vì lành. Nhưng người đời mấy ai có đủ trí tuệ sáng suốt để hiểu thấu như vậy. Phần đông đều nghĩ rằng làm lành sẽ được giàu sang, phú quý danh vọng mà họ cho là phước.

Vì hiểu lầm như vậy nên khi làm lành rồi không được toại nguyện, họ phàn nàn cho là làm lành mà không được phước gì cả, cũng do hiểu biết sai lầm như thế mà đâm ra hoài nghi Phật pháp.

Hơn nữa người làm phước hằng mong được phước thì không khác nào con buôn hay người cho vay muốn được lời nhiều. Vì vậy nên quả báo của việc thiện lại bị giảm bớt đi vì lẽ người làm phước ấy bằng tâm tham lam chớ không phải tâm từ bi hay vì lòng vị tha mà làm.

HỎI: Ông vừa nói về phước. Vậy xin ông cho biết phước theo Phật giáo ngụ ý chỉ vật chi? Có phải là giàu sang, danh vọng, quyền tước ... như người đời thường quan niệm hay không?

ĐÁP: Theo tiếng phước của chúng ta, tôi không hiểu ý nghĩa cao thâm như thế nào, nhưng theo phạn ngữ "Punna" hay "Punya" (pun-nha) có nghĩa là:

1. Rửa chùi, mài tâm cho không còn tí nhơ bợn nào của phiền não nữa.

2. Làm sao cho tâm nhẹ nhàng thơ thới, còn chìm đắm trong cảnh đau khổ là biển trầm luân.

Thế nào là cho tâm trong sạch, hay là chùi mài rửa tâm. Lẽ cố nhiên tâm con người vì lẫn trong đời và quá nhiều kiếp trầm luân nên phiền não càng ngày càng đóng dày ra những phiền não ấy nhất là tham lam, sân hận và si mê làm cho tâm không còn phân biệt đâu là đường lối giải thoát. Phước là nhân kì mài chùi rửa tâm cho hết những chất rong độc là phiền não. Khi tâm được chùi rửa sạch phiền não, tâm ấy được an nhàn thông dong tự tại, cái vui ấy là phước.

Tâm nhẹ nhàng thơ thới không còn chìm đắm. Ý nói tâm con người hằng chìm đắm trong tam độc không khác nào người bị cột đá nặng vào lưng rồi đem thả giữa đại dương. Người bị khổ hình ấy chỉ phải chịu chết mà thôi,

nếu người nào có tài bơi lội giỏi chẳng nữa cũng khó sống. Nếu người thông minh nên cố cởi bỏ những tảng đá nặng mới có thể bơi được. Phước là sự cởi bỏ những tảng đá đeo ở lưng. Tâm có khỏi bị chìm là nhờ có sự cởi bỏ được đá.

Theo Phật giáo: Quả của phước là tâm được trong sạch, được kỳ mài, chùi rửa hết phiền não, và không còn chìm đắm trong vòng luân hồi nữa. Người không còn bị sự hành hạ cho đau khổ nữa nên gọi là phước. Phước là sự được giải thoát khỏi luân hồi.

Còn quả của phước mà người đời ham muốn nào là sự an lạc trong cõi nhân thiên như là sang giàu, quyền chức, vợ đẹp, con khôn, đây cũng là quả của phước, nhưng người làm phước không được thọ hưởng liền khi vừa làm phước xong, vì còn đợi một thời gian sau mới được hưởng.

Còn quả hiện tại mà người làm phước được liền trong khi đang làm là sự vui vẻ trong tâm, làm cho tâm thư thái, đó mới là phước thực sự. Điều này chỉ có các bậc trí thức mới nhận thấy rõ.

***HỎI:** Thưa ông, nếu nói đến phước, người đời ai cũng nghĩ đến sự bố thí hay giúp đỡ người nghèo khổ hoặc người bị hoạn nạn ... Vậy có phải bố thí là làm phước hay không? Xin ông vui lòng giải thích làm phước cách nào cho hợp theo lẽ đạo?*

ĐÁP: Nghĩ như ông cũng đúng một phần nào là vì bố thí (hay đem của ra cho) là nhân diệt trừ phiền não, là tham lam bôn sèn. Nhưng sự tham lam mới chỉ có một trong Tam độc. Vì vậy nên Đức Thế Tôn còn dạy thêm nhiều cách làm phước khác nữa mới mong diệt được tất cả các phiền não.

Đây, tôi xin ví dụ cho dễ hiểu hơn. **Trì giới** để ngăn ngừa tham lam và trừ sân hận. **Thiền định** để làm cho tâm an trụ và trừ si mê. Hai pháp sau này người hành theo cũng gọi là làm phước được, vì phước là nhân đem lại sự an vui và rửa sạch phiền não ở trong lòng người. Với sự **Bố thí**, mình tự diệt tâm bôn sèn, chặn đứng tham lam và đồng thời làm cho người được mình giúp đỡ an vui. Vì vậy nên người mới tu Phật đều nghĩ chỉ có sự bố thí mới gọi là làm phước. Còn ít khi họ nghĩ trì giới, tham thiền, Nhẫn nại, từ bi mà hành giả hành là tạo phước. Khi người trì giới được chín chắn là chặn đứng lòng tham lam, diệt trừ sân hận. Tham thiền là nhân tiêu diệt si mê cho chính bản thân mình mà người bên mình cũng được vui lây vì nhờ ảnh hưởng sự tu hành của mình. Đoạn này tôi có giải rõ trong quyển "Phiền não và pháp đối trị" đã ấn tống xong.

Tóm lại **bố thí, trì giới, tham thiền** cũng là phước làm cho tâm ta trong sạch nhẹ nhàng thư thái. Pháp ấy là pháp đối trị của tam độc là Tham, Sân, Si.

Hành ba pháp kể trên cũng đều gọi là làm phước hay làm lành. Khi ta được an vui do lòng hỉ lạc phát sinh đó là hưởng phước vậy.

HỎI: Nói đến sự bố thí, tôi thấy có một chuyện cần phải hỏi lại ông để thông đạt, khỏi nghi ngờ, vì tôi thường thấy Phật giáo tiểu thừa như ở Campuchia, Lào, Thái Lan, Miến điện, khi cúng dường đến chư sư họ rất là cung kính, chuyện ấy đã đành, vì các ngài là bậc có giới đức. Còn đàn tràng họ cho người đi ăn xin cũng tỏ ra rất cung kính, nên đây là một lý do mà tôi nghi ngờ. Có lúc họ chưa biết ông, tôi gặp ông ở rạp chiếu bóng. Ông cho tiền người ăn xin mà tôi thấy ông trịnh trọng đưa cho người ấy hai tay. Tôi không biết vì lý do gì ông làm vậy, xin ông cho biết.

ĐÁP: Trước hết tôi xin lỗi ông là không nên dùng chữ "Đại thừa và tiểu thừa". Vì Phật giáo không có vấn đề "Đại - Tiểu", người ta đặt ra để gọi vậy thôi. Đúng ra phải gọi các nhà sư những xứ ông vừa kể là Nam tông hay là Nguyên thủy. Còn đại thừa đó là Bắc tông hay là Tân tiên. Bây giờ tôi xin hỏi, ông trả lời theo ý ông. Vậy ông có thể cho một người ăn xin bằng cách trân trọng kính nể hay không?

HỎI: Thật ra mà nói thì chắc không được.

ĐÁP: Xin hỏi ông tại sao ông không thể làm như vậy được? Chắc ông khó trả lời, nhưng tôi có thể trả lời thế cho ông là: Vì các người ấy thiếu những yếu tố cho ông kính trọng: người ấy thuộc tầng lớp thấp kém trong xã hội. Người ấy là người không có học thức rộng. Người ấy còn trẻ tuổi hơn ông. Người đời vì ngã chấp cái ta cao quý hơn người, giàu có hơn người, học cao hiểu rộng hơn người, dòng quý phái, hạng thượng lưu trong xã hội. Những điều mà tôi kể đây là một trong chi nhánh của si mê. Những phiền não mà tôi kể cho ông nghe thường ngự trị trong tâm của tất cả người trên vũ trụ này, tuy coi những phiền não ấy không phải vĩ đại lắm nhưng mà thật là khó diệt trừ được. Vì chấp cái ta ấy mà chúng ta bị trói buộc mãi trong vòng luân hồi khổ, tâm không được an vui thơ thới, để phải chìm đắm mãi mãi. Những Phật tử mà ông thấy trên, đã cung kính người ăn xin thọ thí vì họ nhận thấy rằng: chúng sinh ai cũng có giá trị và nhân phẩm ngang nhau. Sở dĩ người kia kém hơn mình vì người ấy ít phước nên sinh vào gia đình nghèo khổ, tàn tật. Ta không nên vì thế mà xem thường họ. Hơn nữa, thí chủ không nghĩ rằng kính trọng người thọ thí của mình mà chỉ kính trọng sự cúng dường hay sự giúp đỡ người quyền thuộc. Khi làm được như vậy trong một lúc thí chủ diệt được hai pháp là: Diệt lòng bôn sển và đánh ngã được cái chấp ta hay thường gọi là ngã mạn của mình.

Khi phụng dưỡng cha mẹ, cúng dường các bậc đáng cúng dường như người xuất gia là hạng có giới đức, hay đem vật dụng lại biểu thầy tổ ta tỏ ra rất

cung kính, đó là ta kính trọng công ơn và đức hạnh của các ngài. Đó thuộc về hạnh biết kính trọng người trưởng thượng, làm như thế thật tương đối dễ dàng hơn. Trái lại, sự kính trọng người thấp hơn mình về đẳng cấp là việc làm thực khó, rất ít người làm được. Nhưng ta nên cố gắng thực hành để tâm mình bớt cái chấp ta, ông nên nghĩ khi người ăn xin kia được thọ lãnh của một người cao sang hơn bằng cách cung kính họ, họ sẽ nghĩ sao? Chắc chắn là họ cảm thấy có sự an ủi là không bị người khinh bạc.

Biết kính trọng người thọ lãnh của bố thí của mình kiếp sau sanh lại trong hoàn cảnh nào, ở đâu và đi đến nơi nào cũng đều có người thương mến kính trọng. Đây là quả báo của sự biết trọng người thọ thí.

HỎI: *Thưa ông, bố thí cũng có phước, trì giới cũng có phước và tham thiền cũng có phước, vậy những phước ấy có giống nhau hay khác nhau thế nào? Xin ông cho tôi nói ý kiến tôi, và ông thử nhận định coi tôi có thể hiểu được lý đạo tí nào chưa. Theo tôi hiểu thì chắc có chỗ khác nhau, vì ba điều ấy thấy tên cũng khác mà hành vi cũng không giống nhau, thì chắc quả cũng khác nhau chứ.*

ĐÁP: Ông nhận thức đúng rồi. Phước là nhân đem sự an vui lại cho người tạo phước, phước có một mùi vị là an vui. Nhưng nói về quả thì có chỗ khác nhau.

Thí dụ, người bố thí thì kiếp sau được giàu sang nếu không có giữ giới, chẳng hạn thiếu giới không sát sinh thì kiếp sau sinh ra thực giàu có nhưng sẽ không sống lâu để trọn hưởng nhiều của cải ấy. Còn nói nếu người bố thí mà không giữ giới, không trộm cắp, trong sạch, kiếp sau sinh lại có của cải, nhưng thường bị người ta lường gạt hay trộm cướp, hay bị cưỡng đoạt lấy của thì chắc người có của ấy cũng chẳng yên vui gì mà còn khổ về sự mất của là khác.

Còn người không thọ giới không tà dâm trong sạch, khi mình giàu có, nhưng con gái làm việc đồi phong bại tục, vợ nhà cũng không có pháp tri tuộc, ý tôi muốn tránh tiếng ngoại tình vậy. Thử hỏi người giàu ấy có hạnh phúc với gia đình hồi thời ấy không.

Còn nói về thiếu giới không ẩm tửu. Người uống rượu bị cái quả là sanh về kiếp nào cũng thường kém trí nhớ, nếu nặng lắm là khùng, hay điên; người giàu có mà tâm trí không được bình tĩnh để hưởng thì cái giàu ấy chẳng ích chi.

Vì vậy Đức Thế Tôn dạy trước khi bố thí muốn cho trong sạch cần phải trì giới cho trong sạch để mình làm việc lành cho được trọn lành. Người đã có bố thí trì giới rồi mà không có thiền định cũng chưa cao quý. Vì người có hai pháp ấy mà thiếu thiền định thì khi sanh về kiếp sau tầm thường hay vọng động hay chạy theo cảnh trần, hoặc tâm ấy thiếu cương quyết, làm việc

gì cũng không hoàn toàn tin mình. Điều trọng đại nhất là thiếu trí tuệ, nên vì mùi chung đỉnh quên cả sự tu hành của mình. Như ông thấy có lắm người giàu sang, nhưng không bao giờ nghĩ đến việc làm phước và nghĩ đến việc tu hành.

HỎI: *Nói vậy thì người tu cần phải hội đủ ba pháp là Bồ thí, Trì giới và Tham thiền. Nhưng thưa ông, như chúng ta là người cư sĩ tại gia thì làm gì có thời gian nhàn rỗi để tham thiền?*

ĐÁP: Tại sao ông nghĩ như vậy, có ai bắt ông phải ngồi Tham thiền cả ngày đâu. Như tôi đã nói, mỗi ngày, sau khi làm xong mọi việc, mình nên để ra nửa giờ để làm lễ Phật, quan sát việc làm của mình để xem lại trong ngày mình đã làm những gì? Nguyên bỏ việc ác, hành việc thiện. Rồi bỏ ra chừng 10 hay 15 phút quán tưởng cho thấy rõ ba tướng là vô thường, Khổ não và Vô ngã. Khi hành theo phương pháp này gọi là hành theo Minh Sát Tuệ. Sự quán tưởng của ta mỗi đêm như thế lần lần đi đến chỗ nhận thấy rõ thân này và phát sinh trí tuệ. Nhờ sự ăn sâu vào Tâm nên sinh vào kiếp nào cũng thấy chán với thân này và không bao giờ quên được. Đây là nhân duyên để người không quên tu hành và cũng là gây thêm duyên lành để gặp Phật, khi ấy để đắc đạo quả. Ông nên nghĩ kỹ lại coi, chỉ cần 30 phút trong một ngày mà ta gieo được duyên giải thoát. Hỏi vậy có đáng cho chúng ta thực hành hay không? Xưa kia các bậc thánh nhân cũng nhờ con đường đi ấy nên ra khỏi tay Ma vương, vậy ta tiếc gì mà không đi theo vết chân các Ngài.

Để khích lệ thêm tôi xin nhắc lại chuyện tích vị Đại đức tên Yassa (Hán âm là Dá xá) là vị đệ tử đắc A La Hán quả sau năm vị Kondanna (Kiều Trần như). Ngài là vị A La Hán thứ sáu.

Khi Đức Thế Tôn ngự tại vườn Lộc Giả trong thành Bàrànasi (Hán âm Ba Nại La), có một vị Trưởng giả, ông ta chỉ có một người con trai cung hơn cả châu báu mà ông đã có. Người con ấy có tên là Yassa; ông Yassa được cha mẹ chiều chuộng, được hưởng hạnh phúc trên đời này giống như Thái tử Siddhattha (Sĩ Đạt Ta) khi còn tại vị.

Đêm nọ, bỗng dưng ông cảm thấy không có hứng thú gì với sự ăn uống, ca xang của mỹ nữ, bèn cho dẹp hết mọi thú vui và đi nghỉ. Sau khi ngủ được một lúc, ông tỉnh lại giữa đêm trường tịch mịch, bỗng thấy những mỹ nữ nằm ngủ quanh đây không còn ve vãn mỹ lệ như hàng ngày, trái lại thấy họ như những tử thi sinh phát ra mùi hôi thối không chịu nổi, khiến ông cảm thấy như đang sống giữa bãi tha ma. Tiếng ngáy của mỹ nữ như tiếng giành ăn thịt của loài dã thú. Ông lấy làm kinh sợ; ông chán với cảnh thế lương ấy. Liên khi đó ông nảy ra ý nghĩ: Lễ cố nhiên người còn trong vòng tại gia là người rất gần với sự tai hại đủ điều. Ông bèn lần bước xuống lầu mở cửa ra

đi, mà chính ông cũng không biết phải đi đâu. Khi ấy chư Thiên muốn hộ trì ông xuất gia cho dễ dàng, nên bước đi của ông không có tiếng động.

Lúc đó, Đức Thế Tôn đang đi kinh thành. Thấy ông Yassa từ xa đi đến, Ngài liền lên ngự trên pháp tọa.

Ông Yassa vẫn đi mà không định phương hướng, vừa đi, vừa lảo đảo: Nơi đây thật bản chặt.

Đức Thế Tôn dạy: Này Yassa, nơi đây là nơi không có sự tai hại, người hãy đến và ngồi nơi đây. Như Lai sẽ thuyết pháp cho người nghe.

Khi nghe tiếng thanh tao và rất êm ái như tiếng mẹ ru con ông liền tỉnh lại như người tỉnh cơn mê, và cởi giày vào hầu Phật. Đức Thế Tôn thuyết bài kinh gọi là Anupubbikatha có nghĩa là Pháp đi theo tuần tự. Sau khi nghe xong thời pháp ông đắc quả Tu đà hườn. Tích này còn dài, nhưng tôi chỉ tóm lại nơi đây một đoạn để ông thấy. Tại sao trước kia ông Yassa thấy lâu dài mỹ nhân cho là đẹp mà đêm ấy lại coi như tử thi và bãi tha ma? Nơi đây chỉ cho ta thấy duyên lành của ông đã đến làm cho ông chán nản kinh khiếp cảnh giàu sang mà xuất gia.

HỎI: *Thưa ông, làm phước về Bồ thí thì tôi thích lắm, nhưng vì bận nhiều việc nên tôi không đủ thời giờ rảnh. Vậy có cách nào giản tiện xin ông làm ơn chỉ dạy?*

ĐÁP: Trước khi giúp ông, xin ông vui lòng trả lời câu này: "Khi ông thấy người khác hay người nhà ông bố thí ông có thỏa thích trong việc làm của người ấy không?"

-- *Có, chẳng những tôi thỏa thích với việc làm của họ mà tôi càng khuyến khích và nhắc nhở họ nên làm như vậy cho thường.*

-- Nếu ông thỏa thích trong sự bố thí hay nhắc người nhà bố thí luôn luôn thì ông cũng đã được phước y như chính ông bố thí. Vì vậy, nếu không có thời gian rảnh nhiều ông cũng vẫn có thể nhờ người nhà thay ông bố thí. Tôi xin nhắc lại ông nhớ rằng bố thí cần phải có ba yếu tố sau đây, phước báu mới tròn đủ:

1/- Tác ý trong sạch trước khi làm phước. Ý nói trước khi làm phước, ông nên nghĩ đó là việc làm lành, diệt trừ được phiền não bên trong là lòng bòn sẻn, và giúp đỡ người khi thấy lòng thoả thích, rồi sắp đặt mua sắm vật dụng để bố thí.

2/- Trong khi đang bố thí lòng rất hân hoan, vui vẻ thoả thích, làm mình không hề biết mệt. Và khi dâng đến tay người thọ lãnh bằng cách kính thành, không bao giờ nghĩ đến việc tiếc công tổn của.

3/- Sau khi bố thí xong, hằng nhớ đến phước của mình làm, vui vẻ thoả mãn với việc làm, nghĩ đến sự diệt trừ được lòng bòn sẻn bên trong là một chuyện thật khó có người làm được. Người đời có thể ngăn được tham lam,

nhưng khó diệt trừ được lòng bòn sẻn. Vì người không tham là người không trộm cắp hay lường gạt vì nhiều lẽ, hoặc sợ tội với Pháp luật hay danh giá. Còn bòn sẻn mà người có chẳng nữa cũng chẳng sao, vì không phạm Pháp luật của Nhà nước mà cũng không làm hại ai. Nhất là phải đem của mình ra cho người khác là chuyện khó làm nhất. Nên người làm phước là người được nhiều điều hạnh phúc: Diệt lòng bòn sẻn, vun trồng thêm đức Từ ái. Cứu người trong cơn thiếu thốn, Làm cho người vui mừng. Được nhiều người thương yêu kính mến. Đi đến nơi nào cũng có nhiều người biết tên tuổi, mau được giải thoát.

Để cho ông dễ nhớ, dễ hiểu, tôi xin nhắc sơ lược chuyện tích của một ông Trưởng giả có tiền của nhiều vô số, nhưng tánh ông ta rất là bòn sẻn, ăn toàn đồ không ngon, mặc toàn đồ rẻ tiền.

Có người đến hỏi Đức thế Tôn vì nguyên nhân nào ông Trưởng giả ấy lại quá bòn sẻn, keo kiệt, không dám ăn ngon, mặc sang?

Đức Thế Tôn mới nhắc lại tiền kiếp của ông như vậy:

Trong kiếp quá khứ ông sinh làm người, nhưng không có đức tin với Phật giáo. Nhưng ngày nọ, ông ta thấy một Đức Phật Độc giác đang đi khát thực, tướng hảo quang minh lục căn thu thúc. Ông phát tâm kính thành trong sạch với Ngài, muốn cúng dường một bữa. Nhưng vì bận công việc phải đi ngay, nên mới bảo vợ rằng: Em ở nhà lo làm vật thực dâng cúng đến Ngài Đại đức, tôi đi có chuyện cần một lúc lại về.

Bà vợ là người có đức tin muốn làm việc lành đã lâu nhưng không dám, vì ông chồng chưa cho phép. Được cơ hội thuận tiện bà lo món ăn thật quý cúng dường cho Ngài. Khi Đức Phật Độc giác thọ lãnh xong trở ra thì ông chồng về tới. Gặp Đức Phật Độc giác ông ta mới hỏi: "Người nhà tôi có cúng dường cho Ngài chưa? Và xin coi bát của Ngài."

Đức Phật Độc giác giở bát cho ông xem. Khi thấy những món ăn quý ông ta lấy làm tiếc và nghĩ thầm "Uổng quá, phải chi để những món ăn này cho kẻ ăn người ở trong nhà ta ăn, họ còn có thể giúp ích cho ta trong gia đình còn hơn. Cúng cho vị Đại đức này, khi Ngài ăn xong về rừng, không có ích lợi gì cho ta hết."

Vì sự suy nghĩ hối tiếc ấy nên hiện nay ông giàu có thật, nhưng ông ta ăn mặc cũng như kẻ nô tỳ hèn hạ.

Đức Phật lại dạy thêm rằng: Phải chi ông không ân hận hối tiếc như vậy, ông ta sẽ được sinh làm Trưởng giả như thế cho đến chín đời. Mặc dầu sinh làm trưởng giả, nhưng không hưởng được sự hạnh phúc gì hết, ông chỉ khác hơn kẻ tôi đòi của ông ta là không ai làm quyền vậy thôi.

Sở dĩ tôi nhắc tích này lại đây để cho ông thấy rằng: Khi đã làm phước rồi không nên ân hận hối tiếc và nên làm cho tâm mình có đầy đủ 3 yếu tố trên thì phước căn mới tròn đủ được.

HỎI: Thưa ông, tôi muốn biết tại sao trong kinh có nhiều chỗ nói khác nhau, có nơi nói ai tu nấy đắc, ai làm phước thì người ấy được phước. Tại sao có nơi dạy khi làm phước xong phải đem phước ấy ra cho thân nhân đã quá vãng. Thưa ông tôi thắc mắc chỗ đem phước mình ra cho như thế thân nhân mình có hưởng được hay không?

ĐÁP: Sự thật thì ai làm phước người ấy hưởng, cũng như người nào ăn thì người ấy no. Kẻ này ăn thế cho người kia không được. Nhưng trong trường hợp này là trong gia đình có người làm phước như Bồ thí, Trì giới hay Tham thiền chẳng hạn, khi làm xong việc phước thiện ấy cho người trong gia đình biết rằng mình có làm việc lành ấy, và xin chia phần phước của mình cho người nhà. Người nào trong nhà có tâm kính thành và trong sạch tỏ lòng hoan hỉ phước ấy, người tỏ lòng hoan hỉ ấy cũng được phước như thường. Phước lành này theo Phật dạy gọi là Pattanumodanamaya, nghĩa là quả phước mà được ấy do nơi sự hoan hỉ thọ nhận phước của người khác chia cho. Tôi xin ví dụ như ông làm việc lãnh lương đem về cho người trong gia đình. Người nào chịu nhận lấy tiền ấy thì người ấy có tiền bằng không lấy thì không có.

HỎI: Thưa ông vì muốn làm phước mới được phước, nhưng lại bảo đem phước đi cho hết thì còn gì?

ĐÁP: hình như câu này tôi có viết trong quyển "Ba ngày luận đạo". Nhưng nay ông hỏi thì tôi xin nhắc lại sơ lược, ông hiểu như thế cũng có lý của ông, nhưng sự thật thì người cho phước càng được nhiều phước. Người thế gian của chúng ta ăn vật thực, mặc quần áo, nên cần tiền mua sắm. Riêng người sinh về cảnh giới khác ngoài cõi này thì họ chỉ cần dùng phước báo mà thôi. Khi người ta cần dùng phước mà ta cho phước thì người ở cảnh ấy vui mừng thỏa thích, thế nào họ cũng cầu chúc cho ta an vui hạnh phúc. Cũng như ta bố thí trong kiếp hiện tại này người được của họ vui mừng. Nói tóm lại người đời bố thí của cải, vật thực, chỗ ở, thuốc uống, nhưng người ở cảnh giới khác họ cần phước, thì ta lấy phước của ta đem cho như cho của cải trong cõi này thì ta còn được phước lần thứ nhì nữa.

Hơn nữa người Phật tử cố tâm giải thoát chỉ cần dứt bỏ mọi phiền não dục vọng trong Tâm mà thôi, chớ không còn mong được phước hay chi chi hết. Vì ta còn mong được phước, sợ hết phước, vì ta còn muốn sinh lại một nơi nào. Vì vậy nên phiền não vẫn còn mãi và cũng vì vậy nên không thoát khỏi vòng trời buộc của Ma vương.

Tóm lại là người càng diệt được nhiều phiền não chùng nào thì càng mau giải thoát chùng ấy... Phước cao thượng và chân chính nhất là lòng không

còn ham muốn mong mọi một điều gì, mà điều ấy còn trong vòng Luân hồi khổ.

HỎI: *Thưa ông tôi vẫn chưa hết nghi ngờ vì câu nói "ai làm nấy hưởng". Vậy chia sao cho được?*

Thực ra nếu điều này đối với người còn tại tiền thì rất dễ, nhưng đối với các bậc ân nhân đã quá vãng của chúng ta thì làm sao chúng ta biết được các vị ấy có hưởng hay không. Nếu một khi các vị ấy không thọ hưởng được thì phước ấy đi về đâu?

ĐÁP: Nói cho dễ hiểu hơn: Một khi ta vui lòng chia phước người thọ hưởng ấy phải biết vui mừng thọ hưởng mới được. Điều này có thể thí dụ cho dễ hiểu là: một người ở Sài Gòn muốn cho người thân ở Mỹ vật chi chẳng hạn, người gửi có thể gửi qua Bru điện hay bằng phương tiện nào đó. Rất có thể người thân ở Mỹ lãnh được dễ dàng. Nếu trong trường hợp người ấy không còn ở địa chỉ cũ thì vật ấy sẽ trở về với người gửi. Điều này cũng như ân nhân của ta đã quá vãng có thể đã sanh vào cảnh nào mà không thọ lãnh được, phước ấy cũng chẳng mất mà nó lại trở về với ta.

HỎI: *Như ông nói, người đã quá vãng cũng có thể sinh vào cõi không thể thọ lãnh của hồi hướng của người, có phải vậy không?*

ĐÁP: Sự thật là vậy! Người chết có thể tái sinh vào hai cảnh mà những người quyến thuộc ta sinh vào là: Cảnh an vui và caûnh khổ như Địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Nếu quyến thuộc nào sinh về ngạ quỷ mới hoàn toàn hưởng được. Ngạ quỷ có 13 hạng khác nhau, nhưng chỉ có một hạng là Paratattupajàvipeta, nghĩa là Quỷ đói. Hạng ngạ quỷ này hằng chịu đói hàng nhiều triệu tỷ tỷ năm. Hạng này chịu đói khát như vậy để đợi quyến thuộc làm phước hồi hướng đến cho. Theo trong bài kinh Terokodasutta, (Ngài Đại đức Hộ Tông đã có phiên dịch trong quyển Kinh tụng, xin xem nơi ấy) có dạy hạng ngạ quỷ hằng đứng theo ngã ba, ngã tư đường gần các cửa nhà hoặc các cửa thành để đón chờ coi có quyến thuộc nào bố thí hồi hướng tới để thọ lãnh. Khi mà người làm phước rồi không hồi hướng cho, những ngạ quỷ ấy lấy làm buồn tủi vì không được quyến thuộc ngó ngang đến.

Vì vậy nên đến rằm tháng bảy Phật tử Bắc Tông có làm lễ Vu lan để bố thí cho cô hồn, nhưng chắc là chư cao tăng Đại đức khi xưa không ngụ ý như vậy mà các Ngài ngụ ý làm phước để hồi hướng cho Ngạ quỷ. (Quý vị nào muốn rõ về những hạng Ngạ quỷ ấy hãy xem quyển "24 thứ Ngạ quỷ" của Ngài Đại đức Bửu Chơn đã ấn tống).

HỎI: *Thưa ông, tôi có xem Kinh và còn nhớ mang máng một câu Phật ngôn dạy: "Yassa katam kammam kusalena pahiyati", Ác nghiệp mà người đã*

tạo ra có thể dứt bỏ bằng thiện nghiệp ... Xin ông vui lòng giải thích cho tôi hiểu rõ thêm câu này.

ĐÁP: Ông cũng đã nghiên cứu Phật giáo khá lắm đấy. Câu Phật ngôn này trích trong Pháp cú kinh. Đức Thế Tôn dạy trong tích của Đại đức Vô não. Trước khi xuất gia Đại đức là một tướng cướp sát nhân hung bạo nhất. Sau khi hiểu đạo Ngài xuất gia tu hành rất là tinh tấn; nhờ sự cố gắng hành đạo ấy, Ngài đắc A La Hán quả, giải thoát. Nhân đó Đức Thế Tôn mới dạy câu ông vừa nói. Câu này đáng hiểu là tiếng nói Thiện nghiệp đây có ý dạy là ráng hành cho đắc được A La Hán quả. Ngoài Thiện nghiệp này ra không còn có Thiện nghiệp nào có đủ khả năng tận diệt được Nghiệp mà người đã tạo.

Nên nhớ rằng: sự hưởng phước (hay gọi là chạy khỏi nghiệp ác trả quả tạm thời) chưa phải là giải thoát thật sự, vĩnh viễn, phước thường không phải là Thánh quả, nó chỉ giúp ta được sanh vào nơi nào mà ác nghiệp không có cơ hội thuận tiện để trả quả thôi. Khi hưởng hết phước, ác nghiệp sẽ đến trả quả liền. Vì vậy gọi phước là phương tiện chạy trốn khỏi nghiệp ác tạm thời mà thôi.

-oOo-

Chủ đề SÔNG CHẾT

-oOo-

HỎI: *Thưa ông, người đời ai ai cũng không tránh khỏi phải chết một lần, mặc dù biết vậy nhưng ai ai cũng tham sống sợ chết. Vậy đối với Phật giáo, chết có đáng sợ không?*

ĐÁP: Đức Thế Tôn dạy "Sợ chết không đáng sợ", cái đáng sợ hơn hết là cái Sinh.

HỎI: *Sao có chuyện lạ vậy?*

ĐÁP: Có gì lạ đâu. Ý nghĩa Phật dạy: Con người vì còn sinh mới có chết. Nếu không sinh thì đâu có chết. Vậy cái chết có gì đáng sợ, nên sợ sự sinh mới phải hơn. Đức Thế Tôn có dạy trên đời này có năm điều mà chúng sinh không ai tránh khỏi, trong đó có một điều là Chết. Vậy thì cũng nên nghĩ, quán tưởng thường xuyên để tâm ta được thuần thực và không còn sợ cái chết nữa.

Năm Pháp hăng quán tưởng ấy là:

- 1/- Cái già sẽ đến với ta tự nhiên, không thể nào ta tránh khỏi.
- 2/- Cái bệnh sẽ đến với ta tự nhiên, không thể nào ta tránh khỏi.
- 3/- Cái chết sẽ đến với ta tự nhiên, không thể nào ta tránh khỏi.
- 4/- Sự chia lìa thân vật thương yêu quý mến sẽ đến với ta tự nhiên, không

thể nào ta tránh khỏi.

5/- Nghiệp của ta đã tạo sẽ đến với ta tự nhiên, không thể nào ta tránh khỏi. Không nên để duôi mà không nghĩ đến 5 Pháp này.

HỎI: Theo ông, thì ta sợ cái chết là sợ sai lầm, sợ cái không đáng sợ. Nhưng tôi thiết nghĩ, phần đông người đời nhận định rằng: Chết là mất hết những gì mà mình đã có, kể cả xác thân này. Còn cái Sinh là sự được, trước hết là được Thân này, vì vậy người đời sợ mất chứ không sợ được. Bằng có là trong gia đình nào sinh con thì ăn mừng vui vẻ. Trái lại gia đình nào có người chết thì khóc lóc tiếc thương và rất buồn rầu.

Thưa ông không hiểu Phật giáo do nơi lý do gì lại dạy: Người không nên sợ chết. Và không sợ chết như thế có ích lợi gì?

ĐÁP: Cái lý như đã nói ở đoạn trên: khi con người đã sinh ra rồi thì thể nào cũng phải chết. Dầu có sợ cũng không khỏi, vì vậy không cần sợ làm gì chuyện không đáng sợ. Còn sự ích lợi là: người không sợ chết là người không để duôi, vì biết chắc rằng: mình phải chết nên cố gắng hành theo chính pháp, để khỏi phải tái sinh nữa. Người chỉ biết sợ chết, sợ không được thọ hưởng ngũ trần lâu dài, nên không nghĩ tới sự hành đạo cho mau giải thoát, càng già càng miệt mài theo ngũ trần, người như thế gọi là người kém trí tuệ nếu không nói là si mê, hay cũng có thể gọi là để duôi. Nguyên nhân sợ chết là vì quá thương yêu thân này, khi sắp lâm chung nhìn lại đời mình không làm được việc lành để hưởng về ngày vị lai. Sợ sẽ không được có một cái thân này ngày vị lai và càng sợ hơn nữa là thấy mất hết những vật mà chính mình thương yêu quý mến. Sở dĩ người còn sợ chết là vì chưa nhận thức được rõ rệt theo lời Phật dạy.

HỎI: Kết luận Đức Thế Tôn dạy người không nên sợ chết đừng để duôi ham mê theo tài sắc lợi danh.

ĐÁP: Đúng vậy, Khi Đức Thế Tôn sắp nhập diệt, Ngài ngự nơi rừng cây Salà có lời di ngôn cuối cùng rằng "*Àmant ayami bhikkhave vaya dhamma-sankhara sampadetha*", nghĩa là: *Này các thầy Tỳ Khưu, Như Lai xin nhắc nhở các thầy: Pháp hành là những gì cấu tạo ra Thân này đều phải tiêu diệt là lẽ cố nhiên. Các thầy không nên say mê (trong các pháp hành) mà để duôi.*

HỎI: Thưa ông, theo tôi nghĩ sự để duôi chẳng có liên quan gì đến sự sợ chết. Hay ta có thể nói trái ngược hẳn là không sợ chết con người mới để duôi, không làm lành. Phải chăng vì không sợ chết, con người mới dám làm ác?

ĐÁP: Không phải vậy đâu. Chỉ quên trong khoảnh khắc đó thôi.

HỎI: Họ quên gì thưa ông?

ĐÁP: Họ quên sợ chết. Thường thường người đời không sợ gì hơn là sợ chết. Sở dĩ họ làm ác là vì bị phiền não làm cho tâm họ thiếu sáng suốt đó thôi. Chạy theo dục vọng mà họ lầm tưởng là hạnh phúc. Nhưng khi đã làm ác xong nhớ lại cái chết thì tuổi đã về chiều, cái chết đã gần bên rồi, càng lo thì càng ăn năn càng sợ chết. Nhưng khi đã biết thì muộn lắm rồi.

Đây tôi xin đem lại một ví dụ để ông nhận thức.

Có một ông tiều phu đang đốn củi trong rừng, ngày nọ ông bị một con voi rượt, ông ráng hết sức trốn, nhưng con voi vẫn theo kề bên. Tới một cội cây to, ông ta thấy có một rễ cây từ trên thông xuống, hy vọng thoát khỏi voi dữ, nên liền níu lấy rễ ấy leo lên. Khi leo cao đã mệt ông ngó lên thì thấy có một tổ ong mật đầy tràn và nhều xuống ngay miệng ông ta. Há miệng ra uống mật thật là không còn thú vị nào bằng. Nhưng cùng lúc ấy ông ta thấy có hai con chuột, một con đen một con trắng đang gặm rễ cây ông đeo. Nhưng ông vẫn ung dung há miệng hứng mật.

Ông quên mất rằng: Voi sắp đến gần, mà nguy hiểm nhất là chuột gặm rễ cây càng lúc càng mòn đi rất nhiều, nếu không chết vì voi thì cũng chết vì chuột cắn đứt rễ cây té xuống mà chết.

Voi ấy ví như Tử thần đang đuổi sát bên ta; rừng đó là Tam giới; ông Tiều phu ấy chính là ta. Sợi dây ấy ví như tuổi thọ của chúng ta. Hai con chuột, con chuột trắng là ban ngày, còn con chuột đen là ban đêm. Ngày và đêm càng qua đi thì tuổi thọ của ta càng giảm thiểu. Tuổi thọ càng hao mòn thì chúng ta càng gần kề bên cái chết, cũng như hai con chuột càng gặm thì cái rễ cây kia càng bị đứt lìa đi. Mật ong ấy chính là miếng mồi ngon làm cho chúng ta quên mất sự tu hành giải thoát. Những miếng mồi ấy là Tài, Sắc, Lợi, Danh. Vì ham mê theo mồi ấy mà quên tử thần đến kề bên.

Nơi đây tôi muốn nói: Những người không sợ chết ấy không phải không sợ, nhưng họ chỉ quên vì họ còn lo miệt mài theo mùi phú quý bả lợi danh nên không nhớ đó thôi, nếu nói họ không sợ là chưa đúng.

Người đời dù sinh sống bằng nghề nào, ở nơi nào, sang trọng hay nghèo khó, vua chúa hay dân chúng cũng không ai chạy khỏi cái chết. Nhưng người *quên chết* và *nhớ chết* có khác nhau. Vì người nào nhớ đến cái chết người ấy không sợ chết, bởi người ấy đã chuẩn bị đầy đủ mọi phương tiện để đối phó với tử thần. Còn người quên cái chết vì lý do ham mê theo ngũ trần không hề chuẩn bị để đối phó, khi tử thần đến thì lấy làm kinh sợ, vì nhìn lại trong tay không có món chi để chống lại tử thần.

HỎI: Thưa ông, ông vừa nói người nhớ đến cái chết thì không sợ chết. Vì người ấy đã chuẩn bị đầy đủ những gì cần để chống lại Tử thần. Xin ông cho biết người phải chuẩn bị những món gì để chống tử thần?

ĐÁP: Khí cụ mà người cần phải chuẩn bị đối với Tử thần có rất nhiều, nhưng tóm lại có 3 điều là Bồ thí, Trì giới và Tham thiền về chỉ quán. Sau dùng Minh sát tuệ để diệt tận phiền não. Phạm khi người biết rằng mình có đủ khả năng để làm việc gì thì không biết lo sợ khi đối mặt với việc ấy. Cũng như người thấy mình có đủ khả năng chống Tử thần thì không hề sợ Tử thần.

HỎI: thưa ông, người ta có đầy đủ khả năng thì không sợ, còn như chúng ta là người chưa có đủ khả năng chạy trốn Tử thần thì làm sao không sợ hãi Tử thần?

ĐÁP: không cần phải có đầy đủ khả năng, hiện giờ chúng ta đã có Bồ thí, Trì giới niệm tưởng công đức của Đức Thế Tôn hằng ngày không để duôi. Khi không để duôi lúc lâm chung chính mình kiểm soát thấy mình không làm gì nên tội và phước thiện đã đào tạo xong rồi. Phạm hạnh là nơi nương nhờ mình cũng đã có rồi tự nhiên không còn kinh sợ tử thần. Phạm hạnh là khí cụ có đủ khả năng chống với Tử thần rất hữu hiệu. Nếu ông ráng tu hành thì ông sẽ nhận thấy sự can đảm của lòng mình.

Khi mình nhận thấy đủ can đảm chống với Tử thần thì sau khi quá vãng chắc chắn được sinh về cõi yên vui thơ thới. Ông sẽ nhận thấy chết chẳng qua là đổi cái nhà cũ ra cái nhà mới và tốt đẹp hơn, còn người không lo trau dồi đức hạnh khi chết thấy mất cả mọi vật mà mình đã có.

-oOo-

Chủ đề TỨ ĐỀ

-oOo-

HỎI: Trước kia tôi chưa học Phật tôi không cảm thấy khổ là gì hết. Càng đi sâu vào Phật giáo thì càng thấy tất cả những gì cuống đều khổ, tội. Tôi càng nghĩ càng kinh sợ.

Thưa ông, đành rằng Đạo Phật là Đạo diệt trừ khổ. Nhưng tôi vẫn còn hoài nghi: Không biết chắc rằng có diệt tận được khổ hay chẳng. Vì tôi vẫn còn thấy tất cả hàng Phật tử thậm chí đến hàng Tăng lữ là bậc hành Phạm hạnh cao thượng nhất mà cũng vẫn thấy còn khổ?

ĐÁP: Ông đề cập đến vấn đề "Khổ" vậy chính ông có hiểu rõ tiếng khổ chưa? Khổ nghĩa là gì? Có bao nhiêu loại khổ? Khi nào khổ sinh lên? Và do nguyên nhân nào mới phát sinh khổ? Phạm người muốn diệt khổ phải biết nguyên nhân sinh khổ cho thật chắc, thật rõ mới tìm thấy phương pháp diệt khổ.

HỎI: Thưa ông, người đời không ai không bị khổ, ai ai cũng phải trải qua cảnh khổ, không khổ này cũng khổ kia, ai cũng biết vậy. Nay ông lại hỏi tôi: Khi nào khổ sinh lên? Do nguyên nhân nào? Thưa ông hỏi vậy để làm gì?

ĐÁP: Sờ dĩ mà tôi phải hỏi vậy để biết ông quan niệm cái khổ ra sao? Theo lời Phật dạy: Muốn hiểu rõ cái khổ phải học cho biết thật rõ ràng, phải mất rất nhiều thì giờ, chớ không phải giản dị như ông tưởng. Vậy ông có thể kể sơ cho tôi biết vài cái khổ mà ông cho là khổ được không?

HỎI: Được, nhưng nếu tôi nói hơi sai hay lạc đề xin ông tha lỗi cho. Vì chắc rằng ý kiến của tôi không phù hợp với Phật giáo. Theo quan niệm của tôi, khổ là sự bức bối trong tâm, khổ ấy sờ dĩ xâm nhập vào tâm do một sự việc hay hoàn cảnh bên ngoài như thất vọng. Khổ vì thiếu thức ăn, thiếu mặc, vợ bệnh, con đau... Thưa ông theo tôi hiểu khổ như vậy có đúng không?

ĐÁP: Cũng tạm gọi là đúng, nhưng tôi thiết tưởng nên sắp lại cho có thứ tự. Theo như ông vừa kể thì khổ có rất nhiều, nhưng chung quy không ngoài cái khổ của thân và cái khổ của tâm. Bốn trọng khổ trên đời này là:

- Khổ sinh.
- Khổ già.
- Khổ đau.
- Khổ chết.

Ngoài ra còn có:

- Sống chung với người mình không ưa cũng khổ.
- Xa lìa người mình yêu thương quý mến cũng khổ.
- Muốn mà không toại nguyện cũng khổ.
- Tóm lại chấp trước thân ngũ uẩn này là khổ.

Để hiểu rõ *Khổ*, Đức Thế Tôn có dạy chia khổ ra làm 3 phương diện khác nhau là:

- Dukkavedanà, Thọ Khổ.
- Dukkhalakkhanà, Trạng thái của Khổ.
- Dukkha àriyasacca, Khổ diệu đế.

HỎI: Thưa ông, để dễ theo dõi trước hết xin ông định nghĩa dùm tiếng *Dukkha*, *Khổ*.

ĐÁP: Để phân tích Phạn ngữ "Dukkha" ta thấy như thế này: "Du" có nghĩa là khó, "Kha" có nghĩa là chịu đựng. Theo văn phạm, chữ Kha đứng sau như vậy thêm vào chữ K nữa để cho dễ đọc. Vậy khi ráp lại thành chữ là Dukkha có nghĩa là vật gì làm cho ta khó chịu đựng nổi, vật ấy gọi là Dukkha, ta gọi là Khổ... Người hiểu như thế theo phương diện cảm giác gọi là Vedanà, nghĩa là Thọ.

Nếu hiểu về phương diện chân lý trừu tượng thì Du có nghĩa là vật gì đáng khinh miệt (không đáng cho chúng ta bám víu), Kha là hư vô, rỗng không. Thế gian là biển khổ, và như vậy là đáng cho ta khinh miệt không đáng cho ta quan tâm, bám víu vào. Thế gian không phải là thực tế mà là ảo ảnh, là hư vô, là rỗng không. Vậy Dukkha theo nghĩa này là hư vô, không đáng cho ta bám víu, hay nói một cách khác cho dễ hiểu hơn là thế gian này không có gì đáng cho ta miệt mài hay ham mê, theo nó chỉ làm cho ta buồn rầu đau khổ thôi.

HỎI: Xin ông cho biết Phật giáo có dạy phương pháp nào để diệt trừ những cái khổ mà ông đã kể trên không?

ĐÁP: Dĩ nhiên là phải có, nếu không có dạy phương pháp diệt khổ thì ai tu theo Phật làm gì.

Đức Thế Tôn dạy về Thọ khổ rất tóm tắt, vì Ngài cho cái khổ này không phải là cái khổ vĩ đại. Tiếng "Vedana" có nghĩa nhận lấy. "Dukkha-vedana" có nghĩa là nhận lấy một đối tượng bên ngoài vào làm cho tâm ta khó chịu. Vậy Thọ khổ là lãnh một trạng thái không vui từ bên ngoài như mất của, xa người thương yêu, gần người thù ghét, bệnh hoạn, bị hiếp đáp v...v

Đức Thế Tôn ví những cái khổ vừa kể trên như bệnh ghẻ ngoài da, không quan hệ lắm. Những cái khổ còn con này người đời ai ai cũng có thể tự chữa cho mình được bằng cách này hay cách khác. Thí dụ như bị mất tiền là khổ, nhưng tiền ấy có thể kiếm lại được, khi được tiền lại là vui ngay. Xa người thân thuộc mến yêu là khổ, nhưng lúc gặp lại thì vui ngay. Bệnh hoạn là khổ khi hết bệnh là vui lại liền.

Cách chữa bệnh ở trên chỉ tạm thời mà thôi vì các nỗi khổ kia rồi sẽ còn trở lại làm khổ chúng ta nữa. Tại sao vậy?

Vì những cuộc vui vừa kể trên là những cái vui tạm bợ, sau những cái vui ấy còn đầy nỗi khổ do phiền não tạo nên, những cái vui mà chúng ta hưởng hàng ngày đây chưa hẳn là vui hoàn toàn vĩnh cửu theo lời Phật dạy.

Đáng tiếc thay! Người đời chỉ thấy được cái thọ khổ và cách chữa trị nông cạn như trên nên phần đông đều xem thường cái khổ. Do đó họ còn phải chịu trầm luân mãi mãi trong bể luân hồi khổ.

Chỉ có đấng Đại Giác Ngộ, Thánh nhân, Chư Đốc Giác Phật mới nhìn thấy và biết rõ trạng thái thậm thâm vi diệu của pháp Tứ đế trong đó có Khổ diệu đế. Nhờ các ngài trông thấy cả bề sâu và bề rộng của các pháp ấy nên các Ngài mới diệt được tận nguồn gốc của cái khổ và cũng do đó mà các Ngài giải thoát được.

Muốn hiểu rõ ý nghĩa hai cái khổ trọng đại vừa nói là Dukkhalakkhana - Trạng thái của khổ, và Dukkha àriyasacca - Khổ diệu đế, ông còn cần phải biết thêm vài chi tiết phụ thuộc về đời sống của con người như:

- Đời sống là gì?
- Tại sao có đời sống?
- Đời sống từ đâu đến?
- Sau cùng đời sống sẽ đi về đâu?

Khi mà người hiểu rõ được bốn điều này bằng trí tuệ thật sự thì người ấy mới biết rõ cái khổ.

HỎI: *Thú thật với ông tôi chưa từng xem kinh hay nghe đến bốn điều ấy bao giờ, xin ông vui lòng giải thích luôn cho tôi được biết?*

ĐÁP: Xin ông ráng nghe cho kỹ những điều này vì rất là quan trọng. Đức Thế Tôn dạy người mà chưa biết đời sống là gì, người ấy chưa biết thế nào là khổ, và cũng không bao giờ có đầy đủ nghị lực để chống lại với khổ, thì làm sao mà giải thoát cho được.

Ngài cũng có dạy thêm rằng: Ở đâu có đời sống thì ở đó có khổ. Khổ không phaûi từ bên ngoài đến mà chính nó ở trong lòng người. Dầu có muốn trốn cũng không khỏi. Đời sống của con người, chắc chắn sẽ có khổ. Một đôi khi cũng có vui, nhưng chỉ vui thoáng qua trong chớp mắt thôi, cái vui thật ngắn ngủi, mà rất khó gặp được. Vì lẽ ấy nên cõi đời này mới gọi là bể khổ. Đức Phật ví người sống trên cõi đời này chẳng khác nào người cầm đuốc chạy ngược chiều gió, bị lửa tấp vào tay vào mặt luôn luôn. Đôi khi có ngọn gió thổi tạt qua một bên, được mát một chút. Lúc đó tạm hưởng được một chút an vui, lại quên mất cái khổ đi.

Để cho ông dễ nhận thức hơn, tôi xin nhắc lại tích của một thầy Bà la môn vấn nạn Đức Thế Tôn.

Thầy Bà la môn hỏi: "Thưa thầy Cồ Đàm, trong thế gian này cái khổ nào vĩ đại hơn hết?"

Thay vì đáp lời, Ngài lại hỏi thầy Bà la môn rằng:

- Vậy riêng thầy, thầy nghĩ khổ nào vĩ đại hơn hết?
- Theo tôi nghĩ, khổ chết có lẽ là vĩ đại hơn hết.
- Cái chết chưa phải là cái khổ vĩ đại tuyệt đối.
- Nếu không phải thì chắc là sự tiêu hoại tài sản chứ gì?
- Cũng không phải.
- Vậy chắc là sự chia lìa kẻ thân yêu nhất của mình?
- Điều này chỉ là cái khổ rất nhỏ phụ thuộc mà thôi.
- Không phải vậy thì nó là cái khổ đói khát chăng?
- Cũng chưa đúng.
- Thôi, vậy là cái khổ trong A Tỳ Địa ngục rồi.
- Cũng không phải nữa.

Khi ấy thầy Bà la môn không còn biết phải trả lời cách nào nữa, đành phải thú nhận sự ngu dốt của mình và cầu xin Đức Thế Tôn chỉ dạy cho.

Đức Thế Tôn mới phán rằng: ***Cái khổ vĩ đại của chúng sinh là còn tái sinh lại nữa.***

Ý Đức Phật muốn dạy, vì người còn có thân này nên mới còn có tất cả những thứ khổ. Ngài thường nhắc nhở chúng sinh rằng: Thân này là ổ khổ, cái nôi sinh ra khổ, nguồn gốc của mọi sự khổ.

Sở dĩ cái khổ còn đến với chúng sinh vì chúng sinh còn chấp cái ta, là cái thân này. Cái khổ theo lời Phật dạy không phải là do từ bên ngoài mà chính là do lửa Phiền não ở bên trong nó thiêu đốt tâm ta.

Một khi tâm ta còn phiền não thì nó còn tối mê. Con người không sáng suốt thì còn tạo nghiệp, nhất là nghiệp Ác, vì đó mà phải tái sinh luân hồi để trả quả, và chịu khổ triền miên.

Giờ đây ông đã hiểu thế nào là khổ và nguồn gốc của khổ rồi thì chúng ta có thể đề cập đến phương pháp diệt tận khổ của Đức Thế Tôn đã giáo truyền.

Như ông đã biết Đức Thế Tôn thường được suy tôn là bậc "Tối thượng y vương" vì các môn thuốc của Ngài trị được tận gốc các chứng bệnh của chúng sinh.

Ở đây cũng thế, phương pháp diệt khổ của Đức Phật dạy là phải diệt tận ngay nơi nó phát khởi. Nói một cách khác là phải dập tắt ngay phiền não trong thâm tâm mình, đừng để nó phát sinh lên.

Đức Thế Tôn dạy rất nhiều phương pháp diệt khổ hay dập tắt lửa khổ, lửa phiền não trong thâm Tâm. Ta có thể nói tất cả lời dạy trong Tam Tạng chỉ có một mục tiêu là diệt khổ. Chẳng hạn 37 nhân sanh quả Bồ đề.

Nhưng để cho ông dễ nhớ hơn, tôi có thể tóm lại là chung quy không ngoài ba pháp là Giới, Định, Tuệ.

- Tu Giới là để giữ gìn không cho phiền não phát sinh trong tâm.
- Tu Định là để đè nén không cho phiền não bên trong bộc khởi lên được.
- Tu Tuệ là để diệt trừ tất cả mọi phiền não trong tâm.

Người mà Tâm không còn phiền não là người có Minh sát tuệ, người ấy nhận thấy rõ rệt thực tướng của vạn vật trên cõi đời này (kể cả thân ta) là Vô thường, Khổ não và Vô ngã nên không mê luyến mến tiếc nữa. Người như vậy phát tâm chán nản, xa lìa trần tục, đoạn tuyệt Ái dục, không còn tạo nghiệp, sẽ hết khổ vì khỏi phải tái sinh lại sau khi chết.

HỎI: Thưa ông, tại sao cả ba pháp Giới, Định Tuệ, Đức Phật dạy đều là phương pháp diệt khổ nơi Tâm, mà không có phương pháp nào diệt khổ của Thân?

ĐÁP: Vì trên thực tế nếu Tâm hết khổ, được an vui thì thân cũng được an vui, không cần đề cập đến làm gì.

HỎI: Theo tôi thiết nghĩ vật chất có trước tinh thần (Tâm). Vậy Tâm không quan trọng bằng Thân (Vật chất). Sở dĩ con người phải khổ vì thiếu vật chất nghĩa là thiếu những nhu cầu cho bản thân. Nếu ta có đủ cung phụng cho thân, thì nó đâu còn đau khổ và tinh thần sẽ được an vui thơ thới.

Vậy xin ông cho biết theo Phật giáo dạy Thân có trước hay Tâm có trước.

ĐÁP: Đối với giáo lý nhà Phật về vấn đề Thân có trước hay Tâm có trước, Thân là "không quan trọng". Dù Thân có trước hay Tâm có trước, điều chắc chắn là con người vẫn phải khổ vì nó. Dầu ta có phí mất bao nhiêu công lao khó nhọc, thì giờ quý báu để nghiên cứu tìm ra và biết được Tâm hay Thân cái nào có trước, nó cũng chẳng đem ích lợi gì đến ta, vì nó không giúp ta diệt được khổ.

Nếu ông thiên về sắc thì ông bảo sắc có trước, sắc là vật quan trọng. Nhưng thử hỏi sắc mà không có Tâm vậy Sắc có tồn tại được hay không?

Có Thân mà không có Tâm vậy cái thân ấy có thể gọi là người được không?

Theo lời Phật dạy thì Tâm là chủ Thân. Tất cả những sự cảm xúc vui buồn, sướng hay khổ đều do Tâm mà có. Nếu không có tâm thì không có gì hết.

Tóm lại vui hay khổ đều do nơi Tâm mà có, vì vậy nên khi ta khổ, ta nên tìm xem nguyên nhân nào làm cho Tâm ta khổ, sau đó ta mới có thể dập tắt được tận nguồn gốc cái khổ.

Con người khi thấy thiếu thốn nhu cầu vật chất cho họ, họ cho là khổ, và lại lầm tưởng rằng: nếu cung phụng đầy đủ nhu cầu cho bản thân tất nhiên hết khổ, được an vui ngay.

Nhưng họ không ngờ rằng làm như thế không công hiệu lắm mà theo một hai trường hợp lại làm gia tăng sự thèm muốn nữa, xin quý vị hãy nghĩ coi vật đó là gì.

Sự cung cấp vật thực cho Tâm phải chăng là tạm thời thỏa mãn sự đòi hỏi trong một gian đoạn nào đó mà thôi. Nhưng trái lại, cái bệnh xu hướng và ham mê theo dục trần, gọi chung là ái dục, chẳng những không thuyên giảm mà nó lại ngấm ngấm gia tăng mãnh liệt.

Lòng tham vọng của con người vô bờ bến, không bao giờ biết đầy, mà cũng chẳng có chỗ nào chứa cho đủ, vì vậy nên con người không thể làm sao cho thỏa mãn lòng khát vọng của mình. Nếu hôm nay được một, mai muốn có thêm hai, mãi mãi đến nơi không có số đếm, mặc dù vậy mà Tâm cũng chẳng biết chán.

Người thấy thiếu tiền thật là khổ, nhưng mà khi đã được tiền rồi vị tất được an vui trọn vẹn. Biết bao nhiêu người nghèo khó khi làm việc có tiền, trở thành Trượng giả sang giàu, nhưng rồi lòng ham muốn vẫn còn làm cho họ khổ, không bao giờ được an vui, vì họ chưa thấy đủ. Đó là chưa kể những cái khổ phụ thuộc khác như lo lắng thêm nhiều, sợ mất của càng làm lo sợ nhiều hơn.

Thử hỏi khi có nhiều của cải tài sản như vậy có hết khổ không? Có an vui như mong muốn không?

Thật ra vui hay khổ là vật vô tư, không thật có, nhưng chỉ vì tâm chúng ta còn đầy dẫy phiền não, tối mê nên chấp là có thật để rồi tự mình thấy khổ hoặc vui mà thôi. Bao giờ Tâm ta sạch hết phiền não thì không còn khổ nữa.

HỎI: Thưa ông, muốn hành cho có kết quả ba phương pháp tận diệt phiền não là Giới, Định, Tuệ ấy, người Phật tử cần phải có thêm điều kiện gì khác không?

ĐÁP: Đức Thế Tôn thường dạy: Nên tập cho mình trở nên người luôn luôn có trí nhớ, biết mình, không nên dễ duôi thì mới giải thoát được.

Đối với người Phật tử, Trí nhớ rất quan trọng, ví như cái khiên để che chở tên đạn cho người chiến sĩ. Khi Tâm người thiếu Trí nhớ thì làm gì cũng khó có kết quả mỹ mãn, và trái lại còn đem đến sự tai hại nữa.

Theo người đời, có trí nhớ là không quên phận sự của mình. Pháp ghi nhớ của Đức Thế Tôn dạy có khác và thật chu đáo. Trí nhớ được Ngài phân tích và mổ xẻ thành nhiều pháp phụ cho chúng ta dễ hiểu và dễ lãnh hội, nhất là để cho người ai ai cũng có thể thực hành theo được.

Trước hết là vật mà người dùng để ghi nhớ đó thuộc về Tâm, đó là tác ý ghi nhớ.

Tùy theo tính cách sử dụng, phận sự và hành động của Tác ý ghi nhớ. Pháp gọi là Trí nhớ đây có nhiều tên khác nhau. Chẳng hạn trường hợp Trí nhớ được Đức Phật gọi là Satibala Niệm Lực, nơi đây ngụ ý chỉ về Sức mạnh của Trí nhớ. Cũng có chỗ gọi là Satindriya Niệm căn, ý nói trí nhớ là căn bản của sức mạnh bên trong. Hay gọi Trí nhớ là một nguồn nhớ không khi nào bị gián đoạn. Chỗ khác gọi là Satisambojjhanga - Niệm Giác chi. Có nghĩa Trí nhớ là nhân sinh lên quả Bồ Đề.

Tóm lại, Trí nhớ là một phương pháp làm cho người hằng nhớ sự hành động cử chỉ của mình.

Trí nhớ có ba:

1/- Tính cách nhớ hành động của mình và của mọi người không bao giờ quên.

2/- Tính cách tìm hiểu rõ nhân và quả của các ác pháp. Nên biết rõ rằng: Việc này không phải thiện nghiệp, nó là nhân đem lại tai hại, không trong kiếp này thì cũng kiếp vị lai.

3/- Tính cách tìm hiểu nhân và quả của các điều Thiện như vậy: Điều nào thuộc về thiện pháp thì chắc chắn sẽ trả quả an vui cho ta, không trong kiếp này thì cũng kiếp sau.

Ngoài ra Trí nhớ còn có giúp chúng ta trong nhiều trường hợp như khi biện luận hay ôn nhớ lại các việc đã qua và những việc ta sẽ làm. Người làm việc thường sơ thất là vì thiếu Trí nhớ.

Trí nhớ là nhân đem lại nhiều sự lợi ích như đã kể trên. Nên Đức Thế Tôn dạy "*Satanga khvāham bhikkhave sabbatthikamvadāmin*", Này các thầy Tỳ khuru, Như Lai hằng ngợi khen rằng: Trí nhớ là một đặc ân, một tài sản tối cao, có thể đem sự lợi ích đến cho người được.

Những Trí nhớ nói trên thuộc về trí nhớ của người phàm, nên chỉ có lợi ích trong một phạm vi nhỏ hẹp mà thôi, không phải là trí nhớ tới nơi giải thoát. Đức Thế Tôn có dạy Trí nhớ là con đường đi tới nơi giải thoát. Thiết tưởng nhân dịp này cũng cần nhắc luôn ra đây để ông hiểu thêm.

Trí nhớ của người giải thoát là trí nhớ Tứ Niệm Xứ. Trí nhớ này có bốn chi:

1. **Niệm thân.** Nghĩa là hành giả luôn luôn ghi nhớ đến thân lấy sắc uẩn (thân) này làm ấn tượng (đề mục), quan sát cho thấy rõ thân này thật không bền vững, nó hằng đem sự đau khổ, bức tức, hằng thay đổi từng sát na. Thật ra mà nói thì nó không phải là của ta. Người hằng niệm như vậy gọi là niệm Thân.

2. **Niệm Thọ.** Nghĩa là dùng trí tuệ để quan sát Thọ uẩn (là những tiếp xúc thân nhận lấy những sự việc bên ngoài, vui hay khổ, những đề mục vui hay khổ không đề mục nào được tồn tại trong lòng ta. Nó chỉ đem lại cho ta trong nhất thời tùy theo sức của nó. Những việc gì cũng thay đổi từng sát na, nó không thường, vì vậy nên nó là khổ não. Nếu nó không thường và đem khổ não đến cho ta thì nó không phải ta nghĩa là Vô ngã. Khi ta dạy tâm ta niệm tưởng như thế gọi là niệm Thọ. Người nên nhận thấy những sự vật mà ta đã thọ lãnh đều trong phạm vi cai quản của Vô thường, Khổ não và Vô ngã.

3. **Niệm Tâm.** Người hành giả nên để tâm mình nhìn xem Thức uẩn, ý nói rằng hãy dùng trí nhớ quan sát Thức uẩn để thấy rõ rằng: Thức này thường thay đổi không ngừng nghỉ, mặc dù trong một sát na cũng khó giữ được nó. Thức là vật không bền vững nếu vật nào không bền vững là vật hằng đem lại sự đau khổ, nếu vật hằng đem đến đau khổ là không phải của Ta.

4. **Niệm Pháp.** Nghĩa là hành giả để trí nhớ vào Tướng uẩn và hành uẩn để kiểm lại cho chặt chẽ, và phải thấy rõ ràng: Hai uẩn này là Vô thường, Khổ não và Vô ngã. (Đoạn này rút trong bài kinh tên là Mahāsatiṭṭhāna có nghĩa là Đại Tứ Niệm Xứ).

Đây là bốn pháp làm cho Trí nhớ phát sinh, hành giả nên hành cho được có kết quả. Không nên dễ duôi.

1. Người có trí nhớ nên biết mình trong mọi oai nghi.

2. Tư cách của người xa lánh những người dễ duôi thiếu trí nhớ hay người say sưa vì rượu.

3. Tư cách của người thường hay thân cận với các bậc trí thức. Bậc không bao giờ để quên mình, ý nói người hằng có sự không dễ duôi, không hề dám xao lãng tu hành, người rất sợ luân hồi như người kinh sợ đao phủ thủ.
4. Tư cách của người làm việc gì chẳng hạn đều để trí quan sát kỹ càng trước khi hành sự.

Trong bộ chú giải của bài kinh Đại Tứ Niệm Xứ có dạy: Người có trí nhớ luôn luôn nhớ đến bảy điều sau đây:

1. Sự bước tới bước lui.
2. Sự ngó trước trông sau.
3. Sự co tay co chân, hay ngay tay ngay chân.
4. Sự mặc y, mang bát (sự mặc áo quần).
5. Sự ăn uống (như không cho rơi rớt, đổ tháo, hay không húp canh ra tiếng, hoặc ăn chấp).
6. Sự đi đại tiểu tiện.
7. Sự đi đứng nằm ngồi.

Trí nhớ trong bảy điều kể trên là Trí nhớ có sự biết mình. Người tập như thế khi tâm được thuần thực thì người ấy có thể ngăn đón được tâm phóng túng, vọng động.

Đại đức Xá Lợi Phất có dạy "Dve dhammà bàhupakàrà", nghĩa là Trí nhớ và Biết mình là hai pháp có rất nhiều đặc ân cho người hành đạo.

Tâm người mà thiếu hai pháp ấy thì nó sẽ phóng túng theo ý nó. Tâm ấy không còn phân biệt được phải trái. Ví như xe mà không có tài xế, hoặc xe đang xuống dốc mà không có thắng hay thắng bị hư. Người trên xe ấy có thể chết dễ dàng.

Tướng của trí nhớ có hai là:

1. Apilānalakkhanam - Tư cách nhắc nhở Tâm không cho tâm quên (mọi việc mà đã có).
2. Upagghahalakkana - Tư cách gom tâm lại một chỗ (có nghĩa là không cho Tâm phóng túng cũng gọi là Định).

Trí nhớ là nhân làm cho Tâm không quên hay không xa thiện pháp. Hơn nữa nó có lợi ích là ngăn không cho ác pháp đến gần hay xâm nhập vào Tâm. Trí nhớ giống như vị coi ngân khố nhà vua, biết rõ số vàng còn bao nhiêu và thiếu bao nhiêu cho nhà vua biết, để nhà vua không dám xa xỉ. Cũng như Trí nhớ nhắc nhở Tâm cho biết rõ đã có bao nhiêu Thiện pháp được tích trữ, và còn có bao nhiêu ác pháp đang tàn phá Tâm.

Người mà thực hành đúng theo Pháp ghi nhớ là người:

- 1/- Ráng học cho thông thạo Phật ngôn.
- 2/- Ráng thực hành đúng theo lời Phật dạy.

Người có trí nhớ là người có Thâm Tâm rất bình tĩnh. Khi có chuyện gì xảy ra làm cho bất bình cũng không hề tỏ vẻ bất bình. Chỉ có người có trí nhớ

mới có thể dần được cơn nóng giận ấy. Vì người có trí nhớ hằng biết rõ: Sân là thứ thuốc độc làm hại Tâm. Sau ấy mới tìm phương thế để diệt trừ sự nóng giận bằng một phương pháp nào tùy theo trường hợp, chẳng hạn như bằng nhẫn nại, bằng từ bi hoặc bằng cách lánh mặt đi nơi khác để tránh sự đáng tiếc sắp xảy ra. Sự tránh được những cãi vã hay bất hòa cũng do nhờ Trí nhớ trước hết. Trí nhớ mà có đủ rồi có thể dập tắt được các thứ lửa như lửa Sân hận, Tham lam ... nơi mà nó vừa bộc phát. Thật ra phương pháp ghi nhớ không mất tiền mua, nhưng lại là phương pháp diệt phiền não thật là hữu hiệu.

HỎI: Ông nói Phật Pháp thật là huyền diệu. Biết được Tâm phiền não, nhưng tại sao đã có biết bao vị xuất gia tu hành tinh tấn mà không thấy vị nào đắc thánh quả giải thoát?

ĐÁP: Muốn biết rõ pháp giải thoát, ông cần phải biết sơ qua về Niết bàn của Phật pháp. Niết bàn có hai:

1. Hữu dư Niết bàn: Nghĩa là Niết bàn còn dư sót. Ý nói: Các bậc Thánh nhân đã đắc đạo, các Ngài không còn phiền não, nhưng còn mang cái thân ngũ uẩn này, các Ngài vẫn còn phải bị bệnh hoạn, còn đói khát như chúng ta. Nhưng khác hơn chúng ta là các Ngài không bị khổ phiền não. Các Ngài không khổ và không mền tiếc Ngũ uẩn như chúng ta. Các Ngài còn sống trong thế gian này vì các Ngài còn tuổi thọ nên không nhập diệt đó mà thôi.
2. Vô dư Niết bàn: Nghĩa là Niết bàn không còn dư sót. Ý nói các Ngài không còn có thân ngũ uẩn nữa. Các Ngài đã đến Niết bàn thật sự, nghĩa là bỏ hẳn thân ngũ uẩn. Nói một cách khác để cho dễ hiểu hơn là hoàn toàn đã nhập diệt.

HỎI: Thưa ông, như chư Thánh nhân biết rằng: Đời này khổ, các Ngài đã giải thoát rồi, không mền tiếc gì thì tại sao các Ngài không nhập diệt đi cho rồi mà còn sống trong đời này để làm gì?

ĐÁP: Đã là Thánh nhân nên không còn phiền não thì các Ngài nào còn kinh sợ khổ như chúng ta. Sở dĩ các Ngài chưa nhập diệt là vì các Ngài thấy tuổi thọ các Ngài còn dư chưa hết, các Ngài đối với thân này chẳng khác nào như chúng ta mặc áo, mặc dù cũ, mới dơ, sạch cũng thế thôi. Đối với các Ngài, thân này dầu còn hay mất cũng không thành vấn đề.

Ông nói rằng: Có lẽ ông hiểu nghĩa sự giải thoát bằng cách tuyệt đối, nghĩa là theo ông phải thành Phật mới là giải thoát. Nhưng nếu ông hiểu như vậy thì chỉ đúng một phần thôi, chứ không cần phải có sự giải thoát lần hồi từng chi tiết một. Chắc ông cũng trông thấy các chư Đại đức giải thoát được rất nhiều những cái mà chúng ta còn dính mắc rất chắc như Gia đình, Quyền lợi, Danh vọng. Các Ngài hầu như xa hẳn với việc thế gian. Như vậy tại sao ông

nói các Ngài không giải thoát. Sở dĩ chúng ta lễ bái cúng dường các Ngài là vì các Ngài đang thực hành những pháp cao thượng mà chúng ta chưa hành được.

Ông nói, ông không thấy các bậc Thánh nhân được giải thoát. Sự thật nếu ông ngồi đối thoại với các vị Thánh nhân mà ông nói như vậy, các Ngài nghe biết, các Ngài cũng không nói cho ông biết Ngài là Thánh nhân. Vì các Ngài không còn phiền não nên các Ngài không cần ai biết mình là gì hết.

Chỉ khi nào chính ông được giải thoát, ông đắc được Tâm pháp như các Ngài thì ông mới nhận biết các Ngài là bậc Thánh nhân.

HỎI: *Xin ông cho biết, người ta thường nói Đức Phật độ tận chúng sinh. Vậy có đúng không? Tất cả hàng Phật tử tu theo Phật giáo có được giải thoát không?*

ĐÁP: Sự thật Đức Phật không có quyền lực gì đem chúng sinh lòng còn đầy dẫy phiền não giải thoát được. Trong Tam Tạng cũng không hề thấy có nơi nào nói: Đức Thế Tôn cứu người ra khỏi khổ cả. Mà cũng không phải Ngài là đấng thiêng liêng lập ra thế gian này để cho chúng sinh ở chịu khổ. Ngài không ban phước hay cho tội chi chi hết.

Ngài chỉ là đấng tìm thấy con đường giải thoát khỏi khổ, chân lý dạy người hành theo thoát khổ. Rồi vì lòng Từ bi của Ngài, nên Ngài mới đem ra giáo hoá chúng sinh, ai hành theo lời Ngài thì chắc chắn được giải thoát.

Phật pháp ví như món ăn ngon, người nào muốn ăn no và cảm thấy ngon thì nên tự mình ăn thì mới biết là vật thực ngon.

Phật pháp ví như thần dược, khi người bệnh muốn khỏi thì uống, khi uống đúng độ của thuốc thì sẽ thấy cái hay của thuốc, nghĩa là khi ấy mới thấy cái hiệu nghiệm của thuốc như thế nào. Người bệnh mới biết chính mình bớt bệnh và mạnh. Riêng người ngoài thì không biết gì cả. Cũng như nếu ông muốn biết thế nào là giải thoát thì hãy hành đạo. Khi hành xong diệt được phiền não tới mức độ nào thì ông mới biết ông giải thoát. Vì vậy nên giải thoát mới gọi là Pháp cao siêu, vì Pháp ấy ai đắc thì chỉ có một mình người ấy hiểu biết mà thôi.

Để trả lời câu ông hỏi: Tất cả Phật tử tu theo Phật giáo có được giải thoát hết hay không? Tôi xin nhắc lại bài kinh Banakamoggallàna cho ông hiểu.

Bài kinh này, Đức Thế Tôn thuyết cho ông Bà la môn tên là Banakamoggallàna tại chùa Subbàrama gần thành Sàvatthi như vậy:

Có thầy Bà la môn tên là Ganagamoggallana đến hỏi Phật rằng: Thưa ông Cồ Đàm, tất cả đệ tử của thầy nghe theo lời thầy dạy, hành theo lời thầy đều được giải thoát hết không?

Đức Thế Tôn đáp: Này thầy Bà la môn, mặc dầu Như Lai giảng dạy thật rành như thế, nhưng cũng có vị đắc thành, có vị không đắc thành.

- Thưa thầy Cồ Đàm, do đâu, bởi lý do nào? Niết bàn có thật? Có vị giáo chủ chỉ bảo rành rẽ. Tại sao có vị đắc được Niết bàn, còn có vị không đắc được?

- Này thầy Bà la môn, Như Lai xin hỏi thầy điều này, thầy cứ trả lời theo kiến thức của thầy. Như thầy là người rành đường đi vào thành Vương Xá, có người kia muốn vào thành Vương Xá đến hỏi thầy rằng: thưa thầy, tôi muốn đến thành Vương Xá, xin thầy vui lòng chỉ giùm.

Khi đó thầy bảo với người ấy rằng: Đây là đường đi đến thành Vương Xá, người đi đến một nơi kia có làng tên như vậy, đến nơi nọ có quận như vậy, rồi đi đến nơi có nhiều đám vườn đẹp, có ao hồ mát mẻ tốt tươi, nhà cửa xinh đẹp đó là thành Vương Xá.

Thầy chỉ rõ như vậy, nhưng người ấy lại đi lạc đường. Còn có người khác nhớ kỹ và đi đúng đường, họ đến nơi đến chốn. Này thầy Bà la môn, vì lý do nào, vì nguyên nhân nào? Có đường đi đến thành Vương Xá thật và người chỉ đường rất rành cuống có, nhưng tại sao có người đi lạc đường, có người lại đi đúng?

- Thưa thầy Cồ Đàm, chuyện này tôi đâu biết làm sao, vì tôi chỉ là người chỉ đường mà thôi.

- Thầy Bà la môn, Như Lai cũng vậy. Niết bàn có thật, đường đi đến Niết bàn cũng có. Nhưng có vị đệ tử của Như Lai không đến mục tiêu được, có vị lại đắc được. Như vậy đâu phải lỗi tại Như Lai, vì Như Lai cũng chỉ là người chỉ đường mà thôi.

Nếu người nào hữu duyên học thông Phật pháp và rất chuyên cần hành đúng theo lời chỉ giáo của đấng Đại Giác thì sẽ đắc quả theo ý muốn.

Người có đức tin chân chính, hành theo đúng giáo pháp của Đức Thế Tôn thì chắc chắn đắc đạo quả chẳng sai. Sở dĩ người không đắc được là vì hành không đúng theo lời Ngài dạy, người này cũng ví như người đi không đúng theo đường lối của người chỉ.

***HỎI:** Rất cảm ơn ông đã vui lòng giải đáp những sự nghi ngờ và thắc mắc trong lòng tôi từ lâu. Tôi cảm thấy không còn chi đáng hỏi Ngài thêm nữa. Cầu xin ông được mạnh khoẻ mãi và vui lòng chỉ giùm những điều chúng tôi nghi ngờ. Ngày nào tôi còn hoài nghi tôi sẽ đến hỏi ông thêm. Mong rằng ông vui lòng chỉ giúp.*

***ĐÁP:** Không có chi mà ông phải ngại, đây phải chăng là trong lúc có thì giờ nhàn rỗi chúng ta bàn qua vấn đề đạo đức chút đó thôi. Tôi cũng mong gặp lại ông ngày gần đây.*

--(Hết)--

-oOo-